

Khởi Hành

TẠP CHÍ SÁNG TÁC SINH HOẠT VĂN HỌC NGHỆ THUẬT

NĂM THỨ BẢY ■ SỐ 178 ■ Sáng Lập: Anh Việt TRẦN VĂN TRỌNG

BỘ MỚI ■ SỐ 22 ■ Chủ Nhiệm Chủ Bút: VIÊN LINH



ĐINH HÙNG (1920-1967)

ĐINH HÙNG

Từ cố đô hỗn lạc xứ về đây,
Bao hài cốt nổi trôi bờ biển khác.
MÊ HỒN CA

SỐ 22 ■ THÁNG 8 ■ 1998

TÔ THÙY YÊN

tâm thức khuấy dạn của thơ

NGUYỄN NGỌC BÍCH

tình sử hổ xuân hương - tổn phong

TRẦN TRỌNG SAN

dịch hai bài thơ tiểu thanh

LƯU VĂN VINH

nhà tiên tri của vua chúa, văn gia

NGUYỄN PHƯƠNG TUẤN

chủ đề utopia trong văn học thế giới

TRẦN HOÀI THƯ

sinh nhật tôi

TRẦN VĂN NAM

thể thơ đối thoại với huyền kiều



NGÂN GIANG ■ HÀ THƯỢNG NHÂN ■ CAO
TIÊU ■ THÀNH TÔN ■ NGUYỄN SỸ TẾ ■
ĐÀM TRUNG PHÁP ■ HOÀNG NGỌC LIÊN
THÁI CUỒNG ■ SONG HỒ ■ HOÀNG LỘC
NGUYỄN CHÍ KHAM ■ ĐÈO VĂN TRẤN ■
HUỲNH LIỄU NGẠN ■ BÙI NGỌC TUẤN
DUY THANH ■ HOÀNG HUY KHÁNH
RỪNG ■ LỮ YÊN ■ PHAN DIÊN ■ H.T.N

Khởi Hành

Tạp chí Sáng Tác Sinh hoạt
Văn học Nghệ thuật



Sáng lập:
Anh Việt TRẦN VĂN TRỌNG

Chủ nhiệm Chủ bút:
VIÊN LINH

Toà Soạn: 9306 Bolsa Ave
Westminster, CA. 92683
Thư từ: P.O. BOX 670
Midway City, Ca. 92655
ĐT: (714) 897-2599

ĐẠI DIỆN CÁC NƠI:

PHÁP:

■ Mme Phạm Thu Hương/ An Tiêm
14 Villa des Acacias
202 Rue d'Epinay
95360 Montmagny, France
Tel: 01 39 84 00 84

■ Mme Vũ Lan Phương/ Đào Viên
82 Rue Baudricourt
75013 Paris, Metro Tolbiac
Tel: 01 45 85 20 70

Báo có đủ từ số 1 bày bán tại
Nhà sách Nam Á

ĐỨC: Thế Dũng
Mellensee Str. 43
10319 Berlin, Germany
Tel: 49 30 512 29 74

SEATTLE, WA: Trần Thế Phong
SAN DIEGO, CA: Vũ Đức Trường
Nhà sách Thủy Anh
4745 El Cajon Blvd # 103

SAN JOSE: Sương Mai

ATLANTA, GA: Cô Thủy Đông
3146 Dunwoody Rd # 203
Chamblee, GA. 30341

ALABAMA: Lê Nguyễn

Bài vở gửi cho báo khác vui lòng đừng
gửi cho Khởi Hành. Toà soạn không trả
lại bản thảo. Bài được đăng không
nhất thiết phản ánh chủ trương của tờ
báo. Muốn trích đăng bài vở đã đăng
trên Khởi Hành phải có thỏa thuận
trước với Toà soạn và phải ghi rõ xuất
sứ, số báo.

GIÁ BÁO:

Giá \$3.50 mỹ kim một số
Mua dài hạn \$24 mỹ kim một năm
12 số. Thư từ bài vở liên lạc:

Khởi Hành
P.O. BOX 670
Midway City, CA. 92655

CÁC NHÀ SÁCH CÓ BÁN KHỞI HÀNH

Kể từ số báo trước, Tạp chí Khởi Hành đã gửi bán tại các nhà sách địa phương mà chúng tôi liên lạc được qua sự giới thiệu của các thân hữu ■ Trong gần hai năm nay, Khởi Hành chỉ bán cho độc giả dài hạn, qua đường bưu điện ■ Bởi tin rằng cố gắng nào rồi cũng có thành quả, cái Thật nào rồi cũng được nhìn nhận, rằng những người đọc thật sự vẫn có mặt đâu đó ■ Không cần phi lộ chúng tôi vẫn lên đường ■ Quả thật từ Khởi Hành từ lúc tái xuất hiện tại Hải Ngoại, cho tới nay, vẫn chưa có lời Phi Lộ, song người đọc hẳn cũng đã biết rõ chủ trương của tờ báo, nên tờ báo càng ngày càng được đón nhận nhiều hơn ■ Sáu hay bảy nhà sách chúng tôi liên lạc đều cho biết đã có độc giả tới hỏi từ những tháng trước ■ Với sự phân phối rộng hơn, chủ trương của Khởi Hành cũng mở rộng hơn: ngoài Văn học Nghệ thuật, những vấn đề Văn hoá, Nhân sinh cũng sẽ được nói tới ■ Và mong đón nhận ý kiến của bạn ■ Cũng mong quý bạn tìm giúp cho những nhà sách khác nữa ở những nơi chưa có, hầu tờ báo trong tương lai sẽ là một Diễn đàn Văn hoá chung ■ Trân trọng. KH ■

Trung Tâm THỜI MỚI I

1682 St. CLAIR AVE
W. TORONTO, ONT. CANADA

Trung Tâm THỜI MỚI II

186 King Street
E. HAMILTON CANADA

TIẾN HƯNG BOOKSTORE

1120 E. COLONIAL DR.
ORLANDO, FLORIDA

BÍCH THU LINH

8150E. GARVEY AVE, suite 112
ROSEMEADE CALIF.

MINH VĂN BOOKSTORE

2808 GRAHAM ROAD
FALLS CHURCH VIRGINIA

NHÀ SÁCH THÚY ANH

4745 EL CAJON BLVD suite 103
SAN DIEGO CALIF.

TUYẾT MAI BOOKSTORE

2622 CLASSEN BLVD
OK CITY OK.

MI VIDEO

8557 RESEARCH BLVD # 144
AUSTIN TEXAS

VIỆT NAM MUSIC

1818 E. PIONEER PKWY # 162
ARLINGTON TEXAS

VĂN KHOA BOOKSTORE

721S. 38th STREET
TACOMA WA.

TRANG BOOKSTORE

8211 N.E. BRASEE suite #H
PORTLAND OREGON

Thư Quán VĂN

6171 STOCKTON BLVD # 180
SACRAMENTO CALIF.

Nhà sách THẮNG LONG

767 N. HILL STREET suite # 102
LOS ANGELES CALIF.

NAM PHƯƠNG BOOKSTORE

1032B S.JACSON St.
SEATTLE, WA.

SAN GABRIEL SUPERSTORE

SÁCH BÁO BĂNG NHẠC
1635S. SAN GABRIEL BLVD.
SAN GABRIEL, CALIF.

Nhà Sách NAM Á PARIS

SÁCH BÁO BĂNG NHẠC
Quận 13
PARIS FRANCE.

THY HỒNG

575 ADAMS AVE
PHILADELPHIA PA.

VINA BOOKSTORE

1017A S. JACKSON # G
SEATTLE, WA

"KỶ VẬT" CỦA NGUYỄN THẠCH KIÊN

"Kỷ Vật Đầu Tay và Cuối Cùng" là soạn phẩm mới nhất của nhà văn Nguyễn Thạch Kiên, mới xuất bản, cuốn đầu tay 540 trang, cuốn hai tay tương tự, tổng cộng là 1100 trang.

Cuốn sách là một tập hợp những bài viết của nhiều tác giả, rất nhiều người tên tuổi, ký ức của họ về Khái Hưng, cây bút cột trụ của Tự Lực Văn Đoàn. Bên những bài viết này là nguyên bản ba tác phẩm danh tiếng của Khái Hưng: Hồn Bướm Mơ Tiên, Bóng Giai Nhân và vở kịch bốn hồi Khúc Tiêu Ai Oán. Bên cạnh đó còn một số truyện ngắn. Như thế, trong 1100 trang sách, có khoảng hơn một nửa in lại các tác phẩm của Khái Hưng, các trang còn lại là bài viết của người chủ trương, nhà văn Nguyễn Thạch Kiên, và các văn hữu khác.

Cuốn sách mở đầu với bài viết của nhà văn Nguyễn Thạch Kiên: Đốt Lò Hương Ấy. Đây là bài nhận định về văn nghiệp của tác giả Hồn Bướm Mơ Tiên cũng như những kỷ niệm của người chủ trương với Khái Hưng. Cuốn Hồn Bướm Mơ Tiên được đăng lại từ đầu đến cuối, cho tới trang 147. Sau đó là bài viết của 29 nhà văn nhà thơ, người hâm mộ Khái Hưng, cùng hình ảnh, kể cả hình 4 màu, và tiểu sử tác giả.

Trong cuốn hai, tập Bóng Giai Nhân, gồm nhiều truyện ngắn, in từ trang 555 tới trang 688, và vở kịch Khúc Tiêu Ai Oán từ trang 689 đến trang 780. Kèm theo là bài vở của các nhà văn, nhà thơ, và những người hâm mộ Khái Hưng.

Nếu bạn yêu Khái Hưng, thì đây là cuốn sách không thể thiếu. Ấn phí 40 mỹ kim, gửi chi phiếu để tên Nguyễn Thạch Kiên, về P.O. Box 2311 Westminster, CA 92684.

CHÍNH KHỦA HẢI NGOẠI

Vườn hoang mùa gậy có dăm ngai
Hải ngoại tung hoành thỏa chí trai
Đánh trống, khua phèng la điệu võ
Hò voi, bắn súng sậy dương oai
Đấu tranh thực lực, không bồi đắp
Phủ phiểm hư danh, khéo chọc cười
Giặc Cộng tham tàn đang phá nước
Sao đành viễn xứ diễn trò chơi?

CỐ QUỐC

I.
Ngày ngày đọc báo nhớ Quê hương
Số phận dân lành thật thảm thương
Tài sản quốc gia hầu khánh tận
Quyền uy đạo tặc vẫn tăng cường
Gian thương, tham nhũng cùng tranh chấp
Gái điếm, du côn chẳng chịu nhường
Đất nước mỗi ngày thêm đổ bác
Nghĩ mà đau xót giống Văn Lang

II.

Lý tưởng gì đâu lũ chúng bay
Bạo quyền độc đảng bấy lâu nay

NHẠC SĨ HOÀNG TRỌNG TỬ TRẦN

Nhạc sĩ Hoàng Trọng đã từ trần vào trung tuần tháng 7.98 tại Paolo Alto, Bắc California, hưởng thọ 75 tuổi.

Hoàng Trọng, tên thật là Hoàng Trung Trọng, sinh năm 1922 tại Hải Dương, Bắc Việt, lúc lên 5 theo cha vào sống ở Nam Định, năm 11 tuổi bắt đầu học nhạc với sự chỉ dạy của người anh ruột, ông Hoàng Trung Quý. Năm 15 tuổi Hoàng Trọng thành lập ban nhạc đầu tiên gồm các anh em trong gia đình (Hoàng Trung An, Hoàng Trung Vinh) và các thân hữu (Đan Thọ, Vũ Dự, Đặng Thế Phong, Bùi Công Kỳ, Tạ Phước...).

Ban nhạc này chỉ là ban nhạc nhẹ để giải trí và đàn hát trong những buổi trình diễn làm nghĩa. Sau khi lập gia đình vào năm 1945 ông mở phòng trà Thiên Thai ở Nam Định, và lập ban nhạc Thiên Thai, trình diễn mỗi tối tại phòng trà của mình cho đến khi cuộc chiến tranh Việt Pháp bùng nổ. Theo phong trào Âm Nhạc Cải Cách của các dàn anh tại Hà Nội lúc bấy giờ, Hoàng Trọng đã sáng tác ca khúc đầu tay của ông, bài Đêm Trăng, vào năm 1938. Hai năm sau đó (1940) Bóng Trăng Xưa, ca khúc thứ nhì của ông, mới được sáng tác. Khúc Đàn Tâm được ông viết năm 1941; rồi Thu Qua và Tiếng Đàn Ai năm 1943. Năm 1945 ông sáng tác các hành khúc như Hồn Thanh Niên, Chí Nam Nhi, Trên Đường Xong Pha, Khúc Ca Lên Đường...

Về lại Hà Nội, ông sáng tác Khúc Nhạc Xuân và Khúc Chia



THÁI CUỒNG

THƠ ĐEN

THƠ VỊNH

Đô la, công quỹ vợ đầy kết
Mĩ vị, bồ non tèm cả ngày
Xiết cổ dân lành khôn chối tội
Ngồi lưng cộp dũ khó buông tay
Bám dai cho đến khi tàn mạt
Cùng đám con em sụm cả bấy.

III.

Đệ tử Hồ tinh khéo ốm ở
Hành vi ngôn ngữ khá lơ mơ
Đấu tư ngoại quốc, xun xoe khéo
Luật lệ rừng hoang, áp đặt bừa
Xí nghiệp quốc doanh vay thật bầm
Túi tham đại cán nổ cang to
Doanh nhân chột dạ, co giò chầu
Trợn mắt nhìn nhau, tởn thấy mỗ.

IV.

Hải ngoại kiểu bào phần khởi ghê
Tin đi tin lại khá ê hề
Thái Bình nổi dậy trừ tham nhũng
Xuân Lộc vùng lên chống bạo uy
Nam Định tuần hành nêu ác lạm
Sinh viên xuống phố hạnh gian phi
Giờ đây Việt cộng đang tan rã
Dù Mác, Lê Nin có lộn về.



VÀI NÉT VỀ BÁO CHÍ V. N. HIỆN NAY

Tự do viết trong khi điểm qua tình trạng báo chí ở Việt Nam hiện nay là đề tài một bài viết ngắn của ký giả David Lamb của tờ Los Angeles Times hôm thứ sáu 17 tháng 7.98. Ông này cho biết Hà Nội hiện có 10 tờ báo, Sài Gòn có 35 tờ, báo Miền Nam sống động hơn, mặc dù họ không còn liên hệ với phương Tây. Trong những tuần cuối tháng 6, đầu tháng 7.98, báo chí Việt Nam đã đề cập nhiều vấn đề, từ xuất cảng xuống, lạm phát tăng, tham nhũng ồ ạt, thiếu niên dùng ma túy, hay cả tin thêm một hãng hàng không quốc tế rời bỏ Việt Nam, là Qantas của Úc. Không phải thế mà báo chí Việt Nam có tự do: mỗi tuần Ủy ban Văn hóa và Tư tưởng Trung ương đảng vẫn họp một lần, vào thứ ba, để quyết định những vấn đề nào sẽ không cho báo chí phổ biến cho một quốc gia có 77 triệu người. Hình trên: báo chí Việt Nam đang đổi mới nhất là cách trình bày, như hai tờ trên. [HTN]

Ly. Trong mười nhạc phẩm ông viết cho tới lúc này, Bóng Trăng Xưa và Phút Chia Ly đã là những bản tango tuyệt vời. Giới thưởng thức âm nhạc lúc bấy giờ đã gọi Hoàng Trọng là "Vua Tango" để ca tụng tài viết nhạc theo thể diện của ông. Trong những ngày mới hồi cư về Hà

Nội, ông đã liên lạc thư từ với nhiều nghệ sĩ của các đài phát thanh như Mộc Lan, Châu Kỳ (Huế), Mạnh Phát, Minh Diệu (Sài Gòn) và các ca khúc ông sáng tác từ năm 1938 mới có dịp được hát và ấn hành rộng rãi khắp cả nước. Cũng trong thời gian này, nhà xuất bản Thế Giới



thời sự văn nghệ

■ **HỒ TÙNG NGHIỆP** phụ trách

ở Hà Nội cho ấn hành cuốn Tự Học Hạ Uy Cầm do Hoàng Trọng biên soạn theo những kinh nghiệm thấu lượm được trong những năm mở lớp dạy đàn tại Nam Định.

Năm 1950 Hoàng Trọng gia nhập ban quân nhạc Bảo Chính Đoàn và điều khiển một dàn nhạc nhẹ trong chương trình Tiếng Nói Bảo Chính Đoàn trên đài phát thanh Hà Nội. Ban nhạc này cũng trình tấu nhạc mỗi tuần tại vườn hoa Chí Linh, đối diện Hồ Hoàn Kiếm. Những ca khúc tiêu biểu của ông trong năm 1950 là Đường Về, Gió Mùa Xuân tới, Say, Say, Say...

Năm 1951 ông viết các ca khúc Bến Mơ, Tiếng Nhạc Trong Sương, Buồn Nhớ Quê Hương, Bên Sông Đưa Người... Năm 1952 ông sáng tác Cánh Hoa Xưa, Gió Lạnh Chiều Đông, Chiều Về Thông Xưa, Mơ Xuân, Hoa Xuân...

Năm 1953 Hoàng Trọng càng ngày càng nổi tiếng với hai ca khúc trữ tình được hát rất nhiều là Nhạc Sầu Tương Tư và Tiếng Lòng. Riêng Nhạc Sầu Tương Tư ca khúc này đã được hát hầu như hàng ngày trên các đài phát thanh Hà Nội, và được coi là tình khúc lý tưởng cho những cặp uyên ương thời đó. Cũng trong năm này ông sáng tác các ca khúc Gửi Hương Cho Gió, Hứng Hờ, Lá Rụng...

Trong thời gian từ 1956 đến 1958, nhờ Việt Nam thanh bình và thịnh vượng, sức sáng tác của các nghệ sĩ được phát triển rất mãnh liệt. Hoàng Trọng đã sáng tác rất nhiều trong thời kỳ này và đa số đã trở thành các ca khúc được thính giả ưa thích. Đáng kể nhất là những bài Mộng Ban Đầu, Mộng Đẹp Ngày Xanh... Năm 1967 ông được mời thành lập một ban nhạc để thường xuyên trình bày trên Đài Truyền Hình Việt Nam. Tên tuổi của Hoàng Trọng dính liền với Tiếng Tơ Đồng kể từ đó.

Nói tới Hoàng Trọng là mọi người nghĩ tới Tiếng Tơ Đồng, và nói tới Tiếng Tơ Đồng là người ta nghĩ ngay đến Hoàng Trọng. Sau biến cố năm Mậu Thân 1968 làng điện ảnh Việt Nam bỗng ngưng hoạt động mạnh

hắn lên, và Nhạc sĩ Hoàng Trọng đã có nhiều cơ hội hơn để viết nhạc cho phim. Năm 1969 ông viết nhạc cho phim Vụ Án Tỉnh, tiếp đến là phim Xin Nhận Nơi Đây Là Quê Hương, rồi phim Giã Từ Bóng Tối.

Trong hơn 60 năm phục vụ âm nhạc, Hoàng Trọng đã sáng tác khoảng 200 ca khúc đủ mọi thể loại. Nhạc của ông, bài dài nhất gồm 96 nhịp, được viết theo những thể điệu thịnh hành của từng thời, như trước kia là Valse, Tango, Slow, Fox, Rumba, Pasodoble, và sau này là Bolero, Chachacha, Samba... Dù mang nhịp điệu ngoại quốc, song nét nhạc của ông đượm màu sắc Việt Nam, hay nói chung, rất Á Đông. Là người nặng lòng với quê hương và mang một tâm hồn Việt Nam, ông đưa vào sáng tác của ông những đề tài, những âm điệu thuần túy dân tộc. Nội dung các ca khúc của ông thường đề cập đến quê hương, tới tình yêu, tới những nỗi nhớ thương dầm thấm (Đỗ Hữu). Cái chết của ông là một mất mát lớn của Âm Nhạc Việt Nam.

NHẬT HẠ VIDEO 7 TUYỆT PHẨM

Sau hơn hai năm im lặng, xây dựng xong Studio Thẩm Mỹ Nhật Hạ trên đường First tại Santa Ana, ca sĩ Nhật Hạ đã trở lại với sinh hoạt sản xuất Video Âm Nhạc.

Những băng hình trước đây của Nhật Hạ có đặc điểm là qui tụ những ca sĩ rất trẻ, có tài sắc, trong đó hai băng Tình Xanh I và Tình Xanh II đã bán nhiều ngàn cuốn. Cuốn băng hình mới nhất là Video Nhật Hạ 7 đã hoàn tất, dự định phát hành trong tháng 8.98. Có cho biết đây là cuốn băng hoàn toàn do cô thực hiện, với một dàn chuyên viên trẻ trung hơn cả các cuốn trước.

ĐÊM THƠ NHẠC DU TỬ LÊ

Vào 8 giờ tối ngày Chủ Nhật 16 tháng 8/1998, hội VAALA sẽ tổ chức đêm thơ nhạc Du Tử Lê tại phòng Sinh hoạt VAALA ở thành phố Garden Grove. Điều hợp chương trình là ông Nguyễn Đình Cường và bà Phạm Đào Bạch Tuyết.

Giá vé vào cửa 10 đô/người, đã có bán tại trụ sở VAALA. Mọi liên lạc xin gọi điện thoại: (714) 638-9510 hoặc nhạc sĩ Ngô Mạnh Thu: (714) 534-9430, 537-8352.

HÀ BÌNH TRUNG RA MẮT 2 TÁC PHẨM MỚI

Vào 3 giờ chiều ngày thứ Bảy 15 tháng 8/1998, tại hội

trường nhật báo Người Việt tại số nhà 14891 đường Moran, Westminster, nhà văn kiêm nhà thơ Hà Bình Trung (từ Hoa Thịnh Đốn) đến, sẽ ra mắt 2 tác phẩm mới nhất: Cánh Thời Gian (Thơ) và Dốc Nửa Chừng (truyện dài).

Ngoài phần giới thiệu của ban tổ chức, và phần trình bày của tác giả, chương trình còn có sự góp mặt của một số văn nghệ sĩ tên tuổi.

ĐỜI TÔI Lép Trótski

quyển 1



"ĐỜI TÔI" CỦA LEON TROSKY

"Đời Tôi" là cuốn hồi ký mà người thủ lãnh đệ tứ quốc tế Leon Trosky khởi viết từ khi còn trẻ. Do đó các sự kiện nói đến trong sách còn nóng hổi, trong khi tác giả vẫn còn đang tranh đấu, và các nhân vật vẫn còn sống.

Người dịch cuốn sách là Cụ Hoàng Hoa Khôi, người mà trong những năm gần đây đã giúp độc giả Việt Nam nhìn thấy những chuyện xưa nay còn khuất khúc trong các phong trào cộng sản, Việt Nam cũng như quốc tế. Cụ chủ trương một tủ sách có cái tên không hẳn là một danh từ chỉ tên: Tủ sách Nghiên cứu. Những sách đã xuất bản cũng đến 10 cuốn, trong có những cuốn như Cuộc Cách Mạng Bị Phản Bội (Lép Trótski, 1993), Tờ Trình Bí Mật của Krúp-xép về Xtalin (1994).

"Đời Tôi" chia làm hai phần, phần một, đã phát hành dày 430 trang, từ chương I đến chương XXIII, gồm những sự kiện trong vòng 38 năm, từ khi Trótsky chào đời ở Ukraina đến khi trở về Nga như một nhà cách mạng ưu tú, sau một thời gian lưu vong, và trước cuộc cách mạng 1917.

Sách giá trị, trình bày sáng sủa, in tại Hung Gia Lợi, giá 15 mỹ kim. Địa chỉ liên lạc: Tủ Sách Nghiên Cứu, Boite Postale 246, 75224 Paris Cedex 11, France.

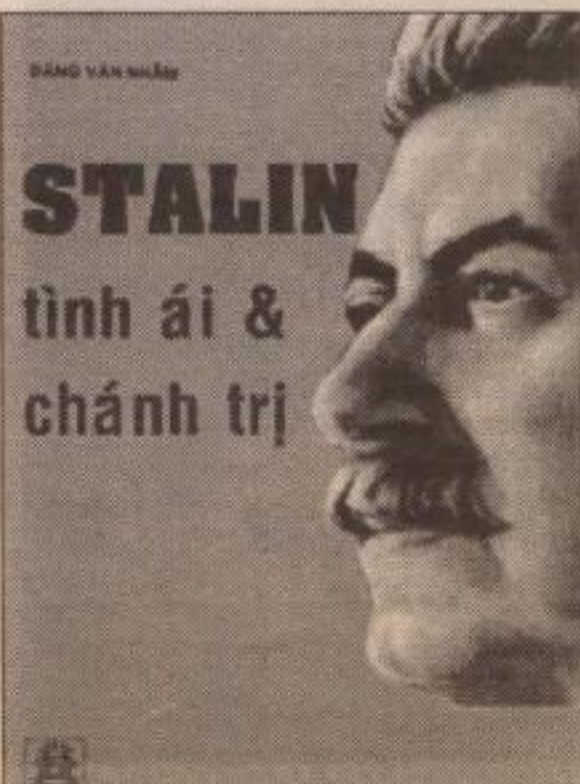
RA MẮT SÁCH : STALIN TÌNH ÁI & CHÁNH TRỊ CỦA ĐẶNG VĂN NHÂM

Chiều chủ nhật 5 tháng 7, trước một số đông quan khách, ký giả Đặng Văn Nhâm đã ra mắt tác phẩm mới nhất của ông nhan đề "Stalin, Tình Ái và Chính Trị", tại Hội quán Lạc Hồng thuộc thị xã Westminster, Quận Cam.

Hiện cư ngụ tại Đan Mạch, làm thông dịch viên hữu thệ tại tòa án, và giáo sư thỉnh giảng Phân khoa Thông dịch trường Quốc gia Cao đẳng Thương mại ở Đan Mạch, ông nói tiếng Đan Mạch mặc dù chỉ mới học thứ ngôn ngữ này từ khi cùng gia đình đặt chân tới quê hương của "Tiểu Ngư Nữ". Không những thế, Đặng Văn Nhâm còn là tác giả bộ Đan Việt Đại Tự Điển, gồm 65.000 chữ, dày 1.146 tang, Việt Đan Tự Điển, dày 1300 trang, Văn Phạm Đan Ngữ và Đan Việt Y khoa Tự Điển, cuốn nào cũng đã tái bản một hai lần.

Ngỏ lời trước cử tọa, ký giả Đặng Văn Nhâm cho biết ông bắt đầu thu thập tài liệu về Stalin cách đây đã 10 năm. Mục lục sách tham khảo dài đến hai trang, và cộng vào đó là 24 trang hình ảnh sao chụp tại thư viện Copenhagen cho thấy đây là một cuốn sách công phu, và cần thiết cho việc tìm hiểu hành trạng của một tên đồ tể cộng sản đã trở thành mẫu mực cho các chế độ chuyên chính, mà bản chất chế độ và mưu lược, đáng qui phát xuất từ cá tính con một ông thợ giấy dầy nghi kỵ, chứng kiến cảnh mẹ bị đánh đập bởi một ông bố nghiện rượu, và thành công nhờ lừa thầy phản bạn, nhưng được ngưỡng mộ bằng những câu thơ như "đời đời nhờ ông" của các đảng viên cộng sản Việt Nam.

Không phải tự nhiên Đặng Văn Nhâm, một nhà giáo, một ký giả, hiện là Chủ tịch Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại, lại viết một cuốn sách về Stalin. Ông Nhân là con người thời sự, từng là chủ nhiệm Nhật báo Tiến ở Sài Gòn, Tổng thư ký Hội Chủ Báo Việt Nam, và cũng hôm 5 tháng 7, trong Đại hội đại biểu Quốc Dân Đảng họp tại Quận Cam, ông Đặng Văn Nhâm đã được bầu vào chức vụ Phó chủ



tịch Hội đồng Chỉ đạo Việt Nam Quốc Dân Đảng Hải Ngoại. Ông còn là con người chính trị, sinh hoạt đảng phái bốn chục năm nay.

Viết cuốn Stalin, ông muốn người đọc hiểu rõ hơn nữa về các đồ đệ của Stalin, những người cộng sản cuối mùa ở các nước chậm tiến, trong có Việt Nam. Trong bài giới thiệu về tác giả, cô Nguyễn Tà Cúc đã trình bày đầy đủ về Đặng Văn Nhâm với cử tọa, trong có những điểm như trên.

Sách dày gần 300 trang, bán với giá 12 mỹ kim. Đã có bán tại các tiệm sách, hoặc liên lạc với:

Đặng Văn Nhâm
Hallandsparken 150
DK. 2630 H. Taastrup,
Danmark.

TƯỢNG HOÀNG HẬU NAM PHƯƠNG ĐANG Ở ĐÂU?

Thời yêu Hoàng Hậu Nam Phương, bậc nữ lưu hiền dịu sau cùng của nhà Nguyễn, cố cựu Hoàng Bảo Đại có cho đúc một pho tượng của bà, bằng đồng đen, như trong hình. Thế rồi thế cuộc thăng trầm, ông Bảo Đại lưu vong, không còn nhớ gì đến pho tượng.

Nhưng trước khi chết, đột nhiên ông ra lệnh tìm lại pho tượng, lúc ấy nghe nói thuộc về sở hữu của một bác sĩ ở Miền Lục tỉnh. Bà Nam Phương hình như quê ở Miền Nam. Bảo Đại từ Ba Lê liên lạc với ông bác sĩ, chính tay viết một lá thư, xin mua lại. Song không thành công.



Người ta không rõ hiện pho tượng này ở đâu, chỉ áng chừng vẫn ở Miền Lục tỉnh.



BA NÀNG DIU HIỀN GÂY RÁC RỐI

The Three Graces là một tác phẩm điêu khắc của Antonio Canova, hình thành có lẽ vào 1815, đang đi vòng quanh thế giới trong chương trình trao đổi

nghệ thuật giữa các viện bảo tàng, là một nghệ phẩm trị giá 11.7 mỹ kim. Các cô thuộc quyền sở hữu của Viện Bảo tàng Quốc gia Scotland.

Mới đây, trong cuộc trưng bày tại Madrid, Tây Ban Nha, người ta khám phá ra một vết rạn dài 2 phân Anh rưỡi ở sau lưng một trong ba cô, thành ra rất có thể các cô sẽ phải về nhà, không được đi đâu nữa. Viện bảo tàng J. Paul Getty ở Los Angeles định mua pho tượng này, song Anh quốc biết được, đã mua trước để mang về xứ sở. Các cô được mang qua Tây ban Nha trưng bày vì cơ sở Baron Hans Heinrich Thyssen-Bornemisza đã tặng 1.3 triệu mỹ kim góp tiền vào việc mua các cô về Anh.

BABY KHIÊU VŨ NHẢY MÙA VÀO TÚI TIỀN

Sau khi xuất hiện trong một phim truyện có tên Ally McBeal, baby khiêu vũ nhanh chóng trở thành một đối tượng của những trái tim ao ước thần thoại, truyền kỳ, không phải chỉ ở Mỹ, mà còn ở Úc, Âu châu, và Nhật.

Hãng sản xuất nhu liệu Kinetix, nơi phát xuất baby lúc đầu có tên baby Cha Cha- cho biết đang sản xuất 70 loại sản phẩm khác nhau về baby này, trên bìa vở học sinh, bút chì, bóng bóng cho party, quần soọc, cái đệm cho con chuột máy vi tính, và xa hơn là y phục Halloween. Loại T-shirt có hình



baby này sản xuất 350.000 cái hồi tháng 3.98 đã bán hết sạch, CD có điệu nhạc baby này khiêu vũ Hooked on a Feeling- do Blue Sweede sản xuất 300.000 đĩa, bán hết trong vòng 4 tuần lễ.

Đắt tiền nhất là con baby cao 8 phân Anh, để trên bàn, bấm một cái là nhún nhảy, định giá 25 mỹ kim, chưa ra lò, song tiền đặt mua ước chừng đã lên tới 2 triệu mỹ kim. Hãng Kinetix còn sáng tạo thêm 500 cử động của baby, kể cả đánh kung-fu, trong một phim hoạt họa cho máy vi tính, bán với giá bạc ngàn. Nhưng người ta tự hỏi: thế dancing baby đang được yêu chuộng là gái hay trai, thì chưa ai biết.

GIỚI THIỆU SÁCH MỚI ■ GIỚI THIỆU SÁCH MỚI

Khởi Hành trân trọng giới thiệu cùng bạn đọc những cuốn sách mới xuất bản. Quý bạn đọc có thể liên lạc với các tác giả, địa chỉ phía dưới, để mua sách.



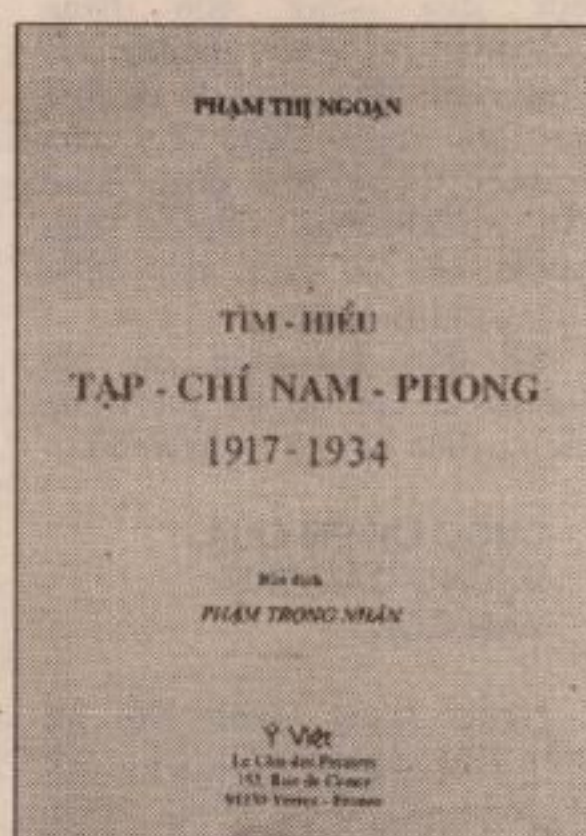
NGO ĐÌNH DIỆM
Lời Khen Tiếng Chê

MINH VÕ biên soạn
Thông Vũ xuất bản
rất công phu
310 trang, giá 15 mk
liên lạc: (619) 283-3753



DÒNG MỤC
HÙNG QUỐC

LÊ BÁ KÔNG biên soạn.
Tu Thư Viên Hồng xuất bản.
400 trang, 25 mỹ kim
2109 Kikenny Dr.,
Pearland, TX. 77581



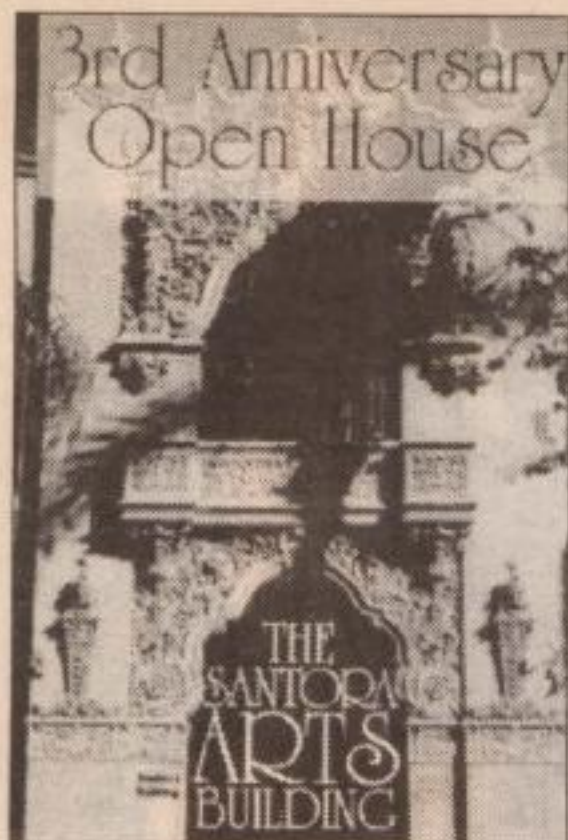
TÌM HIỂU TẬP CHÍ
NAM PHONG

PHẠM THỊ NGOẠN biên soạn
460 trang, giá 17 mk
liên lạc: Les Clos des Peintres
153, Rue de Concy, 91330
Yerres, France



NỖI NHỚ
BỜ SÔNG LÁ MỤC
CẢNH VẠC LUNG TRỜI
QUÊ NHÀ, 40 NĂM TRỞ LẠI

cùng của PHAN LẠC TIẾP
liên lạc: (619) 587-1246



NHÀ SANTORA ARTS KỶ NIỆM NĂM THỨ BA

Rất gần với Little Saigon có một Tòa nhà Triển lãm Nghệ thuật gọi là Santora Arts Building, tọa lạc tại số 207 N. Broadway, Santa Ana, Ca. 92701. Tại phòng 6 A là Phòng Triển lãm của nữ họa sĩ Suzie Vương.

Hôm 11 tháng 7.98, Tòa nhà Mỹ thuật này kỷ niệm năm thứ ba ngày mở cửa. Bạn có thể tới xem tranh, vui chơi, trong một không khí thanh lịch, nghệ sĩ thuộc khu Santa Ana cổ, khác với một Santa Ana thương mại, càng khác với Santa Ana của Việt Nam. Trừ tháng bảy, còn bất cứ tháng nào, vào ngày thứ bảy đầu tháng, để là một ngày khai trương (open house). Broadway song song và sát nách với Main street, và First Street.



George Orwell

GEORGE ORWELL VÀ DANH SÁCH BỌN 'NGU XUÂN HỮU ÍCH'

Năm 1946, nhà văn Anh George Orwell xuất bản cuốn "1984", trong đó ông mô tả một quốc gia dưới sự thống trị của thể chế chuyên chính, trong đó con cái dò thám tổ cáo bố mẹ, và bố mẹ dò thám tổ cáo đồng

ngiệp; không có gì còn là quyền tư hữu. Cuốn sách khiến ông trở thành nhà văn chống đối chủ nghĩa cộng sản số một đương thời. Trại Súc Vật cũng là một tác phẩm khác của ông (nhà văn Đỗ Khánh Hoan dịch ra Việt ngữ từ 1975, tái bản nhiều lần. Liên lạc nhà xuất bản Ba Vi, 27 Maitland Dr., Markham, Ont., L3R, 4M6, Canada).

Tổ cáo Cộng sản sớm của nhất thế giới, ông còn là người làm một danh sách 130 người mà ông cho là theo cộng, thân cộng, có thiện cảm với Cộng, những người chính V.I. Lenin gọi là bọn "useful idiots" (bọn ngu xuẩn hữu dụng). George Orwell làm bản danh sách này năm 1949. Mỗi tháng 7 vừa qua, bản danh sách mới được phổ biến. Người ta cũng chỉ mới có được bản danh sách này 2 năm trước đây.

Nhiều người chỉ trích việc làm của tác giả Trại Súc Vật, 1984. Thật ra, việc làm của ông đã vô cùng hữu ích, giúp nhiều trí thức, văn nghệ sĩ khỏi trở thành những kẻ "ngu xuẩn hữu dụng".

KỶ LỤC HOLLYWOOD: BỒI THƯỞNG 80 TRIỆU ĐÓ

Nhà đạo diễn Francis Ford Coppola trong tháng 7.98 đã được tòa cho bồi thưởng thiệt hại 80 triệu đô trong đơn kiện chống công ty điện ảnh Warner Bros. Coppola, 59 tuổi, người có hơn 30 năm làm phim trong đó có những phim bất tử như 3 cuốn "The Godfather."

Lý do tòa buộc Warner bồi thưởng: Phim bản "Pinocchio" mà Coppola dự tính làm với hãng Warner đã bị ngâm quá lâu, và khi bị từ chối, Coppola mới đưa sang cho hãng Columbia Pictures, nhưng rồi hãng Columbia cũng đã từ chối sau khi nhận được thư của Warner thông báo rằng phim bản "Pinocchio" thuộc bản quyền của Warner, một điều không đúng sự thực.

Số tiền 80 triệu đô bồi thưởng là con số kỷ lục trong các vụ thưa kiện ở Hollywood.

CUỘC CHIẾN QUA, NHƯNG CẨM THỦ VẪN CÒN?

Nghĩa trang Quân Đội tại Biên Hòa, ngoại ô Sài Gòn, nơi an táng các tử sĩ Miền Nam, hiện là những nấm mồ bị bỏ hoang. Trong một bài báo của ký giả David Lamb trên tờ Los Angeles Times hôm thứ sáu giữa tháng 7.98 viết rằng Hà Nội mặc dù đang xin hòa giải với Mỹ, nhưng vẫn âm thầm trấn áp những gia đình cựu chiến binh Miền Nam VN bất kể là

100 Best Novels

1. "Ulysses," James Joyce
2. "The Great Gatsby," F. Scott Fitzgerald
3. "A Portrait of an Artist as a Young Man," James Joyce
4. "Lolita," Vladimir Nabokov
5. "Broke Back Mountain," Annie Proulx
6. "The Sound and the Fury," William Faulkner
7. "Catch-22," Joe Heller
8. "Darkness at Noon," Arthur Koestler
9. "Sons and Lovers," D.H. Lawrence
10. "The Grapes of Wrath," John Steinbeck
11. "Under the Volcano," E. M. Forster
12. "The Waste Land," T.S. Eliot
13. "1984," George Orwell
14. "The Catcher in the Rye," J.D. Salinger
15. "The Idiot," Fyodor Dostoevsky
16. "An American Tragedy," Theodore Dreiser
17. "The Hobbit," J.R.R. Tolkien
18. "Slaughterhouse-Five," Kurt Vonnegut

100 Best Years of the Twentieth Century

100 Best Religions

100 Best Breakfast Cereals

100 TÁC PHẨM CỦA THẾ KỶ XX CHỌN BỞI THƯ VIỆN HIỆN ĐẠI CỦA NHÀ XB RANDOM

Với một người không đọc sách, chỉ nghe tin tức tóm lược trên Đài phát thanh hay TV, thì danh sách 100 tác phẩm hay nhất của thế kỷ XX có tính cách gì đó như là đại đồng; trên thực tế, nó chỉ là việc làm của 10 nhà văn trong ban chủ bút của một nhà xuất bản tư.

Danh sách này được chính thức thông báo vào thứ sáu 24 tháng 7.1998 trong cuộc thảo luận của các nhà xuất bản trẻ có cái tên là Radcliffe Publishing Course thuộc trường Radcliffe College của Viện đại học Harvard. Còn ban giám khảo là các chủ bút của Thư Viện Hiện Đại (Modern Library), một tủ sách chuyên xuất bản những sách cổ điển Anh ngữ từ năm 1917 tới nay. Tủ sách này là của nhà sách Random House. Ban tuyển chọn danh sách gồm những người như Gore Vidal, Shelby Foote, Arthur M. Schlesinger Jr. và William Styron. Tóm tắt, đây là bản danh sách do mười nhà văn, học giả làm việc cho nhà xuất bản Random House tuyển chọn.

Và đó là một chuyện khôi hài đối với Văn học Thế giới, đành rằng các ông giám đốc nhà xuất bản này đã rào trước đón sau rằng "bản danh sách sẽ thúc đẩy việc thảo luận của công chúng về những sáng tác phẩm vĩ đại nhất trong 100 năm qua". Hiểu một cách khác, là chúng tôi biết là có sự thiên kiến, nhưng cứ phổ biến, mong nhận được ý kiến của quý vị.

Đương nhiên đây là những sáng tác phẩm giá trị, song không thể coi đó là những tác phẩm tuyệt đối giá trị cho thế kỷ, dù rằng chỉ hạn chế trong các sách xuất bản bằng Anh ngữ. Chúng ta chỉ nên coi đây là những sách giá trị theo sự tuyển chọn của 10 nhà văn học giả tên tuổi làm việc cho Modern Library của nhà Random House.

Dẫn đầu bản danh sách này là Ulysses của James Joyce, The Great Gatsby của F. Scott Fitzgerald, A Portrait of the Artist as a Young Man của James Joyce, Lolita của Vladimir Nabokov.

cuộc chiến đã chấm dứt hơn 23 năm.

Khi Cuộc Nội Chiến Hoa Kỳ chấm dứt tại Appomattox, tướng Bắc Quân Grant đã cho các quân nhân Nam Quân của tướng Lee được phép đem ngựa và vũ khí hộ thân về lại quê cũ để trồng trọt, nhưng Bắc Quân CSVN đã đẩy 400,000 Nam Quân VNCH vào trại cải tạo với thời lượng tù kéo dài từ nhiều tháng tới 17 năm.

Những người tổ chức cuộc đua xe đạp Xuyên Việt cho cựu lính Mỹ và CSVN hồi tháng giêng năm nay đã thúc giục Hà Nội mời cả các cựu chiến binh VNCH, nhưng đều vô ích. Cuộc chiến đã chấm dứt, nhưng nỗi căm thù vẫn còn gặm nhấm dai lâu trong lòng các lãnh tụ Hà Nội.



KHÚC LAN MAKEUP ARTIST

NHẬN TRANG ĐIỂM
CÔ DÂU NGƯỜI MẪU, ĐÀ TIỆC
TEL: (714) 839-8845

TÂM THỨC KHUẤT DẠNG THƠ

TÔ THÙY YÊN

Của

I.

Năm đó, giặc Trung Quốc bắt thần mở mặt trận ở at tấn công vào 8 tỉnh miền Bắc nước ta. Nửa khuya, Công an Cộng sản Việt Nam lừa tất cả những người tù đầy của chế độ miền Nam từ những vùng thượng du và trung du lên những chiếc xe đồ khấn cấp trưng dụng, chạy bán mạng về vùng Thanh Nghệ Tĩnh, tức Liên Khu Tư cũ, đất ẩn trú một thời của những Nguyễn Đức Quỳnh, Đào Duy Anh, Hữu Loan, Phạm Duy và ban hợp ca Thăng Long, của những ngày toàn dân kháng chiến chống Pháp cũ.

Tại một trại giam ở Nghệ Tĩnh, ẩn khuất trong Trường Sơn, tôi gặp lại người bạn vong niên là nhà thơ lão thành Hà Thượng Nhân, giữa đồng đảo những bằng hữu thất tán khác. Trong một lần trò chuyện, nhà thơ Hà Thượng Nhân ngỏ ý khát khao được đọc thơ. Tôi hoàn toàn thông hiểu nỗi khát khao đó của Hà tiên bối. Bởi tôi cũng hằng khát khao ngày đêm như vậy. Nên một hôm, tôi nỗ lực vận dụng trí nhớ đã nhiều hao kiệt của mình ghi lại toàn bộ một kiệt tác khá dài của thi hào Đỗ Phủ. Đó là bài *Động Cốc Huyện Chung Cư Thất Ca*, gồm bảy khúc ca viết theo lối cổ phong, trong đó thi hào mô tả thời thế loạn ly, người phải rời bỏ quê nhà, thất lạc vô âm tín đám em trai, em gái, nay lê tấm thân tàn bệnh tật, đói kém nơi chướng khí sơn lâm, chỉ còn trò chuyện cùng con rắn lớn nơi đầm hoang. Bài thơ đó, tôi ghi lại hoàn toàn bằng Hán tự. Cụ Hà đọc lại bài thơ đó, xúc động, cố gắng chuyển dịch thành thơ Việt Nam để cho nhiều bạn khác không am tường chữ Hán cùng được thưởng thức. Rồi ro cho cụ là có một tên chỉ điểm nào đó đi thốc mách, đồ đạc của cụ bị lục soát, bài thơ tang chứng bị tịch thu nên cụ bị Ban An Ninh trại liên tiếp mấy ngày gọi lên làm việc.

Theo quan điểm của trại, rõ ràng là tên Đỗ Phủ này hoàn toàn không chịu an tâm phần khởi cải tạo, oán thán chính sách, bôi bác chế độ, tên Đỗ Phủ này quả là một tên phản động bẩm sinh, cho đến thời điểm ở at của ba đồng thất cách mạng thế giới toàn thắng mà vẫn còn ngoan cố chưa chịu giác ngộ, hối cải. Cán bộ lãnh đạo yêu cầu cụ Hà phải thành khẩn khai báo tên Đỗ Phủ là bí danh của ai, thuộc đội nào, lán nào, liên hệ như thế nào với cụ.

Mãi sau này nhớ lại câu chuyện đó, tôi vẫn còn thử nghĩ nếu ở vào trường hợp của cụ Hà, tôi sẽ phải trả lời như thế nào để

hương hồn của thi hào Đỗ Phủ khỏi tủi hổ. Có thể tôi sẽ trả lời: Đỗ Phủ là danh hiệu của một con người xứng đáng, ông hiện diện ở mọi đội, mọi lán, mọi nơi chốn của nhân loại lầm than, ông là người rất đối thân thiết của một số khá đông chúng tôi.

II.

Đối với đa số người đời, thông thường, thơ nói riêng, văn học nghệ thuật nói chung là một thứ gì đó rất ư phù phiếm, chẳng hề mang lại ích lợi cụ thể thực tiễn nào cho cuộc sống hàng ngày đầy dẫy những vật vạ, tất bật. Chắc chắn Platon không phải là người đầu tiên cũng chẳng phải là người cuối cùng trong lịch sử muốn tống xuất nhà thơ ra khỏi cộng đồng loài người dù cho rằng Plato cũng còn một chút ưu ái là choàng cho lấy có lên đầu nhà thơ một vòng hoa tường thường. Do đó, dường như chẳng có mấy người làm văn học nghệ thuật nào, nhất là nhà thơ lại chẳng mang sẵn không nhiều thì ít cái mặc cảm về sự vô bổ của công việc mình làm, cái mặc cảm mình là kẻ thừa thãi, là kẻ ăn bám trong xã hội loài người quần quật đầu tắt mặt tối. Rõ ràng lao động nghệ thuật, nhất là lao động thi ca, gần như chẳng được xã hội lưu tâm bao nhiêu và đánh giá đúng mức. Và cũng vì cái mặc cảm về sự vô bổ đó của thơ nên đã có một số không ít những người làm thơ đã muốn đi thi tái đạo, làm những bài thơ giáo huấn tuyên truyền luận giải thuyết phục, để thấy mình cũng như thơ có được một mục đích lợi ích xã hội thiết thực.

Tất nhiên cũng không hiếm những chế độ chính trị đã tận lực góp thêm phần tạo thành đầy đặc cái mặc cảm vô dụng đó nơi người làm thơ để dễ dàng sử dụng hần như một

công cụ khá cần thiết cho chúng, và khi đã ứng dụng như vậy thì người làm thơ một cách mặc nhiên đã làm một công việc hoàn toàn khác biệt với công việc làm thơ, đã tự mình chối bỏ danh xưng thi sĩ.

Một chế độ chính trị bao giờ cũng bắt buộc phải chứng minh bằng cách này hoặc cách khác. Còn thơ tự bản thân nó chẳng cần chứng minh nó là thơ, một thể giới cảm xúc thế thôi. Sự thiết thân gắn bó của thơ đối với con người, cái lý do tồn tại chính đáng cao cả đó của thơ sẽ phải chỉ tìm thấy được ở một nơi chốn nào khác, và nơi chốn đó là hồn thơ của chính người đọc. Do đó, đã xảy ra điều nghịch lý là khi nhà thơ tự đặt trước cho mình một mục đích lợi ích thực tiễn xã hội nào đó, thì đó cũng là lúc nhà thơ chẳng còn lấy chút lợi ích nào nữa cho đời sống. Tuy rằng, trên thực tế, một thực tế mà người đời ít có dịp nhận ra một cách phân minh, chính xác là thơ, cho dù, có bị khước bỏ, hắt hủi, lãng quên đến đâu đi nữa, vẫn luôn luôn hiện hữu, kết liên một cách thiết thân hình bóng với con người, với cuộc đời như một người tình cực kỳ bất hạnh của định mệnh ràng buộc, chẳng thể dễ dàng xa lìa, để bỏ.

Bởi lẽ con người nào cũng đều tàng chứa trong tâm thức sâu thẳm của mình cái hồn thơ bằng bạc, chung đồng và vĩnh viễn. Cái hồn thơ đó trường kỳ nghỉ phục bất động đầu đó, khó thể nhận biết trong những lúc bình thường của cuộc sống, để rồi trong những thoáng cơ duyên nào bất chợt nhất, nó lại xuất đầu lộ diện ngự trị, điều động con người theo những luật tắc riêng biệt vừa rộng rãi mà cũng vừa nghiêm nhặt của nó. Và kinh qua những lần chứng nghiệm thơ như vậy, con người bỗng nhận thức được như một đốn ngộ về một nghịch lý: thơ, với tất cả những gì mà người đời cho là những khuyết phế vốn dĩ của thơ, lại cũng là một phương thức nhận thức đặc biệt cùng với những phương thức nhận thức khác của con người triển miên theo đuổi công cuộc tìm kiếm những sự thật lẫn khuất chung quanh mình, ở trong mình.

Và thơ, tội nghiệp thay, cũng là đứa con nhờ vả được đã dẫn dắt người cha mù lòa đi sâu vào những cõi u uẩn huyền nhiệm tuyệt vời và chính những đứa con sáng sủa hằng được trọng vọng khác của trí tuệ con người chẳng tài nào tiếp cận.





SONG HỒ

HÃY NÓI NHỮNG LỜI CỦA TRÁI TIM

Em nói lời ngọt ngào
Thân anh là thịt xương.

Em nói lời tai ương
Thân anh là sỏi đá.

Thịt xương cử động
Gỗ đá đứng im.

Hãy nói những lời của trái tim
Tế bào thân thể anh còn sống.

HOÀNG LỘC

NHỮNG Ý THƠ CŨ CỦA QUẾ LINH

phải em thương kẻ bệnh bông
hay em giả bụng giả lòng mà chơi

tình anh đó, quế linh ơi
rượu đầy ly để hồ với giọng sầu
đêm vàng quán gọi ơn nhau
trong ta chừng thuở tình đầu hồi sinh
nỗi buồn xưa đó quế linh
bên em mà vẫn nghe mình cô đơn

ta, thân tâm gửi hao mòn
thương em tuổi mộng đau vườn thu sơ
kể bao giờ đến bây giờ
ôi em mà lại giả vờ yêu thương
khi ta đuổi bến mù sương
thì con sáo cũng kiếm đường qua sông

phải em quên kẻ bệnh bông
quán phù vân cũ khóc ròng trẻ thơ

ta làm một kiếp sâu đo
quần quanh trăm lá sầu khô một đời
em qua, gió tạt từng hồi
xô ta lũng lảng giữa trời oan khiên

năm năm rộng cõi ưu phiền
ta hành hương
giữa những huyền thoại đau
cầm bằng một cuộc bể dâu
có nhau, rồi để mất nhau - cũng rồi
tóc hồ phai bấy sâu đời
đi em mà lại là người vô tâm...

III.

Phải, ở những lần ranh cuối cùng mà tôn giáo, triết học, khoa học đã phải đứng lại, thơ, vâng, chỉ có thơ, vẫn nhẹ nhàng tiến bước, xông pha, bay lượn, vùng vẫy. Lúc đó, những lúc đó, con người chợt cảm nhận rằng mình phơi phới nhẹ nhàng như đã được giải phóng khỏi những nặng nề đè ép thường nhật, rằng mình đã thật sự hòa nhập vào một đời sống cổ khi còn chính đáng hơn cả cái đời sống mà mình vẫn thường lầm tưởng là duy nhất chính đáng, một đời sống khác nữa không hẳn là không xác thực, một đời sống khác nữa ở ngay trong cõi sâu cùng thẳm thẳm nhất của chính đời sống. Những lúc đó, con người nương thả theo thơ, sống trọn vẹn là con người với đầy đủ các tính cách kỳ diệu lạ lùng mà bình thường chưa từng nghe thấy có, tưởng chừng chẳng thể có. Bởi lẽ hồn thơ chính là cái phần u ẩn lẫn khuất mệnh mông tuyền đối của hồn người, nó chính thị là hồn người trong ý thức sau cùng hết của hồn người.

Có thể nói mà không sợ quá lời rằng khó lòng tưởng tượng một con người còn có thể là con người nếu như con người đó, một cách giả tưởng, tự mình hoàn toàn tước bỏ cái hồn thơ của mình, tự mình hoàn toàn tước bỏ khả năng, tư duy xúc cảm nhân loại của chính mình. Bởi lẽ, thơ, những lúc đó, mặc nhiên trở thành thi sĩ theo định nghĩa cao cấp nhất của danh xưng: Kẻ tạo dựng một thi cảm, một cách thức nhìn thấy độc đáo về cái thế giới vừa ngoại quan và cũng vừa nội quan mà chính mình đang sống.

Thơ chính là một thi cảm dù được thể hiện theo kỷ luật riêng biệt của bất kỳ trường phái hay khuynh hướng thi ca nào, và nếu như bài thơ nào không truyền đạt được những kêu gọi phải có nhằm đánh thức thôi thúc được một cách mãnh liệt cái hồn thơ ẩn náu bất động nơi người đọc để hình thành một thi cảm nào đó, chắc chắn bài thơ đó đương nhiên không phải là thơ.

Tất nhiên, khi làm bài thơ, phần người làm thơ tận lực cố gắng phần mình nữa trong việc thể hiện được trọn vẹn cái hồn thơ chung đồng của cả đôi bên. Đó chính là chỗ lớn lao đích thực của thơ. Đó chính là lẽ tồn tại xứng đáng của thơ. Hiểu được như vậy, làm được như vậy, người làm thơ mới có thể ngẩng mặt với đời, nhận lấy danh xưng thi sĩ, không hổ thẹn về những đóng góp độc đáo của mình đối với xã hội, đối với lịch sử.

Đặc biệt, trong những tình huống cực kỳ chông chênh, nghiệt ngã, sinh tử mà chính con người đã bị dày dụa chìm đắm vào đó, bị đặt để trước nguy cơ thường trực của sự trấn lột chính cái nhân phẩm còn sót lại của mình, thơ, hơn bao giờ hết, đã chứng tỏ một cách mãnh liệt cái khả năng siêu tuyệt gần như là tôn giáo của thơ. Trong những tình huống đó, rất nhiều người đã nương tựa vào thơ, để mà gìn giữ lấy mình, để mà sống sót với tư cách là con người, gây dựng cho chính mình và cho cả bằng hữu cùng cảnh ngộ một thế giới ánh sáng, một thế giới niềm tin giữa một thế giới tối tăm, cùng mạt và hủy diệt.

Ở đây, tôi không hề muốn nói thêm qua về cái bản chất của thế giới tù đầy đó. Trong thế giới đó, những con người thất trận của một cuộc chiến, một cuộc chiến đã tạm

thời phải ngã ngũ như vậy từ đất đứng, danh vị, thậm chí đến cả sinh mạng của mình, chỉ còn lại mỗi một phần duy nhất tạm thời chưa thể bị tước đoạt hoàn toàn, đó là nhân phẩm, và niềm tin của chính mình.

Chúng tôi, mỗi người một cách, đều phải ý thức một cách rõ ràng rằng đó mới chính là nỗi sinh tử cốt tủy, đích thực của chính mình, rằng không thể để cho con người trong chúng tôi bị bức tử, ô nhục, rằng đó chính là cái phần mà chúng tôi bắt buộc phải gìn giữ bảo vệ bằng mọi giá, kể cả bằng mạng sống của mình. Lúc đó, một số không nhỏ chúng tôi đã tìm thấy được một sự trợ lực thần thánh. Lúc đó, tôi nghiệm rõ một điều hết sức thông thường như một sự thật cổ lỗ mà bình thường chẳng bao giờ mình để ý đến về thơ.

Thơ là hình loại văn nghệ đầu tiên của con người, khi con người không có gì cả trong tay, và thơ chắc chắn cũng là loại văn nghệ cuối cùng của con người khi con người chẳng còn gì cả trong tay. Thơ sẽ còn hiển hiện tồn tại rạn rở với con người, nếu mà con người còn ngôn ngữ, còn tấm lòng, còn ký ức, còn là con người trong cái ý niệm cực kỳ cao cả đầu tiên và cuối cùng của mình.

Thơ, một cách mãnh liệt, đã trở thành sự sống không thể bị hủy diệt của cái ý niệm đó. Thơ còn con người còn. Tự bản thân, tôi vẫn quan niệm rằng văn nghệ cũng y như mọi thứ khác trên đời phải có những cấp độ cao thấp, lớn nhỏ của nó. Có những thứ văn nghệ ở cấp độ thấp nhất là văn nghệ giải trí, giải muộn nhưng cũng có những thứ văn nghệ ở cấp độ cao nhất là văn nghệ giải oan, giải thoát. Chắc chắn không cần phải nói thêm, chúng ta đều thấy hiểu rằng trong hoàn cảnh lúc đó của chúng tôi, chúng tôi đã nhận chân ra cấp độ cao nhất của văn nghệ.

Lúc đó, thơ đã trở thành một thế giới bất khả xâm phạm, bất khả hủy diệt để con người chúng tôi được nuôi dưỡng tồn tại. Đó là một thế giới vô hình nhưng có thật, thật như một thế giới hữu hình nào. Cảm ơn ngôn ngữ của loài người, cảm ơn thơ của loài người.

Thế giới của chúng ta không chỉ hẳn là một thế giới có mặt của những con người thân quen, từng gặp gỡ ngoài đời, mà còn là một thế giới có mặt những con người chưa từng gặp gỡ ngoài đời nhưng rất đời quen thân. Chắc chắn trong thế giới của chúng ta vẫn hằng lui tới hình bóng của một Khuất Nguyên tiêu tụy lang thang bên dòng sông Mịch La, một Lý Bạch tiêu sái nơi một quán rượu của Hàng Châu, một Holderlin quần quai trong thư phòng khuya khoắt ở Horburg, một Nguyễn Du nào nề trở lại Thăng Long trong một ngày đông rét mướt, một Nguyễn Gia Thiều héo hắt ngồi bất động nơi Hồ Tây, một Nguyễn Trãi đạt ngộ giữa vùng cây cỏ Côn Sơn... Những con người đó đã một lần đi khuất dạng trong lòng ta...

Cảm ơn những con người đó đã đến trong thế giới riêng tư của chúng ta, ở lại đó, bầu bạn thắm thiết cùng chúng ta để chúng ta được đỡ xót xa thương lấy mình hơn nữa, để con người chúng ta còn được tồn vinh xứng đáng. ■

Bài nói tại Seattle Public Library ngày 26 tháng 7 năm 1997. Nhan đề và phần đoạn do Khởi Hành đặt.

NHÀ TIÊN TRI CỦA VĂN GIA

hạ long LƯU VĂN VỊNH

CHEIRO

BÁ TƯỚNG LOUIS HAMON

(1866-1936)

không tin Cheiro!"

Trở về Anh năm sau, 1894, ông được Bộ trưởng Quốc phòng Lord Kitchener vời vào xem chỉ tay. Ông khuyên năm 66 tuổi Lord Kitchener không nên đi tàu thủy. Nhưng năm 1916 vì nhiệm vụ Bộ Trưởng Lord Kitchener đã lên chiến hạm Hampshire đi Nga để gặp Nga Hoàng Nicholas II. Chiến hạm trúng mìn của Đức và bị chìm.

Năm 1900 Cheiro được ban huân chương cao quý của Ba Tư vì đã báo trước cho Shah Ba Tư là sẽ có kẻ mưu sát nhà vua tại Hội chợ quốc tế Paris.

Năm 1911 ông dẫn dò nhà văn và nhà xuất bản nổi danh William Stead chở nên đi đầu bằng tàu thủy trong tháng 4-1912. Ông Stead không tin đã lên tàu Titanic và chết dưới lòng biển ngày 14-4-1912.

Các vua chúa Âu Châu lúc đó như vua nước Bỉ, vua nước Ý, vua Edward VII nước Anh đều tin tài bói toán của Cheiro. Qua Anh hoàng, ông được dịp gặp vua Nicholas II của Nga và đoán rằng năm 1917 là năm đại họa cho nhà vua và hoàng gia. Năm 1904 ông được Nga hoàng tiếp đón tại lâu đài Mùa Hạ ở St. Peterburg.

Trong thời gian lưu lại Nga, ông gặp một ông đạo dị kỳ của Nga là Grigori Rasputin, cả hai kỳ phùng trong một trận thối miến lẫn nhau bất phân thắng bại không ai thối miến được ai. Sau đó ông tiên đoán Rasputin sẽ chết trên dòng sông băng giá Neva sau khi bị đánh thuốc độc, bị đâm và bị bắn. Điều này 11 năm sau đã xảy ra y hệt lời tiên đoán.

Cheiro sống đời phiêu lưu và đầy sóng gió ái tình. Ông phải học võ jujitsu và mang súng tự vệ vì bị nhiều tình địch hãm dọa. Có lần ông lang chạ với một bà thân chủ và bị người chồng nổi ghen đâm trúng sườn. Năm 1895, ông làm phóng viên chiến tranh trong thời chiến tranh Trung - Nhật và năm 1905 trong thời chiến tranh Nga - Nhật. Có tài liệu cho rằng trong thời Đệ I Thế Chiến ông làm việc cho Mật vụ Anh và đã gặp Mata Hari, một vũ nữ khỏa thân và cũng là một điệp viên nổi tiếng. Ông xem chỉ tay và đoán năm 1917 Mata Hari 37 tuổi sẽ gặp hạn. Năm đó nàng bị Pháp xử bắn vì tội gián điệp cho Đức.

Nhà tiên tri Anh nổi tiếng một thời tự phong hầu tước Count của Hoàng triều Anh Quốc, biệt hiệu trong giới bói toán là Cheiro, lấy chữ Hy Lạp, chỉ bàn tay, có tên thật là Bá tước Louis Hamon. Ông sinh năm 1866 và từ trần năm 1936.

Cheiro tiên đoán bằng nhiều phương pháp như xem chỉ tay, chiêm tinh và số học. Ông sinh tại một làng ngoại ô thành phố Dublin, Ái Nhĩ Lan, cha người Anh, mẹ người Pháp, đều rất tin chiêm tinh.

Năm chưa đầy 20 tuổi Cheiro bỏ nhà sang Bombay, Ấn Độ, lúc ấy đã có tài tiên tri lại được học thêm khoa chỉ tay của một đạo sĩ Bà La Môn và được huấn luyện học tập 3 năm với một đạo sĩ guru, nên năng khiếu bói toán của ông càng sắc bén rộng rãi hơn. Sau khi rời Ấn ông đi chu du sang Ai Cập xem các mộ vua chúa và xin được một bàn tay của xác ướp Ai Cập. Ông luôn luôn mang theo bàn tay xác ướp này cho đến cuối đời.

Trở về London năm 24 tuổi, Cheiro bắt đầu hành nghề xem chỉ tay và nổi tiếng tức

thời. Ông xem cho Balfour, một chính khách, và đoán đúng ông này sẽ lên chức Thủ tướng. Ông đoán trước cho nhà văn Oscar Wilde 7 năm sau sẽ bị hạn nặng trừ phi thay đổi chính mình. Quả nhiên 7 năm sau đó Oscar Wilde bị tù vì tội đồng tính luyến ái.

Tới năm 27 tuổi ông thấy xem chỉ tay Cheiro đã mài mê nghiên cứu được hơn 6000 bàn tay. Sau 3 tháng nằm bệnh ông sang Mỹ và đi diễn thuyết khắp nơi về khoa bói toán chỉ tay. Danh tiếng ông nổi lên như diều sau khi ghé vào tai tử tù H.Meyer nói rằng cứ yên trí sẽ không bị lên ghế điện; quả nhiên một ngày trước khi lãnh án, tội tử hình được đổi ra tù chung thân! Cả nhà văn Mark Twain cũng tới gặp ông xem quẻ và ngay Tổng Thống G. Cleveland cũng nhờ ông xem chỉ tay cho. Ông đoán Tổng thống G. Cleveland sẽ không có nhiệm kỳ thứ ba! Một luật sư tên tuổi ở New York, cựu Đại Tá thời nội chiến, Robert Ingersoll phải thốt lên rằng: "Tôi có thể không tin Chúa, không tin Quỷ, không tin người, chứ không thể

Gia đình Nga Hoàng Nicolas II, mà thảm họa đã được Cheiro báo trước.



Tượng Euripides tại viện bảo tàng Louvres,

Ba Lê

TÌM RA BÀN VIẾT 25 THẾ KỶ TRƯỚC CỦA EURIPIDES

Euripides sinh năm 480, mất năm 406 trước Thiên Chúa Giáng Sinh (480 - 406 B.C) là một kịch tác gia Hy Lạp cổ. Ông viết bi kịch. Người ta cho rằng ông đã viết 92 kịch bản, nhưng đến ngày nay chỉ còn lại 19 vở. Những kịch bản nổi tiếng nhất của ông là MEDIA, THE TROJAN WOMEN, ELECTRA, ORESTES VÀ THE BACCHAE.

Gần đây Bộ Văn Hóa Hy Lạp cho biết những nhà khảo cổ nước này đã phát hiện một hang động trên đảo Salamis ngoài khơi thủ đô Athens có thể là nơi Euripides đã viết một số những kịch bản nổi tiếng của mình. Thật ra nhiều chứng cứ lịch sử cũng đã chứng tỏ rằng Euripides vẫn thường ẩn cư đơn độc trên đảo này để sáng tác, tuy chưa rõ đích xác trong hang động nào.

Bộ Văn Hóa Hy Lạp tiết lộ trong một bản tin của Reuters rằng các nhà khảo cổ vừa đào được một bình đất có khắc tên của Euripides trong một hang động thuộc vùng Peristeria nằm ở miền nam đảo Salamis. Tuổi của cổ vật này cũng được định đúng vào thời kỳ Euripides đang sống.

Ông Yamos Lolos, một khảo cổ gia và là giáo sư Đại Học Ioannina, phụ trách công việc khai quật hang động kể trên nói rằng: "Cái bình đất có khắc tên Euripides là đồ vật duy nhất được tìm thấy để đóng góp thêm vào những điều chúng ta đã biết về các sinh hoạt văn chương nghệ thuật trong thế kỷ thứ 5 trước Tây lịch".

Ông Lolos nói thêm: "Tôi có thể hình dung được Euripides ngồi trên một nền đất giữa trời ngay lối vào động, nhìn ra vịnh biển (Saronic Gulf) và viết kịch".

Ông Lolos và nhóm khảo cổ gồm 15 người của ông đã chọn khai quật hang động này vì trong số ba hang động trên đảo, đây là nơi có vẻ phù hợp nhất với những mô tả lịch sử về nơi ẩn cư của kịch tác gia Euripides.

Euripides được người cùng thời với ông xem là một mẫu người khác thường, lập dị do tính thích lối sống cô độc của ông. Các nhà viết tiểu sử tả ông là một nhân vật nghiêm nghị, khắc khổ, chẳng hề bao giờ nở một nụ cười nào.

Những học giả chuyên về nền văn minh văn hóa cổ Hy Lạp khi đọc lại những kịch bản của

Euripides đều kinh ngạc thấy rằng cách đây khoảng 25 thế kỷ ông đã dựng nên những nhân vật kịch thác mắc suy tưởng về phận người, dục vọng, những khó khăn dang dở khi con người cố gắng kềm chế chống cự dục vọng, và chống cự cả với thần linh. Những đề tài mà trong thế kỷ này của chúng ta, André Malraux, Albert Camus, Jean-Paul Sartre, Gabriel Marcel... đã nhắc lại và triển khai thêm.

Euripides viết bi kịch và chính bi kịch đã xảy ra cho ông. Người cùng thời với ông không hiểu được ông. Aristophanes (450 - 385 B.C) một kịch tác gia khác của Hy Lạp chuyên viết hài kịch, cũng nổi tiếng, đã soạn kịch bản NHỮNG CHÚ ẾCH (THE FROGS), nhại theo lối viết và cốt truyện của Euripides nhằm lố bịch hóa, châm biếm, chế riễu ông. Các phê bình gia thời bấy giờ cũng đã kịch ông về phong cách cùng những ý tưởng mới mẻ trong kịch ông viết. Platon cho rằng Euripides đã hạ thấp vai trò và giá trị của loại bi kịch khi đưa ra sân khấu những nhân vật có quá nhiều suy tưởng khó hiểu với những quần áo trang phục xộc xệch rách rưới.

Thất vọng, nản chí, Euripides rời Athens tới ra mắt quốc vương Archelaus xứ Macedonia, tại đây ông viết vở THE BACCHAE, một trong số các kịch bản được trình diễn nhiều lần nhất của ông.

Bộ Văn Hóa Hy Lạp nói chiếc bình đất với sáu chữ cái đầu của tên ông được khắc trên đó là chứng cứ rõ rệt nhất liên hệ Euripides với hang động ở Peristeria.

Chiếc bình được tạo ra trong khoảng từ năm 440 đến năm 450 trước Công nguyên. Các chuyên gia về chữ viết nói tên của Euripides được khắc vào bình lâu về sau khoảng thế kỷ thứ hai trước công nguyên nhiều phần có thể là do một người đã tôn ngưỡng ông.

Giáo sư Lolos đưa ra thêm các nhận xét: "Có thể Euripides đã từng dùng chiếc bình đất đó, nhưng chúng ta cũng không thể xác quyết như vậy. Việc có người khắc tên ông lên chiếc bình chứng tỏ một điều là nhiều người đã biết quá Euripides một thời từng ẩn nơi hang động Peristeria này". ■ TÀI LIỆU KHỞI HÀNH.

CHEIRO

CHEIRO

Về những biến cố lịch sử trọng đại, Cheiro đã đoán trước được Đại chiến thứ I bùng nổ, cách mạng Cộng Sản Nga và Tàu. Ông còn tiên tri được cả tên nước Israel do người Do Thái trở về lập quốc ở Palestine, nước Ấn Độ sẽ độc lập để rồi bị chia cắt thành Hồi và Ấn. Cheiro cũng đoán trước thời Franco độc tài ở Tây Ban Nha.

Những tiên đoán về tương lai thế giới gồm có:

- Nhật và Tàu sẽ liên minh để chỉ đạo Á Châu.

- New York sẽ bị trận động đất lớn tàn phá.

- Không quân Nga sẽ san bằng London.

- Trận Đại chiến Armageddon sẽ bị bùng nổ khi Nga, Libya, Ethiopia và Iran xâm chiếm Palestine.

Cheiro sang Hollywood sinh sống vào năm 1930, mở trường Siêu hình, xem chỉ tay cho nhiều tài tử và mất năm 1936 tại Hollywood Boulevard. ■

LỜI BÀN:

- Ba năm tu học tại Ấn Độ với các đạo sĩ và chiêm tinh gia có thể là yếu tố chủ chốt phát triển khả năng tiên tri của Cheiro. Sau đó ông lại sang Ai Cập cảm về một bàn tay xác ướp, có liên hệ gì giữa khoa học huyền bí từ vùng sa mạc Trung Đông tới Hy Mã Lạp Sơn không?

- Xem lối tiên tri của ông đoán trước được tên nước Israel, đoán chính xác cái chết của Nga hoàng, của Rasputin... cho thấy ông đã học được lối quán tưởng thần nhân của môn phái huyền học Vệ Đà Hy Mã, hoặc số học (numerology) của Do Thái tông Kabbalah.

- Trận chiến phân rõ trắng đen Armageddon tuy không nói rõ năm tháng như Nostradamus nhưng cũng tương tự vì nhắc tới các nước Hồi giáo và New York bị tàn phá.

- Nhìn qua truyền thống lý số chiêm tinh Tây phương sẽ thấy khoa bói toán rất thịnh hành không kém gì Đông phương. Ngay cả các vị Vua chúa, Bộ trưởng, Thủ tướng, văn gia... đều tin vào tử vi lý số, thời xưa, thời nay, bên Tây, bên ta lòng người đều không khác nhau: tìm hiểu tương lai là chuyện nhân bản, không thể lẫn chuyện mê tín dị đoan với lý số học chân chính.

6-98

Khởi Hành xuất bản, 1999:

VIÊN LINH:

CHIỀU NIỆM VĂN CHƯƠNG

- nhận định, kỷ niệm về các trí thức văn nghệ sĩ Miền Nam Việt Nam giai đoạn 1954-1975
- nhiều hình ảnh, tài liệu với tiểu sử, thư tịch các tác giả

TÌNH SỬ HỒ XUÂN HƯƠNG/TỐN PHONG

NGUYỄN NGỌC BÍCH

Giáo sư Nguyễn Ngọc Bích, tác giả *A Thousand Years of Vietnamese Poetry*, Alfred-A-Knopf, New York, xuất bản từ 1975, đang hoàn tất một cuốn biên khảo công phu, và hào hứng: *Hồ Xuân Hương, Tổng Luận và Tác Phẩm*. Sách sẽ do Tổ Hợp Miến Đông xuất bản làm hai cuốn, cuốn I, tác phẩm, và cuốn II, tổng luận. Hơn hai mươi năm nay, ông không ngừng đóng góp cả công sức lẫn bài viết cho các công trình Việt học tại Hải ngoại, tại các trường Đại học, cũng như trong lãnh vực xuất bản, cả về sách, lẫn tạp chí, bằng Anh ngữ, cũng như tiếng Mẹ. Giáo sư Bích hiện là Giám đốc Ban Việt ngữ Đại Á châu Tự do tại thủ đô Hoa Thịnh Đốn. Đóng góp đầu tiên của ông với *Khởi Hành*, đăng dưới đây, là một chương trong cuốn sách. Trong sách, ông trình bày rất rõ về tập thơ chữ Hán của Hồ Xuân Hương, nhan đề *Lưu Hương Ký*. *Lưu Hương Ký* do Tồn Phong Thị đề tựa, và Tồn Phong lại chính là một người tình của Bà Chúa Thơ Nôm.



I.

Trong *LƯU HƯƠNG KÝ* có một số thơ nói về cuộc tình của Hồ Xuân Hương với ông Tồn Phong (Tồn Phong Thị). Vì ông này viết tựa cho *LƯU HƯƠNG KÝ* nên nhân đó ta cũng được biết phần nào sự quen biết và đan díu giữa hai người. Ta hãy nghe chính lời ông Tồn Phong nói về liên-hệ giữa ông và Hồ Xuân Hương:

"Mùa xuân năm Đinh-mão [tức Gia-long Đinh-mão, 1807], tôi đến thành Thăng-long nhân nói chuyện cùng bạn là Cư Đình về các tài-nữ xưa nay, bạn ấy nói cho tôi biết cùng tỉnh [Nghệ-an] với tôi có người phụ nữ là Cổ-nguyệt-đường Xuân Hương học rộng mà thuần thực, dùng chữ ít mà đầy đủ, từ mới lạ mà đẹp đẽ, thơ đúng phép mà văn-hoa, thực là một bậc tài-nữ.

"Tôi liền tìm nơi hỏi thăm. Khi hỏi đến tên họ mới biết cô là em gái ông lớn Hồ [Sĩ Danh?], đậu hoàng-giáp, người làng Hoàn-hậu, huyện Quỳnh-lưu. Chúng tôi mới tình cờ gặp nhau lần đầu mà đã thành ra đôi bạn thân thiết. Trong những khi uống rượu ngâm thơ, kẻ xướng người họa, tứ thơ dồi dào nhưng vẫn tỏ ra 'vui mà không buông tuồng, buồn mà không đau thương, khôn mà không lo phiền, cùng mà không bức bách,' thực là do tính tình nghiêm chỉnh mà ra. Cho nên khi hát lên, ngâm lên những thơ ấy thì tay cứ muốn múa, chân cứ muốn giậm mà không tự biết.

"Từ đó có những lúc tôi phải bỏ ba vào Nam ra Bắc, không thể cùng nhau sớm hôm xướng họa. Còn Xuân Hương cũng vì mẹ già nhà túng mà ăn ở không được yên ổn.

"Sang mùa xuân năm Giáp-tuất [tức năm 1814], tôi tìm đến chỗ ở cũ của cô, hai bên vừa mừng vừa tủi. Xuân Hương liền cầm tập *LƯU HƯƠNG KÝ* đưa cho tôi xem mà bảo tôi rằng: 'Đây là tất cả thơ văn trong đời tôi từ trước đến nay, nhờ anh làm cho bài tựa.' Tôi mở tập ấy ra xem thì thấy những bài thơ năm chữ, bảy chữ, những điệu ca, phú và từ chép đầy một quyển. Thoạt đầu tôi hết sức kinh ngạc lạ lùng, rồi dần dần càng đọc càng thấy lòng thư thái mà trở nên vui thích khoái trá.

"Tôi thường nghe người đất Nghệ-an thuần tú mà ham học. Đúng như thế thật, dân ông tuần kiệt thì có các bậc khoa bảng

đời trước, đàn bà tình anh thì có những người như Phạm [có bản ghi là "Phan"] My Anh và Hồ Xuân Hương. Người ta nói núi cao sống sâu sinh ra nhân tài tuần kiệt quả không sai vậy.

"Bởi thế tập LƯU HƯƠNG KÝ tuy đầy về gió mây trắng mọc nhưng đều là tự đáy lòng mà phát ra, biểu hiện thành lời nói, lại cũng đều đúng với cái ý đã nói trên kia là 'xuất phát từ mối tình mà biết dừng lại trên lễ nghĩa'."

"Bởi thế tôi xin nêu rõ ra đây để ngày sau có dịp chọn lựa thơ ấy làm thơ dân-phong chăng? Nay để tựa."

Rồng bay năm Giáp-tuất tháng trọng-xuân [tức tháng 2 năm Giáp-tuất, tương đương với tháng 3-1814 theo dương-lịch].

Người cùng tỉnh là Nham-giác-phu Tồn Phong thì viết ở nơi ngồi dạy học."

(Bản dịch Trần Thanh Mai trong bài "Phải chăng Hồ Xuân Hương còn là một nhà thơ chữ Hán?", Tạp chí VĂN HỌC, tháng 3-1963, trang 58-59. Bài tựa trên đây là rút từ trong sách Du Hương-tích động ký).

Về cuộc tình Tồn Phong thị - Hồ Xuân Hương, ta may mắn còn cả một khối thơ chữ Hán của ông Tồn Phong mà Trần Thanh Mai đã có dịp trích dịch trong hai bài trên Tạp chí VĂN HỌC ở Hà-nội ("Trở lại vấn đề Hồ Xuân Hương" số 10/1964, trang 58-64, và "Bản LƯU HƯƠNG KÝ và lai lịch phát hiện nó," số 11/1964, trang 69-78). Thơ của ông phần lớn khá quy-ước nên không nói được gì nhiều, trừ một bài mà cụ Hoàng Xuân Hãn đã cất công dịch cả bài vì nó cho ta biết khá nhiều về cuộc gặp gỡ đầu tiên giữa ông Tồn Phong và "Cổ-nguyệt-đường Xuân Hương nữ-sử":

Tao huyền huyền thượng xuất Tao thần:
Đồng quận tương phùng hỷ đắc quân!
Hoàng các khải lai chân vọng tộc,
Hồng nhan nghị thị thác sinh thân!
Hoan phong thuần tú văn thiên cổ,
Khuyết toạ tinh hoa hảo thập phần.
Cửu thập cửu phong tăng ức phi?
Mai hoa độc chiếm để thành xuân.

DỊCH XUÔI CỦA NGUYỄN NGỌC BÍCH:

Ở chốn thơ bỗng xuất-hiện một Thần Thơ:
Gặp người cùng quận, vui thay gặp nàng!
Hỏi ra, đúng là người vọng-tộc nhà vàng,
Ngờ là Người Đẹp thác sinh xuống trần!
Từ xưa đã nghe phong-hoá đất Hoan là thuần tú,
Nay có sao Khuê toạ ở tinh-hoa thì mười phần tốt.
Càng làm nhớ 99 ngọn núi [Hồng] chữ nhĩ?
Hoa Mai riêng chiếm một trời Xuân để-đó.

DỊCH THƠ DO CỤ HOÀNG XUÂN HÃN:

Tao-đàn nay đã có Thần,
Gặp nàng đồng-quận bội phần hân-hoan.
Hỏi ra thật họ nhà quan,
Ngắm đường Tiên-nữ thác thân xuống trần.
Hoan-châu vốn tiếng đẹp thuần,
Sao Khuê rạng vẻ mười phần vẹn toàn.
Nhớ chăng "chín chín Hồng-san"?
Hoa MAI riêng chiếm trời XUÂN Để-thành.

(Hoàng Xuân Hãn, "Hồ Xuân Hương với vịnh Hạ Long," Tập san Khoa học xã hội, đầu 1984, trang 114)

Rõ ràng là ông Tồn Phong đã bị cú sét ái-tình trước nhan-sắc cũng như tài làm thơ của nữ-sĩ họ Hồ! Cuộc tình đó kéo dài nhiều năm, đủ để cho ông Tồn Phong làm tới 31 bài nói về cuộc tình này (trong đó có bài trên đây là bài 12).

Cụ Hoàng Xuân Hãn ngờ rằng ông Tồn Phong họ Phan (vì trong bài tựa Lưu Hương Ký có nói "Phan My-Anh, người trong họ tôi," mà cụ nghĩ là họ nội) và tên thì cụ đoán là Huân -- nghĩa là "Nam-phong" (= gió Nam), cũng còn gọi là "Tồn-phong." Còn hiệu "Nham-giác-phu" thì cụ cho có nghĩa là "Chàng ở ẩn trong núi nhưng hiểu sự đời" do một câu trong bài thơ (bài 20) của Tồn Phong:

Trường đình biệt hậu như tương ước,
Ký thủ: Hoan-nam Thạch-ấn-nhi.
mà cụ dịch là:

Chia tay rồi nếu lòng còn nhớ,
Ghi lấy: HOAN-NAM THẠCH-ẤN-NHI.

Vẫn theo cụ, ông Tồn Phong gặp Xuân Hương khi còn là học trò đi thi ("bach diện thư sinh") khoá thi hương 1807, lúc bấy giờ chưa đậu (trích bài số 23):

Bach diện tảo phùng tri kỷ khách
(Mặt trắng gặp người tri kỷ sớm).



Bài số 18 cũng viết:

Nguyệt viên đương niên hài phượng lữ,
Thiên nhai hà nhật khoá long môn?
(Nhà Nguyệt bây giờ vui bạn phượng,
Đường mây ngày nào vượt Cửa Rồng?)

Theo cụ Hãn, "Nhà Nguyệt trở Cổ-nguyệt-đường. Còn Cửa Rồng trở bậc ông đồ, ông cống."

Gặp xong về, Tồn Phong sung sướng quá, đã có lúc tưởng mình là "ông chài ở Vũ-lăng chèo thuyền tới Nguồn Đào, được gặp tiên" (bài số 11):

Kim-âu hồ thượng Giám-môn tiền,
Phi Vũ-lăng nhân tự đắc Nguyên?
(Trên hồ Kim-âu trước cửa Giám,
Chẳng Vũ-lăng mà đến (được) Đào-nguyên?)

Do nhà Tồn Phong ở cách nhà Xuân Hương một con sông Tô-lich (mà chỗ này cũng nông sừ) nên chàng trai say sưa kia cũng đã thậm ngôn-tuy tả lòng mình thì vẫn có thể đúng-khi viết (bài số 5):

Tô-giang chi xích thị Ngân-hà,
Tạc dạ giang kiều tiểu mộng qua.
(Sông Tô tuy hẹp ấy Ngân-hà,
Mộng thấy qua cầu giấc tối qua.)

Từ nhà của mình ở hồ Kim-âu gần Văn-miếu (Giám), ông Tồn Phong mỗi khi muốn đi thăm Xuân Hương đã phải đi qua chùa Một Cột và "đắm Trăm Hoa" (làng hoa Nghi-tàm?) rồi vượt sông Tô-lich ở một chỗ thật hẹp ("chỉ xích" = chỉ gang tấc):

Nhất-trụ-tự tiền thê mộ diếu,
Bách-hoa-đầm thượng lạc tà huy.
(Chim chiều sa đậu chùa Một Cột,
Bóng xế rơi soi vũng Trăm Hoa.)

Mặc dù si mê, ông Tồn Phong cũng chỉ đi lại với Hồ Xuân Hương được khoảng một năm thôi. Sang năm sau (1808), ông đi xa để rồi năm năm sau mới về trở lại (theo bài số 28 của ông viết):

Khách tình di thị lục niên lai
(Khách tình đã được sáu năm rồi).

Cụ Hoàng Xuân Hãn nghĩ là ông Tồn Phong trở lại tìm Xuân Hương vào năm 1814 sau khi ông đã thi hỏng trường Nghệ vào mùa thu năm trước, vì ông mách với tình-nhân (trong bài 31, tức bài cuối của số thơ ta còn lại từ tay ông):

Trùng đối mai hoa nhược tương ước,
Phong trần bỏ địa nhất tình nhi.
(Gặp lại hoa MAI còn nhớ hử?
Phong trần đây đoạ một tình-nhi.)

Trong cuộc tình của Tồn Phong với Hồ Xuân Hương có một tiểu-tiết rất đáng chú ý, đó là theo ông Trần Thanh Mai ("Trở lại vấn đề Hồ Xuân Hương," Tạp chí Văn học số 10/1964, trang 64) trong 31 bài thơ chữ Hán ông Tồn Phong viết về nữ-sĩ họ Hồ thì 29 bài có nhắc đến chữ "Mai" là cây mơ, có bài lại còn dùng đến 2-3 lần. Ông Mai nghĩ rằng đó có thể là vì tên húy của nàng là Mai hay Mơ (= "Mai" trong tiếng Hán). "Tôi rất tán thành ý ấy," cụ Hãn viết, vì "tên Mai, hiệu Xuân-Hương là đồng-diệu."

II. NGŨ Ý TỒN PHONG THỊ NHỊ THU (HAI BÀI, GỬI ÔNG TỒN PHONG)

I
Chôn bước may đâu khéo hẹn hò!
Duyên chi hay bởi nợ chi ru?
Sương xoa áo lục nhồi hơi xạ,
Gió lọt cành lê huýt mặt hồ.
Muốn chấp chỉ đào thù trưởng gấm
Mà đem lá thắm thả dòng Tô...
Trong trần mấy kẻ tình con mắt?
Biết ngọc mà trao mới kể cho!

II
Đường hoa đìu dặt bước đồng-phong:
Nghĩ kẻ tìm thơm cũng có công!
Lạ mặt dám quen cùng gió nước,
Nặng lòng nên nhẹ đến non sông.
Đa trời nắng nhuộm tươi màu biếc,
Phòng gấm trắng in dải thức hồng.
Ai nhớ lấy cho lòng ấy nhĩ?
Trước trăm năm hân nợ chi không?

CHÚ THÍCH:

Bài I, câu 1 - chôn bước: đồn bước, rảo bước, mau bước.

Câu 3 - lướt mặt hồ: đây là Hồ Tây, nơi phường Khán-xuân, chỗ ở của Hồ Xuân Hương lúc bấy giờ (1807).

Câu 6 - lá thăm thả dòng Tô: dòng Tô đây là con sông Tô-lich gần nhà Hồ Xuân Hương mà ông Tôn Phong phải băng qua mới đến thăm nàng được. Chuyện "lá thăm" là dựa vào tích ngày xưa có người làm thơ viết lên lá xong thả xuống nước, về sau có người con gái nhặt được rồi nên vợ nên chồng. Ý nói trong hai câu 5-6 là ông Tôn Phong đã ngộ ý muốn làm bạn trăm năm với Hồ nữ-sĩ.

Câu 7-8: Song tác-giả còn ngại ngần trong việc nhận lời, cho rằng có bao nhiêu người "tinh con mắt" để phân-biệt được ngọc thật, ngọc giả. Chừng nào biết mới, có thể tính ("kể cho") được.

Bài II, câu 1 - đông-phong: gió từ hướng đông, cùng nghĩa với xuân-phong, "gió xuân," nghĩa là gió ấm áp, ở đây chỉ người tình.

Câu 2 - tìm thơ: tức là tìm đến Hồ Xuân Hương ("hương" nghĩa là "thơ").

Câu 3 - gió nước: có lẽ là dùng để dịch chữ "phong ba" (= sóng gió), với cuộc tình được xem như sóng gió. Ý cả câu là: Tuy trước kia không quen nhau, vậy mà ông dám lao vào cuộc tình.

Câu 4: Ý nói từ ngày Tôn Phong đem lòng yêu mến Xuân Hương thì ông ta coi nhẹ cả chuyện học hành, đất nước.

Câu 5-6: Tả cảnh những lúc hai người gần nhau, ngày thì vui khi nắng ấm, tối thì ngắm trăng chung trong phòng gấm (= phòng đẹp).

Câu 7-8: Có những giờ phút ấy liệu bạn có nhớ cho? Không hiểu trăm năm có nợ gì không?

TÔN PHONG THỊ ĐẮC MỘNG CHI DỪ NGÃ KHÁNH NHÂN THUẬT NGÂM TỊNH KÝ

(ÔNG TÔN PHONG CÓ MỘT GIẤC MỘNG, NHÂN THUẬT LẠI CHO TA, [TA] YÊN LẶNG GHI LẠI BÀI NGÂM [NÀY])

Nhớ ai mà biết nói cùng ai?
Rằng chữ "đồng" ta quyết một hai!
Hoa liễu vui đâu? Minh dễ khéo!
Non sông đành giã nợ còn dài...
Chén tình dầu nhãn lâu mà lạt,
Dãi ước nguyện âu thấm chẳng phai.
Đầy đoạ duyên trần thời đã định!
Xuân-giang đành để ngấm tương lai.

CHÚ THÍCH:

Câu 1-2: Hai câu này có lẽ ăn khớp với một bài thơ của Tôn Phong thị (bài số 5) trong đó ông Tôn Phong kể là có thấy Xuân Hương trong mộng. Có thể là hai câu này nhắc lại chuyện ông Tôn Phong kể, là hai người trong mộng thể quyết chữ "đồng" với nhau-thể quyết sống chết bên nhau. Cũng có lẽ, như cụ Hoàng Xuân Hãn ngờ, trước khi đi xa Tôn Phong muốn thử lòng Xuân Hương bằng cách kể chuyện mộng này ra.

Câu 3-4: Hồ Xuân Hương cãi lại, Anh đi xa "em" ("Hoa liễu") có vui đâu? Minh rõ khéo!" nhưng rồi chuyện "non sông" (= đi thi ra làm quan) anh đành "phải giã nợ còn dài."

Câu 5 - dầu nhãn: dù như.

Câu 5-6: Nếu tình này để lâu mà nhạt thì đã có "dãi ước" trao đổi với nhau để thể bồi là sẽ thấm mãi "chẳng phai."

Câu 7: Ý nói chuyện chúng ta phải xa nhau là chuyện trời định để đầy đoạ đôi tình-nhân.

Câu 8: Để thử lòng nhau thì thôi đành

NGÂN GIANG

GIÒNG THƯ XA

Từ Hà Nội, nữ sĩ Ngân Giang làm bài thơ này gửi bạn cũ, là cụ Thạch An Bùi Khánh Đản, hiện cư ngụ tại Portland, Oregon. Bậc tiền bối Bùi thi bá lúc này không được khỏe, cho nên chưa thể họa lại. Do sự thăm hỏi của chúng tôi, nhà thơ Lê Đức Vi, rể cụ, chuyển cho Khởi Hành bài thơ, coi như bài xướng. Nếu quý văn hữu thân hữu nào muốn họa, Khởi Hành sẵn sàng đăng tải. Trân trọng.

Bạn Bùi Khánh Đản! Cố nhân ơi
Mười bảy năm qua mãi cách với
Tưởng lúc Hạ Hồi nâng chén ngọc
Nhớ ngày Bến Nghé xốt chia phôi
Câu thơ nét vẽ bao gần gũi
Góc biển chân mây những ngậm ngùi
Vẫn đợi vẫn mong ngày hội ngộ
Không đành nước chảy với hoa trôi.

Sông Xương/Thượng một dải nông sờ,
Bên trông đầu nọ, bên chờ cuối kia.

HOA TỐN PHONG NGUYÊN VÂN (HOA NGUYÊN VÂN [THƠ] TỐN PHONG)

Kiếp này chẳng gặp nữa thì liêu!
Những chắc trăm năm há bấy nhiêu?
Nghĩ lại luống đau cho phận bạc,
Nói ra thêm nhẹ với thân bèo.
Chén thể thuở nọ tay còn dính,
Món tóc thời xưa cánh vẫn đeo.
Được lùa tài tình cho xứng đáng!
Nghìn non muôn nước cũng tìm theo!

CHÚ THÍCH:

Bài này cụ Hoàng Xuân Hãn cho rằng "có lẽ làm sau khi gặp nhau trở lại, nghĩa là vào khoảng 1813-14, nhưng chính cụ cũng trông ra sự mâu thuẫn trong lý-luận này. Do đó, cụ đề nghị ta "tưởng-tượng tấn-tuồng tái-hợp" như sau. Tôn-phong trở lại Cổ-nguyệt-đường. Xuân-Hương vẫn còn ở đó, rất cảm-dộng thấy bạn. 'Hai bên vừa mừng vừa tủi,' như Tôn-phong đã kể. Sau khi trò chuyện hàn-huyên, có lẽ không nhắc-nhở nhiều về tình-duyên cũ, mà kể chuyện nhiều về những chuyện xảy ra cho đôi bên trong sáu năm qua xa-cách... Tôn-phong [...] bấy giờ si-tình đã hết, mà có lẽ gia-đình cũng ổn-định, chỉ mến kính và tội-nghiệp cho Xuân-Hương; rồi làm thơ an-ủi Nàng, có lẽ khuyến-khích Nàng tìm nơi xứng-dáng để định thân. Tôi tin rằng đã có lời khuyến-khích như vậy, vì nếu không thì sao nỡ đổ then cho tình-nhân cũ bằng viết hai vế kết của bài trên. Hai vế ấy vừa để trả lời khéo lời khuyến-khích kia, mà có lẽ tự ngụ một ý mà Nàng toan quyết-định, như ta sẽ thấy sau. Đôi bên xướng họa bình-tĩnh xong rồi, Xuân-Hương mới đưa tập Lưu-hương-kí cho Tôn-phong xem và xin đề tựa. Bài họa trên tất-nhiên được nhập vào tập kí ấy. Tôi cũng đoán rằng cuộc xướng họa và bài tựa này chấm dứt mối tình-duyên của đôi bạn." (Hoàng Xuân Hãn, bài đã dẫn, trang 117)

Câu 1: Chữ "liêu" phụ nữ ngày xưa mà dùng thường mang nghĩa khá nghiêm trọng, như "liêu chết" hay "liêu bán thân" mình như trong Truyện Kiều. Hiện ta chưa rõ nghĩa Hồ Xuân Hương định nói "liêu" cái gì ở đây.

Câu 2 hé mở cho ta thấy một lý-do: Không lẽ chuyện "trăm năm," chuyện đá

HÀ THƯỢNG NHÂN

THAY BÙI KHÁNH ĐẢN
HỌA CHỊ NGÂN GIANG



Anh Bùi già yếu quá người ơi
Từng cảm thơ Ngân đẹp tuyệt vời
Dẫu có bạn bè còn cách trở
Để gì tình nghĩa đã pha phôi
Bơ vơ điện ngọc càng đau đớn
Lừng lẩy châu phong luống ngậm ngùi
Chén rượu rót nghiêng về cổ quốc
Mà thương cho những cánh bèo trôi.

vàng giữa hai người chỉ có thể thôi sao? Phải chăng như cụ Hãn ngờ, Tôn Phong giờ này đã có vợ nên chuyện giữa hai người đậm ra bề bàng.

Câu 3-6 là những câu chua chát cho cuộc tình lỡ dở.

Câu 7-8: Hai câu cuối này, cụ Hãn nghĩ là Xuân Hương đã chấp nhận lời khuyên của Tôn Phong là đi tìm nơi khác mà nương tựa. Cụ cho rằng nó ngụ ý giờ đây Hồ Xuân Hương đã quyết-định lấy ông Tham-hiệp trấn Yên-quảng tên Trần Phúc Hiên, người chồng đầu tiên của bà sau này.

TẶNG TỐN PHONG TỪ (BÀI TỪ TẶNG TỐN PHONG)

Bướm ong mừng đã mấy phen nay,
Hồng nhạn xin đưa ba chữ lại.
Dám đâu mưa gió trở bàn tay?
Những sự ba đào xeo tác hại.
Nam Bắc xa xa, mấy dặm đây?
Hải sơn ước để ngàn năm mãi...
Bức tranh khôn vẽ tấm lòng ngay.
Tơ nguyệt rày xe ba mối lại.
Hỏi khách đa tình nhẽ có hay?
Năm canh hôn bướm thêm bơ bãi...

CHÚ THÍCH:

Về các thể từ của Trung-hoa, xin xem cuốn Đường Tống từ tuyển của Trần Trọng San (Bắc Đẩu xuất bản tại Canada, 1995).

Câu 1 - bướm ong: tức ong bướm, chỉ chuyện tán tỉnh giữa đàn ông và đàn bà.

Câu 2 - hồng-nhạn: người xưa hay mượn con ngỗng trời để đưa thư, mang tin đến cho người (yêu). Ở đây có nghĩa là tin hay thư.

Câu 3-4: Hồ Xuân Hương hứa sẽ giữ lòng trung thành với ông Tôn Phong. Hai câu này có lẽ phải đọc ngược: Dù như thiên-hạ nói ra nói vào, em vẫn không vì "mưa gió" mà phụ chàng.

Câu 4 - xeo: nói gay gắt, phân bì, như trong "xeo nay" (theo Huỳnh Tịnh Của, Đại-Nam quốc-âm tự-vị).

Câu 5: Ngụ ý hai người sẽ xa cách, Tôn Phong đi vào Nam (Nghệ-an?) để đi thi còn Xuân Hương thì ở lại ở Thăng-long (= Bắc).

Câu 6 - ước: tức thề ước. Lối dùng chữ cất ngắt (2 chữ thành 1, ba chữ thành 2) này là một đặc-điểm nổi bật của thơ Hồ Xuân Hương, một thói bà cũng có từ rất sớm.

Câu 10 - bơ bãi: đỡ đỡ, mỗi một, uể oải, bại hoại. Có lẽ là do hai chữ kép "bơ phờ" và "bại hoại" cộng lại. ■

NHẬN DẠNG NGƯỜI THÙ

VIÊN LINH

Truyện

Cuối năm ấy tôi nhất định sẽ dùng số đạn được còn lại cho hai tháng chót tại miền Tây cao nguyên Trung phần. Buổi chiều một ngày tháng tám tôi và đứa cháu gái ngồi kiểm soát lại tất cả dụng cụ và số hỏa lực còn trong rừng. Một trăm mười hai viên đạn cỡ 7.62, ba khẩu các-bin còn tốt, một colt 45 và một cung gỗ với sáu mũi tên óng chuốt. Đứa cháu gái đeo cây cung chéo qua ngực nhìn tôi mỉm cười. Nó lặng lẽ thỏa thuận quyết định của tôi.

Trong bóng mát của mái hiên, buổi chiều với cơn mưa rất khô và mạnh, nó đứng tựa góc bàn, hỏi tôi về những sửa soạn và những thu xếp để kiểm điểm lại. Tôi nói:

- Cháu cần sắm những đồ dùng của cháu, trên núi không có bán đâu.

- Dạ, mai chú mua hộ mấy tuýp mélomènes, đăng bác Soan. Cháu vẫn bị đau bụng những ngày ấy. Nó cười ngó ra ngoài mưa. Mua ở các "pharmacies" khác chỉ được một tuýp.

Xe qua khỏi Bù Đăng thì cây cối hiện ra đã cao và thắm màu hơn. Ngồi hai giờ liền cầm tay lái, toàn thân tôi bắt đầu ẽ ẩm, nhất là phía sau lưng bên trái, nơi xé túi quần sau. Cái lưng, cái lưng này thật khó chịu. Tôi biết trước là sẽ khó chịu với những giờ lái xe, chiếc Jeep lại không còn tốt lắm, nó ăn xăng ghê gớm, đến hai mươi lít một trăm cây. Tuy vậy nó còn khỏe khiếp lắm. Phải cái quãng đường này tôi quá. Hơn trăm cây số xa Sài Gòn lên miền núi, đường sá thật quý quái. Bụi tung mù mịt dưới bánh xe. Bầy thước cách nhau là không thể thấy xe trước được nữa. Thật là bậy. Phải, thật là hết sức bậy là đường khác. Qua cửa kính, một thân cây đen trụi, một khúc than dựng lên giữa khoảng cây thưa. Sở Kiểm Lâm vùng này hẳn dễ chịu lắm đây. Tuy nhiên họ đốt nhiều quá thế này thì hổng hết rừng còn chớ gì. Mấy con thú lớn chúng sẽ chuẩn mất toi. A, cái lưng. Quãng này có đến năm trăm thước toàn đá. "Cháu có mệt không? Thôi mình nên chạy chậm, hả. Một chút nữa à?"

Có tiếng còi dòi lên phía sau. Một chiếc quần xa chạy vo vo vượt lên. Bụi nhe dần khi qua quãng đường nhựa. "Thật là mệt hả chú?" Tôi nhìn con cháu, trông nó tươi tỉnh như không. Chiếc xe thấy nhẹ và êm dần. "Châm dùm chú thuốc, đây này, ở túi ngực". Tôi cho chạy chậm, thấy dễ chịu hơn. Con nhỏ cúi khom mình che gió, bật lửa, đốt thuốc. Nó hít một hơi dài, thổi phờ và mỉm cười trao thuốc cho tôi "Cháu

không mệt sao". "Dạ, chưa có gì đâu, cháu nói vậy thôi. Có lẽ ban nãy ăn ở Bù Đăng hơi no".

Tôi áp lưng trên ghế, nhìn hàng gốc cây mép đường. Khu rừng này thưa, không thể bắn gì ở đây được. Không bao lâu nữa tôi sẽ không thể vác cây súng hai nòng này vào rừng được nữa. Tôi thì cần phải bắn. Phải có cái gì chừa vờn trước tầm mắt để rình, để nhắm và để rượt. Những thời gian đau bệnh ít ra còn chừa vờn với những giấc mơ, những hình bóng mệt mỏi. Hai con mắt tôi, hai bàn tay tôi, vai tôi, những đường gân mạnh của tôi cần theo dõi, được cử động, được tỳ những vật nặng, được chuyển giật thường trực để tôi chừa vờn với những hình bóng trước mặt. Những gốc cây to và mọc mại, khỏe tươi, những chùm lá, những bãi cỏ, những lối mòn, tất cả đối với tôi đều là những gì quen thân, gần gũi. Tiếng chim hót thình lình trên đầu, trong chỗ trống nào đó, trong sớm mai nào đó, là âm thanh tin cậy nhất của tôi. Tôi không còn gì nhiều. Phải rồi, con cháu này, con chim này, khu rừng này, những con thú mà tôi săn kia, đây, chỉ có thế. Năm nay là thêm một năm, thêm một tuổi, thêm một hao mòn đây. Mỗi một ngày qua, một tháng qua, một năm qua con cháu tôi một lớn, khu rừng kia một già, con chim kia một đổi, những con thú kia một vắng. Vậy mà tôi chẳng còn những thứ đó được lâu nữa. Ngày 20 tháng 10 khu rừng miền tây Trung phần, giáp giới Lào, sẽ bị kiểm soát chặt chẽ. Sở Kiểm Lâm đã thông cáo như vậy. Sợ nạn cháy rừng, đồng ý. Tôi, tôi giữ rừng cẩn thận có tiếng. Ban bè tôi biết điều ấy mà, các ông biết điều ấy mà. Những mẫu thuốc rời môi tôi sẽ bẹp dí hoặc ủng nước ngay. Bọn đốt than nể tôi ra mặt. Cả miệt rừng phía bắc thị trấn có cháy một lần nào đâu. Còn sợ thú nó sang Lào hết hoặc nó chết hết à? Đồng ý. Tôi yêu thú rừng như yêu bạn bè tôi vậy. Đây là những bạn hữu từng sống với tôi, đùa với tôi, chừa vờn với tôi. Tôi chỉ ghét mấy con nhím, mấy con trăn, mấy con rắn khồn kiếp. Ôi giờ mấy con nhím bắn thiu, lũi dũi, hôi hám. Tôi là tôi giết mấy con đó cho sạch giống. Mấy con trăn nó trơn, nó bóng, nó lẻo nhèo, nó tí hí, nó rút rút không chịu được. Con rắn hèn hạ tiểu nhân, tôi thù loại đó. Nó luôn lọt len lén và mổ đánh bập một cái. Ôi giờ đồ dễ tiện. Tôi bắn những loại đó. Thử hỏi coi tôi đã giết chết con voi nào chưa? Miệt rừng này có con nào còn đủ cả con ấy, tôi chưa hề bắn chúng một phát nào hết. Mấy con voi bên Lào sang ta nhiều lắm, tôi từng ngắm chúng một cách chăm chú và hồi hộp

vì sung sướng. Hôm con voi đó dựng bẹp chiếc xe vận tải chở tám trăm lít xăng của hãng Caltex cách thị trấn ba mươi cây số chẳng qua vì nó vô tình mà thôi. "Chú hút nữa không, đưa cháu châm cho". Tôi mỉm cười lắc đầu, gỡ mẫu thuốc ném xuống đường. Con đường cao dần dần lên đồi cỏ lau màu nhạt, bất ngát. Con cháu ngồi thu mình khép đùi trên ghế. Gió rộng và ào ạt trên bạt xe. Tôi nói "Cháu lạnh sao Lan?" Nó nhìn tôi gục gặc cái đầu rồi với tay lên ngực tôi lấy bao Bastos de luxe và hộp quẹt máy. Tôi nói: "Nặng đấy, mày con gái không hút thứ này được đâu". Nó nói: "Kệ, cháu hơi lạnh, hút đại". Tôi nói: "Thôi tới nơi chú mua thuốc thơm cho mà hút". Nó làm bộ sáng mắt lên: "Thật nghe chú". Tôi bảo: "Thật". Nó rút một điếu, nói: "Nhưng cháu cứ hút đại điếu này đã. Cháu thèm. Mà còn lâu mới tới".

Khi xe vào tới thị trấn, đồng hồ dài phát thanh địa phương điểm 16 giờ 30 phút. Cô xướng ngôn đọc bản tin buổi chiều, nói về sinh hoạt của nhà máy dệt Mít-su-bi gì đó tại buôn Kroa. Chiếc Jeep bụi bặm lổn không của chú cháu tôi từ tốn chạy trên con phố chợ của thị trấn. (Một bên là hè chợ, những kiosques vuông vắn bán giày, dép, tiệm thợ may, sạp báo, phía trong là những gian hàng thấp. Một bên là phố hàng: tiệm tạp hóa, tiệm sành, tiệm đồng (trống, phèng, la, công..., tiệm thuốc Âu Mỹ, nhiều tiệm ngoài hiên treo lủng lẳng cung, nỏ, kèn bầu. Nhà sàn đan bằng tre, dưới thềm là những dép cao su, những chai mật ong...)

Con cháu tôi theo tôi thao láo ngó xuống con phố nườm nượp (bộ hành một phần năm là quân nhân; những người mang đồng phục...) Người ta cũng ngó lại, thường ngó kỹ y phục của nó (quần chèn xanh ống ngắn, áo chemise vàng nhạt cộc tay, trống có vẽ ngổ, dễ thương). Tôi nói: "Mình phải tới ông bạn cái đã".

Căn nhà rộng, thoáng trông có thể biết là gồm bốn phòng chính, nằm giữa một khu đất có rào nửa xung quanh, ở mãi cuối một phố vắng. Tôi đỗ sát xe vào hàng rào, chậm rãi thò chân đứng xuống đất.

Tôi rút khăn lau qua khuôn mặt lợn cợn bụi bặm, con cháu tôi làm theo. Tôi bảo nó, khi nó đang nhảy xuống:

- Ông ta tên là Thẩm, thương gia.

- À, cái cung đó...

Tôi đến cánh cổng sắt, ngó vào trong qua các mắt lưới nhỏ và mỏng, gạt đầu:

cháu tôi.

Quay về Lan, tôi tiếp:

- Anh Định, con bác Thắm.

Hai thanh niên lễ phép chào nhau - chàng con trai cúi đầu mỉm cười kiểu cách, khi cúi xuống bàn tay bên phải hơi đưa ra, năm ngón tay mở ra nửa chừng. Lan vẫn ngồi yên vị trên ghế, mặt xoay nhẹ như sợi cao su lườn khê rồi xoay trả lại lúc ban đầu, miệng cười tươi tắn. Tôi nói:

- Ít ra mình cũng có bốn tay súng, nếu mời trung úy Tào nữa thì tốt nhất.

- Cả cô Lan cũng đi - thanh niên nhìn tôi và Lan ra ý hỏi, rồi nói tiếp, cười cợt - chắc cô Lan phải bắn giỏi lắm.

Lan lại xoay nhẹ cái đầu, bình tĩnh, đứng đắn vừa phải. Tôi nói với Định và Thắm:

- Phải cho chúng tôi nghỉ ngơi một chút lấy sức cái đã. Ở đây dễ chịu quá, hỉ.

Tôi không ưa họ, không ưa một người nào trong bọn họ, kể cả Thắm, cả Định, cả trung úy Tào. Thắm to béo, nước da trắng, hơi hột, và nhận kỹ sẽ thấy ông ta lãnh đạm với bất cứ người nào, dù thân thiết. Trong lúc nâng súng lên vai ngắm bắn ông ta cũng để lộ cái bản chất đó qua đôi mắt nheo, qua ngón tay trở, qua hai chân thủ thế của mình. "Bắn nhé, tôi bắn đấy hả?". Thắm hỏi người bên cạnh như vậy mỗi lần trông thấy con mồi ngon và dễ nhất. Phát súng nổ vô duyên chỉ làm con vật nhảy quăng lên một cái cao và phá đám mọi người. Nhưng đi bắn với ông ta cũng có một cái thú, ấy là không con vật nào rơi dưới mũi súng hơi hột đó. Phải thế chứ, con nhím đi nữa cũng có giá trị của nó, giá trị của con

nhím. Nó sẽ bảo vệ giá trị của nó, bằng cách vận dụng cái khí giới độc nhất, dù chỉ là vận dụng những lúc bị động. Thật là bậy, phải, bậy quá sức cái con nai cái hươu ở rừng thưa cách Quốc lộ 14 khoảng năm sáu cây số. Nó đã nhảy quăng lên và phủ gục xuống do viên đạn hơi hột của Thắm. Ông ta reo lớn "A ha! A ha!" một cách kỳ cục, tiếng reo không phải của một thợ săn, cũng không phải của một người đi săn tài tử. Nó quái dị, nó khả ố, nó tầm thường, nó chẳng có chút tự trọng nào. Nó phách lối và đáng ghét. Vậy mà con nai đó chết mới chớ chứ. Tôi không ưa Thắm ở cái tiếng kêu đó, ở cái thế đứng đó. Nó không có trách nhiệm, không có liên hệ chút nào với tiếng súng nổ ra.

Cuộc săn của Thắm là cuộc săn tiếp đãi tôi. Thắm sống thì sống rất hay: buôn bán do lường, dò xét và dẫn lái thị trường cái thị trấn đó theo ý mình và tài mình. Ở đó ông ta tìm được sức lực thật của mình khá đúng cách, sử dụng cũng khá ích lợi. Phải, ích lợi. Ít ra là ích lợi cho một thương gia, cho tư cách của ông, cho vợ và ba con ông. Nhưng ông không nên đi săn một chút nào.

Buổi chiều đã đứng. Nắng bắt đầu hạ ở trên các đỉnh cây phía trước mặt. Chúng tôi năm người đi trong rừng có trên sáu tiếng đồng hồ, từ lúc sáng còn trong mát. Trung úy Tào khỏe mạnh, đi những bước vững chắc, điềm đạm. Cái dáng quân nhân của ông thẳng, cứng giữa chúng tôi. Ông nói chuyện từ tốn, bắn an chắc từng phát một. Từ cái cử động nhỏ, chăm điều thuốc, mở chốt an toàn đều vững mạnh, nhịp nhàng. Ông chưa bắn phát nào nhưng đã bắn hẳn trúng. Ví dụ không trúng đi nữa cũng chẳng hề gì.

- Bạn già của chú đó. Ông ấy tặng chú nhiều thứ khác nữa. Ê! - Tôi cất cao giọng gọi - Cháu Hoàn! cháu Hoàn!

Phía sân trong, trông suốt ra đến cổng qua lối đi chính giữa nhà, một thằng nhỏ đang cầm chiếc vợt gỗ, ngó lên. Nó nói gì đó với xuống phía sau. Tôi bỗng thấy ngứa trên đầu, dơ tay bứt xuống một sợi tóc đã bạc một nửa, quần queo. Tôi xoa tay, nói với con cháu:

- Đi với cháu chú cứ tưởng mình mới độ ba mươi tuổi. Tới đây, chú mới thấy lại mình đã già...

Lan hơi thẹn, chỉ tay vào trong:

- Có người ra đấy chú.

Tôi ngó người đang bước ra, một người đàn ông tóc đã hoa râm, đầy dãi, đó là Thắm.

- Lâu quá mới gặp!

Chúng tôi bắt tay nhau sau khi cánh cổng được mở ra. Không khí yên tĩnh một chút, rồi mở ra khi người đàn ông trước mặt tôi cất tiếng cười. Ông ta vẫn nắm tay tôi, dẫn đi:

- Toa lên đây thật đúng dịp. Mùa mưa tha hồ mà bắn.

Tôi chỉ Lan, nói:

- Con Lan, cháu tôi đó.

- Thế hả. Cháu Lan vô đi. Cũng đi săn với chú thì khiếp thật.

- Dạ.

- Để tôi đánh xe vào đã - Tôi nói với Thắm khi chân dừng lại - toàn đồ nghề cả. Lại chuyển chót đây.

- À. Tới thật. Họ sắp cấm săn rồi đấy nhỉ.

- Chúng tôi đi bắn cho hết đạn đấy. Bắn cho nó sướng.

- Được rồi, được rồi - Thắm nói - để dọn phòng cái đã, thiếu gì.

Chúng tôi vào trong nhà, mát mẻ, thanh thản. Lan hơi lờ đờ ngồi xuống ghế, nó có vẻ buồn ngủ. Tôi muốn tắm; buổi chiều ở tỉnh lý, chìm lặn và rời rạc như một chiếc xe đồ chạy không.

Người thanh niên, con Thắm, đứng lại ở giữa cửa phòng sau khi ghéch chiếc scooter vào bậc hè. Anh ta cao dong dỏng, nước da xanh mai má hơi bệnh tật, khoảng hăm lăm tuổi, mặc quần tergal xám sơ mi xanh rêu bỏ ngoài, dây santiago gót năm phân. Anh ta chào tôi và ngó Lan:

- Thưa bác, họ sắp cấm rừng đấy. Bác lên cháu mới lại được đi săn.

Tôi dơ tay phải cho anh ta bắt tay trái vỗ lên vai anh ta nhẹ nhàng:

- Đi bắn với anh một lần đây. Lan,



Lan cau có nhìn tôi muốn đòi nghỉ chân luôn luôn. Nó chẳng chặc, tiết độ được tình thần trước những cái bất chợt, khó khăn. Tôi nói với Định khi anh ta bước tới:

- Hôm nay chắc anh không thích nhí, chẳng thấy con nào.

- Vâng. Chúng nó đi đâu hết cả. Kỳ cục. Kỳ cục.

Tôi quay sang Thẩm và trung úy Tào:

- Có lẽ mình nên nghỉ chân một chút, hai ông mệt không?

- Kể ra có thể nghỉ được đấy. Thẩm đáp, miệng cười.

- Cô Lan có lẽ không mệt lắm chứ. Ta lên cái gò kia để chịu hơn. Viên trung úy nói, nhìn Lan và tôi, rồi bước lên trước.

Trên cao, nơi các ngọn cây, trong sự im lặng của nắng sấm có tiếng loạt soạt nhẹ. Anh con trai quay lại thật nhanh, nói:

- À. À. mầy.

Một tiếng nổ hơi vội vàng. Không khí rào rào nhẹ nhàng như bụi rơi. Một lát, yên tĩnh. Định nói, khi chúc mũi súng xuống đất:

- Mấy con khỉ ở cao quá. Bắn thế mà không chết.

Có tiếng động nhẹ từ xa, trên các lá cây. Lan mỉm cười co tay vào đùi, cái quần bó gọn ghẽ, nói với tôi:

- Thích nhí chú nhí.

Tôi rút thuốc, gắn một điếu lên môi:

- Hút thuốc, Thẩm, Trung úy?

- Merci - Dạ cảm ơn ông.

Lan nhìn tôi, con mắt sáng. Tôi đưa cho nó một điếu thuốc thơm, bật lửa:

- Cho cháu hút một điếu - Tôi không

nhìn mấy người xung quanh khi nói, và không nhìn Lan khi đã nói xong. Nó bậm môi hút mấy hơi liền, nét mặt bất động, dáng thong thả.

Anh con trai nói lớn:

- Cô cũng hút thuốc đấy à.

Lan ngó vào đầu điếu thuốc mới môi:

- Vâng. Tôi cũng hút ít thôi.

Tôi bước lại gần Thẩm và viên trung úy, ngồi xuống gần hai người. Trên cao, gió thoảng rung các lá, cành. Tiếng động cơ một chiếc B.26 trầm và nặng vừa lan vừa động trong cánh đồng rừng. Buổi chiều xuống, êm, buồn ngủ, thanh thoi.

A!

Anh con trai hoảng hốt kêu khê, người cúi khom, nhìn chăm chăm vào bụi cây thấp phía trước. Lan tới gần tôi, nhìn tôi. Viên trung úy cầm lấy khẩu MAS.36, bẻ băng đạn ra, một tiếng cách khê, ngắm.

Tôi nghĩ thầm: "Phải rồi, hãy tới đi, phải bạn chẳng?" Tôi đứng vững vàng gần đứa cháu, nó mỉm cười. Phải như vậy chứ, phải chờ đợi như thế, đừng kêu, đừng chạy, hãy đứng yên. Tôi hơi lo - điếu đó có gì đâu, tôi lo thật - nhưng không có gì cả. Năm người, súng trên tay, hướng về phía trước. Hình như không có gì. Thẩm đứng cong, chân xoạng, có vẻ muốn lùi lại một bước nhưng giữ ý. Điếu đó không nên. Tôi, tôi sẽ lùi đằng hoàng, nếu thấy chỗ mình không chắc. Thẩm đứng đó, không chắc ở chỗ của mình chút nào, vậy mà Thẩm đứng đó. Một mùi hôi thoảng qua. Viên trung úy đứng thẳng, chân trước chân sau, mắt chăm chú kiểm soát xung quanh. Anh con trai luôn luôn quay đầu nhìn lại, nhưng lại muốn đứng im. Anh ta chúc mũi súng xuống đất, mắt bình tĩnh. Nó chợt đứng ở đó, trước mũi súng của anh ta. Lan nép gần vào tôi, tầm súng thấp hơn tầm súng của tôi chừng một gang tay.

Con hổ này thật đẹp, đường hoàng, bệ vệ, bình tĩnh.

Viên trung úy vẫn đứng thẳng, mũi súng không cách con vật bao xa, chỉ mười thước. Chỗ chú cháu tôi, mười hai thước. Chỗ cha con Thẩm chín thước gì đó. Nó hiện ra đột ngột, rồi đứng im ở đó. Tại sao nó không chồm tới. Tại sao tôi không nổ súng. Không thể kịp, cả hai bên đều không thể kịp. Nó tiến một bước, tôi, viên trung úy sẽ nổ liền, chưa chắc gì. Và nếu mình nổ, nó cũng đủ sức nhảy tới nơi. Quả thật cả hai bên chúng ta đều không kịp. Vậy hãy đứng đó cái đã.

Cuộc đối diện kéo dài chừng hai phút, có thể hơn một chút. Con hổ này đã già dặn lắm đấy. Như thế là phải, chúng ta đều hiểu sức nhau, tôi cũng có tự trọng của tôi. Tôi nhìn Lan, nó đang nhìn tôi mỉm cười dịu dàng. Cháu cũng đối diện nó như chú, nhưng chắc cháu đang nghĩ chú kỳ cục. Hẳn con nhỏ này đang tự hỏi ông già này nghĩ gì đây. Có gì đâu, phải, có gì đâu, tôi vẫn nghĩ như thế từ lâu. Hãy giữ thế, hãy chờn vờn, nhưng thật tĩnh táo.



Lan châm thuốc cho tôi rồi tự châm cho mình một điếu. Nó cử động vừa phải, nhẹ nhàng. Thẩm kêu lớn: "Kỳ phùng địch thủ, kỳ phùng địch thủ!" Anh con trai: "Trời ơi! Sao không ai bắn cả?" Viên trung úy đi lại gần tôi châm thuốc hút. Khuôn mặt hồng hào, hơi xương, tươi và sáng:

- Chúng ta thật bình tĩnh. Ông ta nói, gấp băng đạn lại và đi trở về chỗ cũ.

- Cháu giỏi lắm. Tôi nói, nhìn Lan. Nó gật đầu ngồi duỗi chân trên cỏ:

- Cháu thích đi với chú.

Con hổ xuất hiện rồi đi nhanh vào lùm cây, chuyển đó thật nhanh và lạ, và bất ngờ. Sau khi nó đi được một lát, tôi thấy hình như không phải nó đi, cũng như không phải nó đến. Vậy mà nó đã đối diện với mình đằng hoàng trên hai phút đồng hồ. Không khí còn nặng nề mùi hôi hám khó chịu. Tôi bỗng thấy bất mãn, tôi muốn gặp nó một mình - hoặc cùng với cháu tôi - tôi biết tôi sẽ gặp nó nữa. Thời gian không còn nhiều, hơn một tháng, một tháng mười ngày, nhưng thế nào tôi cũng gặp lại nó. Trong khi suy nghĩ, đã xong, tôi lại có cảm tưởng nó sẽ tìm gặp tôi, chính nó sẽ chờ tôi ở chỗ này. Điều đó xét ra kỳ quái khó tin với mọi người nhưng tự tôi, tôi tin tưởng. Tôi sẽ phải gặp nó một lần nữa, để chào nó, từ biệt nó trước ngày hết hạn săn bắn, ngày hai mươi tháng mười.

Cơn mưa nặng nề trút xuống thị trấn khiến tôi cảm thấy khó ở trong mình. Đường phố ướt lẹp nhẹp, nhà cửa ong ong những không khí khô. Đứng trước gương, ngắm lấy mình, tôi tìm ra tôi đã già, đã mỏi. Năm mươi năm sống đã làm xương da tôi nổi bọt, những cái bọt rỗng và nhạt. Đêm tới, sau khi uống một chai bia ít đá, tôi nằm bệnh.

Căn phòng được thu vén cho tôi an tâm và dễ chịu hơn. Người ta bỏ bớt đi một ít tranh màu sắc sỡ quá, kéo lại các màn cửa, đặt thêm ít cốc chén lên bàn cùng với thuốc và trái cây. Tôi thấy lạnh và mệt, thường nóng vào khoảng chập tối và mỗi sáng khi thức dậy. Đêm lạnh, rất lạnh. Những trận mưa lớn khiến tôi nôn nao với kỳ hẹn, với thói quen vỡ tổ của thú rừng mỗi khi cơn lạnh. Những lúc chúng ra nhiều thế, tôi lại mệt.

Buổi sáng Lan đã gửi thư về Sài Gòn com-măng cho tôi ít thuốc cần và hiếm, thị trấn không tiệm nào có lấy một lọ. Cái lưng, nó đau khiếp, cái lưng này thật phiền, đã đến lúc nó hành hạ tôi đây, năm mươi tuổi có dư rồi. Bước đi có gượng, có nhẹ nó vẫn đau nhói. Đau và nhức, ê ẩm cả một phần thân thể không lấy gì làm to lớn cho lắm. Phải nhờ Soạn, tiệm thuốc tây của anh ta may ra mới có. Trong khi cũng có dịp chút ít. Nhân thế, tôi hỏi Soạn về những thứ thuốc mới rất cần thiết cho tôi.

Nằm trong khí hậu lạnh miền núi, miền nhiệt đới, trong sự đau ốm của mình, tôi nhớ lại nhiều điều, nhiều chuyện ngày trước. Thật là vô ích, vô ích hết. Tất cả đã xảy ra, đã qua đi. Nhưng xảy ra rồi qua đi, chỉ có thể thôi. Những phản ứng của tôi còn hiệu quả gì nữa, ngoài cái việc chống xếp trong đầu những tư mãn, những bất mãn, những thành kiến thói nết, nó không còn để lại được gì khác nữa. Những phản ứng ấy lặp lại trong đầu tôi những thành tích lịch sử ngu độn của mình, những thành tích lịch sử trước đây mình kiêu hãnh, phô trương. Bằng hữu cùng tuổi tôi ít nhiều đều võ trang bằng những tập quán, những lễ thói ngu dốt ấy. Khuôn mặt họ, và tôi, cười cợt với dáng tự tin và mỉa mai thực ra chỉ là đóng vở, quân tử Tàu. Chúng ta khoác cho mình những lịch sử những tác phong đẹp đẽ, những cái bất tay, những lối cười, những cách dùng người, những cách nói khéo, thực ra, không có gì hơn sự tránh đối diện với bề trong của mình. Sự đối diện mà chúng ta thường huênh hoang nói phách, hoặc lẩn tránh, hoặc nhìn nghiêng. Đó là quá khứ đời sống của tôi, của mấy anh năm mươi tuổi, của những tờ giấy cũ cần đốt đi, xé đi luôn cả cái lẽ của nó.

Và tôi nhớ thành linh, rất thành linh, đến một bông hoa đỏ chói, đa tình, quyến rũ, mọc trong khe lá tối tăm rậm rạp dưới cái lũng gần thác chứa nước của Hồ Nhà Đèn. Bông hoa đỏ đến nỗi xúc động những năng lực tiềm tàng bí mật của tôi. Màu đỏ lịm, bóng, hình hoa tròn xoe - có thể tôi đã quên hay đã tưởng thế - bất chợt bắt lấy những tia nhìn của tôi và động được tình tôi.

Tôi đứng cách nó bốn bước, nhưng gần bởi một cụm lá thấp, dày. Tôi đứng ngó khá lâu, khẩu súng nặng đã chấm đất chạm vào mấy con vắt, và chúng đã leo lên tới hết chiều dài cái bút tất của tôi, hút vào da tôi cong mình lên. Khi gỡ xong mấy con vật nhỏ ngứa này, người bạn cùng săn lần đó với tôi, trung sĩ nhất Giang, đã bỏ tôi một quãng xa, đang đứng nhìn lại. Tôi không có ý muốn ngắt bông hoa - có lẽ là như thế - hoặc là tôi ngại vì bóng tối ẩm thấp của cụm cây, nên tôi bỏ đi. Hoặc là tôi ngại những con rắn, những con vật dễ tiện dưới chân, nên bỏ đi. Suốt buổi săn, tôi tiếc mãi bông hoa đỏ đó. Tôi không biết nó thuộc loại nào, tên gì. Nó đẹp, tôi chỉ biết nó đẹp một cách lạ lùng, lần đầu tiên tôi được nhìn thấy, được cảm động. Tôi cố dò hỏi vài người quen - dò hỏi bằng cách thế ngượng ngùng, khó diễn tả, tựa như mình làm một việc gì thất thố - nhưng không ai biết cả. Lần đó Thẩm nói: "Trong rừng thiếu gì hoa lạ, hoa lạ đâu có thiếu gì đâu?" Từ đó tôi để tâm mãi cho tới giờ, nhưng vẫn chưa rõ tên loài hoa này. Và thỉnh thoảng nhớ lại trong cơn đau này, tại sao vậy? Tại sao tôi nhớ con hổ đó, bông hoa đỏ dữ dội như vậy?

Có tiếng kẹt cửa, Lan bước vào. Tôi hỏi:

- Có tin tức gì không cháu?

Nó đưa cho tôi một xấp báo mỏng, ngồi xuống cái ghế bên cạnh:

- Chưa chú ạ. Có ít báo mới đấy chú.

Tôi cầm lấy tờ báo liếc qua rồi đặt xuống ngực, trên tấm chăn đơn:

- Ở không cháu có thấy buồn không?

Tôi hỏi có ý sẵn sốc nó.

- Chú biết không mà, chú còn hỏi.

Tôi giữ nụ cười cầm tờ báo lên có ý che mặt. Trong lòng, niềm sung sướng và tình thương dịu dàng dâng lên.

Lan đứng dậy nói:

- Nhưng cháu mong chú chóng khỏi đi, còn đi săn.

Tôi gật đầu chống tay ngồi dựa lưng vào thành giường trò chuyện một lúc lâu, cho tới khi nó xin phép tôi lấy xe đi chơi.

Trận ốm giữ tôi trên giường cho tới đúng ngày hai mươi tháng mười, ngày cuối cùng của kỳ hẹn. Tôi chưa khỏi hẳn, chưa bình phục hẳn nhưng thế nào tôi cũng phải trở dậy, phải vào rừng, phải bắn cho hết số đạn còn lại, phải cho cháu tôi gặp con hổ đó. Thẩm nói: "Có lẽ toa mệt lắm, nên nghỉ chẳng?" Tôi ăm ừ cho qua, nhưng bảo cháu tôi cứ sửa soạn. Nó cũng tỏ ý hơi ngại nhưng không nói gì, có lẽ nó tin tôi thừa sức để vào rừng rồi. Hai chú cháu tôi, sẽ không cho ai đi theo, không cho ai quấy rầy, không cho ai tham dự những giờ phút chót này.

Đường sá trong thị trấn đã khô ráo, nhưng còn lầy lội ướt nhớp khoảng hai cây số trở ra. Chiếc Jeep hãy còn vững vàng lắm dù tôi chưa được khỏe hẳn. Nó đều đặn lăn những vòng bánh trơn trên con đường đất đỏ, gồ ghề giữa hai miền cây cao lớn, sáng sủa và tươi mát sau những ngày mưa nặng. Con cháu tôi, khi xe ra khỏi thị trấn, bắt đầu cười nói vui vẻ hơn thường ngày. Nó bảo:

- Thế nào cháu cũng bắn vài băng.

- Bắn gì?

- Bắn hết, nếu không gặp sẽ bắn đại vào rừng.

Tôi cười, nghĩ đến số đạn sẽ không bao giờ được dùng tới nữa. Hôm nay là ngày chót cần phải sử dụng đây, sử dụng được, sử dụng cho hết và khi về, tôi sẽ treo khẩu

súng đó lên tường, dùng nó vào việc khác, không phải để bắn nữa.

Một tấm biển lớn sơn trắng, chữ đỏ, yết thị đó, cái yết thị cấm săn bắn đó, đã treo lên một thân cây lớn trước mắt chúng tôi. Chúng tôi nhìn nhau, không nói năng nhưng không bất mãn, không khó chịu:

- Minh còn mấy tiếng nữa.

- Chú chạy mau lên chút.

- Không phải như vậy. Minh còn đủ thì giờ, không có gì phải vội vàng đâu. Không có gì vội cả, nghe không, cái gì cũng kịp nếu mình định trước.

- Dạ, chú mệt sao?

- Không, mày có vẻ áy náy?

Lan ngồi lại cho ngay ngắn, quàng hai tay ra sau lưng ghế, nhìn thẳng trước mặt sau khi nói chữa:

- Không đâu, chú. Như thường mà.

Khi xe tới địa điểm cũ, tôi ngừng lại bên lề cỏ, tắt máy và ngồi yên trên ghế. Hơi thở tôi hơi mất nhịp, tôi cảm thấy nặng nơi ngực, hai vai mỏi. Tôi nói:

- Cháu lấy súng hết ra.

Bước xuống đất, đầu gối tôi ngượng ngịu, nhấc không đều. Tôi đứng tựa vào mũi xe, châm thuốc hút.



Không khí yên tĩnh, cảnh tượng im lìm, bí mật. Tôi nói:

- Lan.

Con nhỏ quay lại, nó bắt gặp ở tôi những nét chuyển động nào đó mà nó thấy quan trọng. Nó quay hẳn lại nhưng đứng im chỗ cũ:

- Dạ.

Tôi tìm những lời để bắt đầu, lúng túng, bận bịu với mình. Nó hơi lộ vẻ ngạc nhiên, tôi gần:

- Hay chú mệt, chú lên xe ngồi đỡ đi.

- Không có gì đâu, không có gì đâu.

Nó tới gần tôi hơn nữa, tôi bỗng thấy mệt mỏi ào ạt lấn trên thân thể mình. Cổ tôi chối, đắng, mất năng và mũi khô. Vút diều thuốc vừa châm xuống cổ, tôi lấy lại dáng điệu bình thần:

- Thôi mình đi thôi, cô.

Nó lắc đầu cười và ư hự trong cổ, xách súng xuống lưng. Tôi ngửa mặt thở mạnh và xuống theo.

Dưới chân, lá mục xếp từng chồng dày và ẩm ướt, sủi nước dưới sức nặng. Con cháu tôi đi chậm lại chờ tôi:

- Chú xem dùm cháu có con vắt nào không?

Nhìn hai chân nịt gọn ghẽ của nó, tôi nói:

- Làm sao nó vào được.

Mùi nước xông lên ngào ngạt khỏe mạnh, từng mảng của ánh mặt trời tươi hồng loáng thoáng trên lá, trên cây. Sắp sửa đây, bạn thân mến, bạn ở đâu, chúng tôi đến đây. Phải rồi, hãy ra mặt đi chứ, chúng tôi có mặt rồi đây. Cô này là Lan, cháu tôi đó, nó còn trẻ, nó không sợ gì đâu đấy nghe. Còn tôi là bạn già của bạn, có lẽ tôi chẳng sợ cái cóc gì cả đâu. Không phải nói phách, tôi chẳng sợ ông kẹ nào đâu. Có lẽ thế, dù tôi năm mươi tuổi dư rồi. Tôi hoạt động đã nhiều, tôi suy nghĩ đã nhiều, nhưng tôi muốn đối diện với bạn lắm, đâu hề gì. Tôi không bắn đâu, nhất định không, nhưng chúng ta phải tôn trọng nhau chứ. Bạn già, bạn đồng ý không nào, chúng ta phải tôn trọng nhau đấy nhé, phải lượng sức mình đấy nhé. Nếu không dám đối diện nhau thì tránh đi, còn kịp chán.

Nhưng, hình như là không thể kịp, con cháu tôi vấp ngã với lại đằng sau và ôm lấy cổ tôi. Nó thì đứng đó, cách tôi không lấy gì làm xa cả. Phải, quá nguy hiểm. Con nhỏ lại vương vãi trong tay tôi. Tôi lật băng đạn, siết lại, tay kia bóp cò. Ba mươi viên, phải, ba mươi viên nổ rền rền trong không khí yên tĩnh. Nó húc hặc cái đầu đầm máu, nhũn xuống cổ. Phải rồi, tao đã bảo là ngày cuối cùng mà, hẹn chót mà, tao bắn bằng hết số đạn tao có trước khi bị cấm mà. Ai bảo mày đến đây, ai bảo mày đại dốt thế hổ con. Mày lại tới dốt ngọt quá, nguy hiểm cho tao quá. Phải, nguy hiểm cho tao quá sức. Tao, tao phải tự trọng và tự vệ chứ, tao phải giết mày chứ. Tao đã nói, tao năm mươi tuổi dư rồi, tao sống đã nhiều, nghĩ đã nhiều: lươn lẹo đã nhiều, thành thật đã nhiều. Tao dự liệu tao khôn khéo tao đủ tư cách để nói chuyện với mày, vậy mà mày lại định chồm tới thì đại quá, đại quá xá, con ạ.

Lan đập tay nhẹ nhàng lên ngực tôi, tôi chợt cúi xuống, buông nó ra. Nó sửa lại áo, vuốt lại tóc cười và thở mạnh:

- Cháu sợ quá. Chú làm cháu nghẹt thở. Con hổ to quá chú.

Nó nhìn kỹ con thú, rồi, một lát đủ để tôi biết, nó quay lại:

- Sao chú bắn nó?

Tôi không đáp, tôi vừa nhìn thấy bông hoa đỏ chót, màu đỏ kỳ lạ, bông hoa mà tôi xúc động một lần, bông hoa mà mãi sau này, khi trở về Sài Gòn, một chiều xuân nằm trong căn nhà thuê ở đường Cao Thắng, đọc Đường Thi, bài Cảm Ngộ của Trần Tử Ngang, tôi mới biết tên: Lan Nhược. Bài đó, Trần Trọng Kim dịch như vậy:

*Chòm lan khóm nhược xinh thay
Trải xuân qua hạ những ngày tốt xanh,
Rừng thông hiu quạnh một mình
Này ra bông đỏ cùng nhành tím tươi.
Dần dà ngày bạc phôi phai
Gió thu hiu hắt, một trời lạnh tanh.
Mùa hoa hết thấy điều linh
Thơm tho rút lại có thành nỗi chi.*

Bây giờ Lan đã có chồng, đó là Định, con Thẩm, hiện sống ở Building Everest. Còn chú nó, trên năm mươi tuổi đầu chưa lấy vợ mà sống điềm đạm, ngày tháng êm đềm như không. ■

*Ban Mê Thuật, 1959
Tập Chí Văn Hiến, 1960.*



ĐINH HÙNG (1920- 8.1967)
trang bên: BÚT TỰ ĐINH HÙNG

Sau Hiệp định Genève, Đinh Hùng là người đầu tiên khơi dậy Tiếng Nói Thi Ca Miền Tự Do ■ Với Tao Đàn, Thơ đã được truyền đi khắp chốn, từ Bến Hải tới Cà Mau, trong khi ngời ca Tâm Thức Dân Tộc qua Ca Dao và Cổ Thi, ông còn dựng nên một phong trao ngâm thơ mà ảnh hưởng kéo dài tới hôm nay, trong cũng như ngoài nước, đẩy lòng yêu Thơ vào tình cảm thanh niên, phát triển Thi Ca ta tới biên giới của vô cùng ■ Cùng lúc, như sóng với thuyền, réo rắt và mệnh mông mang theo tiếng đàn nhịp phách xưa, từ độc huyền tới tranh, sáo; véo von và tí tê của hương đồng cỏ nội, và khuê các miếu đường ■ Với bút hiệu Thần Đăng, Thơ cải tạo xã hội, châm biếm cái xấu, chống phá độc tài. Với tôi, Đinh Hùng là chủ soái của Thi Ca Miền Nam, từ Chia Cắt 1954 đến Di Tản 1975. ■ Viên Linh
(trích 45 Năm Thi Nhân Việt Nam, sẽ xuất bản).

Ở cương vị một người thân, một người trong gia đình của nhà thơ mệnh yếu này, tôi đã từng viết 14 chữ đặt trước áo quan và đọc mấy lời ai điếu bên cửa huyệt (1). Ở cương vị một người bạn, tôi đã từng kể lại trước máy vi âm một vài kỷ niệm thuở ban đầu tôi cùng họ Đinh gặp gỡ, và kể tóm tắt trong mục Nghệ thuật truyền thanh của đài Bá âm Sài Gòn.

Và ngay tối hôm ấy, tức là 28 tháng 8 dương lịch, theo thói quen mỗi tuần, nằm nghe mục Tao Đàn, chợt mấy thấy tiếng Hùng vang dội, mặc dầu biết trước đó chỉ là do một cuốn băng nhựa được quay lại trước máy thu thanh của Đài, tôi cũng vô cùng xúc động, tưởng như Cối Chết gằn gỏi đầu dây, và Đinh Hùng, bạn tôi, với tư cách "Trưởng Ban Tao Đàn", lại tiếp tục lên tiếng gửi mười phương thính giả.

Niềm xúc động dâng cao tự kết thành vắn điệu. Trong khoảnh khắc tôi đã hoàn tất bài thơ Tiếng Đó Người Đâu mà hôm nay tôi xin đọc lên, ngâm lên, mặc dầu tôi chẳng có cái giọng đầm ấm quyến rũ của ai kia, nhưng cũng đọc lên ngâm lên, coi như tiếng đạo đàn mở đầu cho câu chuyện mà tôi sắp nói cùng quý vị:

TIẾNG ĐÓ NGƯỜI ĐAU?

"Tiếng Nói Thi Ca Miền Nam Tự Do"
Mười hai năm trước, giữa Sài-đô
Cất lên cao vút, nghe đồng vọng
Cả khối băng kia đầy ngọc hồ

Chắc cũng nao nao dòng Bến Hải
Cùng Ba mươi sáu phố phường xưa.
Đêm nay vẫn tiếng ai sang sáng
Trời hơi, mà sao ghen gió mưa!

Vì tuyến nào đây toan đứt phứt,
Lâu rồi căng thẳng với dây Thơ!
"Đây Tao Đàn..." sóng truyền thanh nổi,
Ai có nghe chẳng lọt đầy mô?

Ai có thấy chẳng hồn nước réo
Cửa Hàn sương quyến khói sông Lô?
Người mê hơi đất nay về đất
Hiếu nghĩa vầng trăng huyết dụ chưa?

Hai mươi tám giọt sao mờ
Tàn canh lửa quý bất ngờ hài tiên
Ở đây mới thực người quen
Khởi thơ là áo hoa đèn là thân!

NHỚ ĐÌNH HÙNG (1920-1967)

VŨ HOÀNG CHƯƠNG

Mười ngón tay đang lửa nguyện cầu
Hỏi đi! Hồn chuyển kiếp về đâu?
Ta xin giữ trọn lòng, trinh bạch
Ngưỡng trông Đền như Nữ Chúa Sầu

Với ta chỉ một nàng Vân,
Kể chi xác mượn, phong trần bấy nay
Hé môi giọng chấp chờn mây:
"Đình Hùng, tên họ ai đây thế Hoàng?"

Cơn trường mộng, kiếp đi hoang,
Ném xa kỷ niệm ngoài khoang
phiêu bổng
Quên nhau họa có vân mỏng;
Còn tên còn họ là không còn gì!..."

Ngẩng trông khối lọt hàng mi
Phút giây mình đã quên đi chính mình
Nhưng quên người, hỏi sao đành?
Mấy luân hồi nữa cho lành vết thương?

Ngâm câu "Yếm tác nhân gian ngữ"
Giục ngọn đèn thu nỏ thịt xương...
Đôi ta lại một chiếu giường
Cười rung bóng Quỳ Vô Thường
ngồi kia.

Đình Hùng sinh năm 1920, là con út trong một gia đình trung lưu, gốc ở làng Phượng Dực, tỉnh Hà Đông, nhưng đã từ lâu ra lập nghiệp tại Hà Nội. Ông bà Phán, cũng gọi là Ông bà Hàn, sinh được hai trai và bốn gái, nhà thơ của chúng ta có trường huynh là Đình Lân và các chị Loan, Yến, Hồng, Oanh; riêng chị Oanh chỉ hơn cậu em một tuổi và cũng chiếm trọn vẹn lòng tin yêu của cậu em khó tính này. Thật thế, Đình Hùng rất khó tính và ưa cô đơn. Sống giữa một gia đình tưởng đâu mình là chiếc đảo nhỏ nhô giữa một quần đảo bốn bề ngăn cách. Phải chăng vì bà Phán đã hoài thai nhà thơ của chúng ta ở tận Phi Luật Tân, nơi ông Phán được bổ nhiệm sang làm Chánh Văn Phòng tòa lãnh sự Pháp tại đó từ 1918?

Và dấu vết của ảnh hưởng này còn bắt gặp rơi rớt qua những giòng thơ như:

Ngàn năm chưa thoát cơn mê hoảng
Ta thác sinh vào ngọn hải đăng
Hỏi bao quần đảo vừa lỵ tán
Trần tục là đâu hơi đất bằng?
(MÊ HỒN CA trang 45)

Mặc dầu vậy Đình Hùng vẫn là "traị Hà Nội trăm phần trăm", vì chỉ có chị Oanh là sinh ở Manille, còn Hùng thì mãi về sau khi ông Phán được đổi về Việt Nam phục vụ

trong ngành Hỏa Xa, Hùng mới ra chào đời và tiếng khóc đã vang lên ở trại Trung Phụng thuộc vòng ngoại thành của Cổ Đô, ngay kế cận với tòa Khâm-Thiên-Giám cũ.

Trại Trung Phụng sản nghiệp của ông bà Phán một vùng bao la, với những nếp nhà ngói dọc ngang, những hàng cây ăn trái bát ngát, sẽ là nơi phát xuất ra nguồn thi hứng đầu tiên của nhà thơ họ Đình, như tôi sắp trình bày đây với quý vị.

Có điều rằng đó là một nguồn thi hứng ảm đạm bi thương đến rùng rợn tê điếng cả tâm hồn. Vâng, khoảng 1931, chị Hồng đã chết, thi thể được đưa từ hồ Trúc Bạch về. Chị Tuyết Hồng, một nữ lưu tân tiến của Hà thành phong nhã thuở bấy giờ, hoa khôi trong nhiều cuộc chợ phiên, cái "đình" quyền rũ trong nhiều buổi họp bạn của sinh viên, của công chức; chị Tuyết Hồng, mới 18 xuân xanh, đã giận hờn với tình duyên mà quyết mượn làn nước rũ sạch nợ trần thế. Câu nói "Phước bất trùng lai họa vô đơn chí" lại còn gieo thêm tang tóc vào nhà họ Đình; vì chỉ mấy tháng sau ông Phán cũng đau nặng rồi thất lạc, tuổi chưa đến 50, và ba năm sau nữa, đến lượt chị Loan, người chị lớn nhất của Hùng, tuy đã lập gia đình nhưng tuổi hảy còn trẻ lắm.

Ba đợt sóng đen tối bi thảm ấy đã ào ạt xô vào tâm trí nhà thơ của chúng ta biết bao nhiêu ý nghĩ ghê gớm về Tử thần. Trại Trung Phụng quả là một gia tài dẫm lẹ; bộ xương khô và lưỡi hái dài nanh ác lúc nào cũng như lẩn quất trong hàng cây khế, cây cam. Đình Hùng tự coi mình như một "điểm gờ". Và chúng ta sẽ không lấy làm lạ về những câu thơ sau đây, những câu Hùng viết khi chưa tròn 20 tuổi:

Cuối trời loạn thương một vì sao mọc
Ta hát lên chân nhảy điệu thần kỳ
Trở về đây xơ xác mảnh tàn y
Giữa hoang địa hiện hình tòa u ngục
Bừng mắt dậy lửa hồi sinh đỏ rực
Thịt xương về trong cổ mộ xôn xao
Hỏa thiêu rồi, làn tử khí dâng cao...
(MHC, trg 51)

Tôi muốn nhấn mạnh rằng: cái không khí chết chóc ấy đã ám ảnh vây bọc lấy Đình Hùng từ năm 11 tuổi để sau này nó bám chặt, bắt rễ vào nguồn cảm bất diệt của thơ Hùng. Chẳng khác gì nhà thơ Tân Đà, mất tình mẫu tử ngay từ khi 6 tuổi và mang nặng

mặc cảm về nghề nghiệp của từ thân nên tự găm nhăm trong cô đơn để sau này khơi nguồn cho cả một giòng thi hứng lãng mạn nó tự xác định trong tập Khối Tình Con và tràn ngập cả một thế hệ.

Tuy vậy, Đình Hùng, cũng như Tân Đà xưa kia, vẫn tiếp tục cuộc đời thơ sinh và đây là cuộc đời thơ sinh Tây học, kéo dài bằng phẳng giữa một Hà Nội cầm nín sau cuộc khởi nghĩa Yên Bái đã bị thực dân đàn áp thẳng tay. Hùng theo học trường tiểu học Sinh Từ, rồi trường trung học Bảo Hộ tức là trường Bưởi. Hùng chăm chỉ đều đặn và học giỏi, đậu Diplôme d'études Primaires Supérieures mention Assez Bien tức là Cao Đẳng Tiểu Học, hạng Bình Thứ, và do đó được cấp học bổng để theo học lên ban chuyên khoa, gồm có đệ nhất đệ nhị và đệ tam niên. Tốt nghiệp ra tức là tú tài Bản xứ. Nhưng thần Ái Tình đã hiện đến, cùng một lúc với sự thành công đầy hứa hẹn nói trên, ngay ở ngưỡng cửa bậc chuyên khoa của trường Bưởi:

Có chàng mang lòng thương
Đi dạo muôn con đường
Một hôm dừng bước mộng
Yêu nàng tên Kiều Hương

Kiều Hương? Đó là tên thật của một thiếu nữ Hà thành; nhưng mối tình của nhà thơ họ Đình chỉ là "tình cảm; một mối tình lý tưởng; người trong cuộc chỉ yêu để mà yêu như Lamartine đã nói, chứ không phải yêu để chiếm đoạt hay lập gia đình. Có lẽ vì vậy mà sau này Kiều Hương đi lấy chồng, Đình Hùng cũng không nhớ tiếc, và khi cho in tập ĐƯỜNG VÀO TÌNH SỬ, hơn 20 năm sau Hùng e rằng có gây bất tiện cho "nàng" chăng, đã tự ý thay chữ "Kiều" bằng chữ "Tân"; một cái tên tưởng tượng:

Tân Hương ơi Tân Hương
Tên nàng như hoa đẹp
Chàng là bướm tơ vương
Nên chàng là Hoài Điệp
(ĐƯỜNG VÀO TÌNH SỬ, trg 32)

Mối tình một chiều hẳn không nồng thắm được, và bóng người yêu tưởng tượng cũng phai dần như một ảo ảnh trên dốc tàn nhẫn của Thời gian. Phải một tình yêu thực sự mới tạo cho Đình Hùng một nguồn thi hứng mãnh liệt, có sức mạnh đưa tới những kiến

HOÀNG NGỌC LIÊN

THƯƠNG NHỚ MỘT NGƯỜI

*T*ừ cuối thu rồi, em ở đâu?
Nằm trong đất lạnh chắc em sầu.
Thu ơi, đánh thức hồn ma dậy
Ta muốn vào thăm năm mộ sầu!
ĐINH HÙNG (3.7.20-24.8.67)

...Từ giấc mơ thần vào năm mộ,
Lung linh ngân tỏa huyết âm u.
Vòng hoa mây phủ vào tương ngộ,
Hẹn với ai rồi, đêm cuối thu!...

Tinh anh thoát khỏi Trang, Chu
Bướm nhập thân, mộng thực hư, ảo huyền
Cũng là hữu hạnh trao duyên
Vút cao nhạc thánh, thơ tiên đăng trình.

Thơ vẫn ngàn năm nhạc ý tình
Dặm dài tường ngọc sáng hành trình
Giấc mơ giao cảm về Thiên giới
Một sáng thu vàng bóng hiển linh!

Xuân quang ánh đỏ chén quỳnh
Rưới châu thân, cuộc tử sinh là thế!
"Khi anh chết, các em về đây nhé" (*)
Thì bây giờ, những người thương,
thương nhớ một Người Thơ.
8.1967

(*) Thơ Đinh Hùng, Cung Đàn Tương Niệm

CAO TIÊU

TƯỜNG NIỆM

giữ hương hồn Đinh Hùng
(trích)

Một thuở vũ trụ hoang sơ
"Tiếng Ca Bộ Lạc" đã nhập vào thơ
Anh là khách trần gian lạc lối
Chân bước kiêu sa, áo ngất hương ngàn
cỏ nội

Mất bích ngọc và tóc mây bông rồi
Đi gieo thơ vào sáng lửa kinh thành
Tô nộ đời bằng thắm mãi màu xanh.

Ồi kiếp phù sinh thực quá mong manh!

...
Nhớ căn gác nhỏ đường Trần Văn Thạch
Lối lên góc gác
Then cửa cài hờ
Bàn ghế chơ vơ
Bốn bức tường với cũ rạn
Không giấu cái nghèo với bạn
Giường bục chông chênh
Những chồng thơ, chồng sách vây quanh

Thi sĩ nghèo
Không tắc đất cấm dùi
Nhưng vẫn có niềm vui
Sống phong vận bao người quý chuộng
Chết thanh cao nhiều bạn ngậm ngùi.

Thơ anh để lại cho đời
Này câu tâm sự, này lời nước non
...Sàidô, 8.1967

trúc kỳ diệu của Truyện Lòng, Tiếc Bướm,
và Mê Hồn Ca.

Người yêu thật sự ấy chính là một cô
bé họ xa, phảng phất như trong một truyện
Liêu Trai nào đó, thường vẫn theo cha mẹ
hoặc anh chị đến nhà ông bà Phán ở Khâm
Thiên, nghĩa là đến trại Trung Phụng.

*Độ em còn tròn cây khế
Vín hái quả xanh bên tường
Có phải chúng mình còn bé
Cho nên đời rất thơm hương?
(ĐVTS, trg 70)*

Tôi phải vội thưa với quý vị ngay rằng
những bài thơ này tuy đến 1961 mới được in
vào tập thơ ĐƯỜNG VÀO TÌNH SỬ, nhưng đã
được viết ra từ 1938 rồi kia! Cùng rất nhiều
bài khác trong tập đó. Vì lẽ chúng từng được
tác giả xếp vào tập TRUYỆN LÒNG, đáng lý
ra phải xuất hiện ở Hà Nội trước cả một bài
rất đặc biệt, bài Liên Tường kết thúc bằng
những câu:

*Yếu điệu phương Đông lướt dưới đèn
Ta nằm mộng đẹp đêm đầu tiên
Dáng xuân nghiêng mặt cười không tiếng
Lửa hạ lên rồi, ôi Y Liên!
(ĐVTS, trg 46)*

Tôi nói "đặc biệt", vì Liên Tường phải
có nghĩa là "tường nhớ tới nàng Liên".
Cũng như trong bài Dạ Hội, tác giả đem tên
Orphelia, một nhân vật của kịch thơ Anh
Cát Lợi, phiên âm thành Phương Liên, cốt
cho thỏa nhớ nhung và cũng hầu như vâng
theo một thúc đẩy siêu hình nào đó:

*Tuổi hạ trắng tròn em vẫn si
Lẳng lơ, ai nép mặt hoa quỳ?
Phương Liên nàng ấy điên vì mộng
Lạc gió thần tiên, kịch Shakespeare.
(ĐVTS trg 43)*

Điều quan trọng là hai người yêu nhau
đắm đuối thiết tha, nhưng yêu bằng một mối
tình trong trắng, tuyệt vọng. Nàng Liên mắc
bệnh phổi, sắc đẹp càng huyền ảo mê hoặc,
giữa khi sức khỏe hao mòn mau chóng và từ
trần khoảng 1940. Mất Liên, Đinh Hùng đau
đớn như điên dại:

*Qua xứ ma sầu, ta mất trí,
Thieu đi tập sách vẽ hoa nguyên!
Trời ơi, trời ơi, làn tử khí,
Lạc lòng hương thắm đóa Bạch Liên.
(MHC, trg 44)*

Từ lúc này Đinh Hùng viết những bài
thơ chiêu niệm; nào Gửi người dưới mộ,
Màn sương linh giác, nào Tim bóng Tử thần,
Cầu hồn, Thoát duyên trần cấu v.v... Tên
Liên được thay thế bằng nhiều tên khác nào
Diệu Hương, Diệu Thư, nào Thần Nữ, Kỳ
Nữ, nhưng trước sau vẫn chỉ là bông sen
trình bạch đa tình!

Thí dụ:

*Diệu Hương em, trắng xuân rưng,
nguyệt thu già
Đây thế phách lạc loài đi nước nê...
(MHC, trg 51)*

và:

*Diệu Thư, nàng hơi Diệu Thư!
Xuân ai hương lửa
Hết xuân bài hát tương tư lạc loài
Mộng viết lên từng bản điệu tang đài
Lời văn thư kinh dị,
Nghệ thuật cười một tiếng bi ai
Dáng thơ ôi, đây cung cấm tuyến đài,
Thơ tử sinh gào khóc
Ta hóa táng thiên tài trước mộ giai nhân
(MHC, trg 45)*

Bóng Tử Thần ám ảnh Đinh Hùng từ
1931, mười năm sau lại đã hiện lên, đen tối
hơn, ghê gớm hơn, khắc nghiệt gấp ngàn
lần; đến độ nhà thơ của chúng ta chấp nhận
nó như một người bạn thiết, hơn thế nữa,
như một tình nương:

*Đi đi cho hết dương trần
Ngày mai tìm bóng tử thần mà yêu.
(MHC, trg. 42)*

Liên đã chết. Đinh Hùng cũng đã bỏ
trường bỏ học để sống cuộc đời thi sĩ lang
thang, lúc ngồi dạy trẻ ở huyện Đan Phượng,
tỉnh Hà Đông, lúc gia nhập một ban nhạc tài
tử sinh viên để lên trình diễn tại ven hồ Ba
Bể, miền Bắc Kạn. Chắc khung cảnh nơi
này đã gieo mầm "ý thức bộ lạc" vào tâm
nào nhà thơ họ Đinh, khiến cho một giọng
cảm hứng mới xuất hiện và phát triển song
song với hai đề tài: Yêu và Chết. Đó là
giọng thơ "Nguyên Thủy", dẫn đầu bởi thi
bản "Người gái thiên nhiên" với những câu:

*"Nàng lớn lên giữa mùa xuân hoa cỏ
Nửa linh hồn u ám bóng non xanh
Ngoài thiên nhiên nở bừng thân mỹ nữ
Yêu đương ta huyền hoặc mỗi kỳ tình.
(MHC, trg 20)*

Dẫu sao, Đinh Hùng vẫn không thể sống
xa Hà Nội lâu được. Lúc này Hùng đã kết
giao với nhiều bạn làng văn như Phiêu Linh
Nguyễn Đức Chính và Thế Lữ tác giả "Mấy
vần thơ". Chính Phiêu Linh đã giới thiệu
Hùng với nhà xuất bản Tân Việt để tập văn
xuôi Đám Ma Tôi ra đời, mặc dầu Hùng chỉ
ký tên Hoài Điệp. Và chính Thế Lữ đã
mượn của Hùng trọn vẹn bài thơ Kỳ Nữ in
vào truyện Trại Bồ Tùng Linh, khiến cho cái
tên Đinh Hùng nổi bật lên từ đó. Nhưng
cũng như Xuân Diệu, Huyền Kiều v.v...
Phiêu Linh và Thế Lữ chưa phải là bạn tri
kỷ của Đinh Hùng đâu! Chỉ có Thạch Lam
mà thôi vậy, gia đình Hùng rời chỗ ở lên
ngoại ô Yên Phụ từ 1937 và kể từ 1940,
Thạch Lam là bạn thân nhất của Hùng.

Hỡi ôi! Thạch Lam, tác giả nhiều truyện
ngắn hữu danh của Tự Lực Văn Đoàn, cũng
lại mắc bệnh lao, để đi vào "cơn trường
mộng" khoảng giữa năm 1942. Đinh Hùng
lại một phen bị Tử Thần bủa vây, dồn vào
bóng tối cô đơn khủng khiếp. Chính lúc ấy
nhà Đời Nay cho in một tập giai phẩm trong
đó có "Bài Ca Man Rợ" của Hùng. Địa vị
Đinh Hùng trên thi đàn không một ai còn
chối cãi được nữa. Và cũng chính lúc ấy
khoảng cuối 1942, Hùng gặp tôi; vở kịch thơ
VÂN MUỘI của tôi đã được Hùng ưa thích
đến nỗi nhận đóng giả làm cô gái si mê,
xuất hiện với xiêm áo giải gấm giữa sân
khấu Nhà Hát Lớn của cố đô Thăng long để
nào ruột ngâm những câu như:

..... ở lạ thực!
Anh Hoàng đã quên em rồi đó chắc,
Em đây mà, Vân Muội gái làng trên...

Đầu 1943, thân mẫu Hùng và chị Oanh của Hùng rời chỗ ở về ngoại ô Bạch Mai. Hùng còn mãi lang thang cùng tôi và ban kịch Hà Nội. Mãi khi bà Phán đau nặng và thất lạc, Hùng mới kéo tôi về nhà. Năm 1944, tôi và chị Oanh của Hùng về ở Nam Định, toan kéo Hùng về cả tỉnh Nam cho vui nhưng Hùng chỉ về ở chơi vài tháng rồi lại lên đóng đô ở Hà Nội như cũ, một mình với ngôi nhà hiu quạnh xóm Bạch Mai. Lúc này anh Đinh Lân đã vào làm công chức ở Phan Thiết và chị Yến đã ra ở riêng từ lâu. Sang năm 1945, Đinh Hùng hợp tác với Đoàn Phú Tứ, sắm một vai trong vở kịch Ngã Ba, cùng với một số các nhà văn khác như Nguyễn Tuân, Lê Trọng Quý, Đỗ Đức Thu, và chính tác giả họ Đoàn nữa.

Nhưng thời thế ngày một biến chuyển, mấy tháng sau khi cuộc cách mạng tháng tám nổi lên, Hùng đứng làm cổ vấn cho một nhóm thi hữu trẻ tuổi hơn trong đó có Vũ Hoàng Địch, Trần Dzân, Trần Mai Châu để xuất bản một thi phẩm lấy tên Dạ Đài. Quả là một cái tên "tiền định"! Cuối 1946 Hùng tản cư, từ Hà Nội. Trong khi tôi từ Nam Định cùng với chị Oanh của Hùng bỏ nhà cửa cơ nghiệp lên đường phiêu lưu. Mãi đến 1948 chúng tôi mới tái ngộ. Nhưng lúc này Hùng đã có một người bạn gái đi theo, và người đó sẽ trở thành bạn trăm năm của Hùng vậy. Hùng cho tôi biết rằng đã quanh quẩn vùng Chợ Đại, Cống Thần, rồi Hà Nam, khi giúp cho tờ báo này của Kháng Chiến, khi vẽ cho mấy tờ tuần san nào đó của tư nhân. Nghĩ là sự sáng tác cũng xao lãng nhiều lắm. Tôi chỉ còn nhớ phảng phất Hùng đọc cho tôi nghe bài "Người nữ du kích Hải Kiến" trong đó có những câu:

*"Lòng gái rung theo bước lữ đoàn
Lâu rồi chinh chiến lạnh lùng nhàn
Chiều dương bừng lửa trên gò má
Gợn sắc hồng pha mây hợp tan.*

Và một bài khác nữa, với những câu:

*Anh nén tâm hồn ngâm muối bể
Tôi ép tim gan lấy chông gai
Lòng anh lòng tôi là chiến địa
Nguyễn đem xương trắng xây kỳ đài.*

Giọng thơ quả nhiên đã vương vào trần lụy. Nhưng tôi nào dám trách Hùng đâu! Chính tôi cũng bụi cát đầy thân, đành được cho nhau một chút "hương thơm" đã là quý lắm. Chúng tôi cùng dạy học ở Thái Bình được nửa năm thì có dịp hồi cư. Lúc ấy đã là đầu năm 1950 tuổi Hùng đã vừa ba chục.

Về Hà Nội, Hùng cho ấn hành giai phẩm lấy tên Kinh Đô Văn Nghệ. Rồi đến 1954, cho diễn vở kịch thơ đầu tiên: Cuộc Đời Đức Phật, rồi gặp Hồ Dzếnh, và Mê Hồn Ca được ấn hành. Sách in xong, thì cuộc di cư cũng bắt đầu. Và chúng tôi lại cùng chung một số phận Cảnh Nam Chim Việt.

Vào Sài Gòn, nhà thơ của chúng ta đã hoạt động nhiều hơn trước. Vì cuộc sống mỗi ngày một gian nan. Đinh Hùng lại có một gia đình riêng cần phải thỏa mãn những đòi hỏi tối thiểu. Cho nên Hùng làm nhật báo, viết thơ trào phúng ký tên Thần Đấng, viết tiểu thuyết đăng hằng ngày ký tên Hoài Điệp Thứ Lang, và nhiều bài khảo luận phê bình khác nữa. Điều đáng mừng là năm 1961 Hùng có cơ hội cho ấn hành được thi

tập "Đường vào tình sử". Vì lẽ Đ.V.T.S chỉ là giả thân của "Truyện Lòng" như tôi đã nói, cộng thêm một số ít bài mới sáng tác ở miền Nam. Thế là tập "Truyện Lòng" đã ra chào đời chậm 20 năm, trưng ra nhiều sắc thái làm ngạc nhiên người đọc không ít. Người ta hỏi nhau: thi sĩ Đinh Hùng còn yêu thương tha thiết như vậy ư?

Thật ra, sau cái chết của Bích Liên, Hùng còn yêu ai được nữa! Trong Mê Hồn Ca, Hùng đã tâm sự với người thiên cổ như sau đây:

*Mùa áo diệu chuyển giao đường tình tú
Em biệt xuân còn để lại hoa dung
Ta cười xuống kẻ tình nhân tục phố
Tay cầm tay, lòng có thấu chăng lòng?
(MHC, trg 24)*

Chứng cứ rõ rệt nữa là mới gần đây thôi, trong nguyệt san Văn Hạnh số 13 năm 1966, Hùng cho đăng bài Vết Thương Hồng Ngọc dài đến 37 đoạn mà tôi còn nhớ vài đoạn như sau:

*Anh trốn sao đêm, lẫn mặt trời
Ghê từng ý gió sợ hoa rơi
Chao ôi, mỗi cánh sương run rẩy
Nghe cũng âm vang giọng nói người!*

*Anh vẫn là anh xưa của em,
Lặng sâu chiều máu hạt sao chìm
Hồi âm mỗi huyết cầu gieo lửa
Thế chất còn rung khối hợp kim.*

*Và xác thân anh giữa cuộc đời
Tiêu ma vào thạch động làn môi,
Vị trong cấm địa hàm răng ấy
Huyết lạnh kẻ bên mỗi nụ cười...*

Tóm lại, Đinh Hùng chỉ có một tình yêu duy nhất. Từ sau 1940, Hùng nói yêu thương chỉ nói qua một bóng đẹp trần gian để nhấn vọng về Cõi Chết. Chính Hùng cũng chỉ như một làn sương khói mong manh, tự biết quê hương đâu phải chốn này. Người yêu bằng tuyết thuở say mộng say tình hiện đang đợi Hùng ở một cõi khác:

*Lẽ một ngàn đêm mộng thấp đèn
Hồn đi vào giấc ngủ Hoa Sen
Nền mây bích họa sương vờn bóng
Điên đảo trời sao mất huyệt thuyền.*

Phải chăng Liên, tên của người Hùng yêu, đã được Phật Tổ chứng cho rồi? Vì trong mấy năm cuối cùng, nhà thơ si mê của chúng ta đã bắt đầu hướng về ánh Từ Bi mẫu nhiệm. Thí dụ Hùng viết những câu: "Gót nhỏ lên thuyền một kiếp xưa. Em về trắng mọc bến Chân Như. Người em hơi thở say mùi huệ; Mây trắng vương buồn mắt thái sơ". Và rất nhiều câu khác như:

*"Thương chúng sinh đã còn sa nước mắt
Thế kỷ này ai bảo Đá vô minh?
Chúng tôi tin nên vũ trụ chuyển mình.
Chúng tôi đọc tự giữa lòng thiên địa.
Trang sách mở lời vô ngôn huyền bí;
Và chúng tôi vụt đoán hiểu thời cơ:
Sông nước bao la vừa thấp thoáng bề Từ;
Ánh sáng Tương lai bừng lên rực rỡ".*

Từ 1954 đến 1967, Đinh Hùng đã chủ trương báo Tự Do cùng với Tam Lang, Mặc Đỗ, Mặc Thu, và Như Phong; hợp tác với



LỮ YÊN: NHỚ THI SĨ ĐINH HÙNG

Tuổi đời tôi đối với nhà thơ Đinh Hùng lúc sinh thời, tôi chỉ là một người em nhỏ. Cũng bởi vậy, anh đối với tôi không hề khách sáo. Chúng tôi chuyện trò với nhau thật tự nhiên về văn thơ và cả chuyện đời.

Một buổi tối 30 Tết năm đó, tôi gặp anh ở đường bên hông chợ Hòm (Hà Nội). Anh giờ túi xách ra khoe với tôi, một gói thịt quay, một gói có vài ba khoanh giò, một gói dưa hành v.v.... Anh cười buồn nói: "Đấy, Tết của mình đấy". Rồi anh than: "Làm cả năm mà không mua nổi cái tủ bằng gỗ tạp, để cho vợ treo áo dài".

Dáng anh vừa tầm, vóc nhỏ nhưng áo quần lúc nào cũng tươm tất, trịnh trọng, mặc dù ở hoàn cảnh khó khăn nào. Hồi mới về Hà Nội, chị Đinh Hùng may cho anh một chiếc cà vạt bằng vải đen. Anh mang chiếc cà vạt này suốt thời gian mấy tháng đầu lúc chân ướt chân ráo trở lại thủ đô. Mỗi lần gặp anh, tôi lại thấy chiếc cà vạt nhàu nhúm thêm một chút. Hồi đó, anh và chị thuê căn gác xép ở đường Jacquin sau chợ Hòm, chỉ đủ trải một chiếc chiếu.

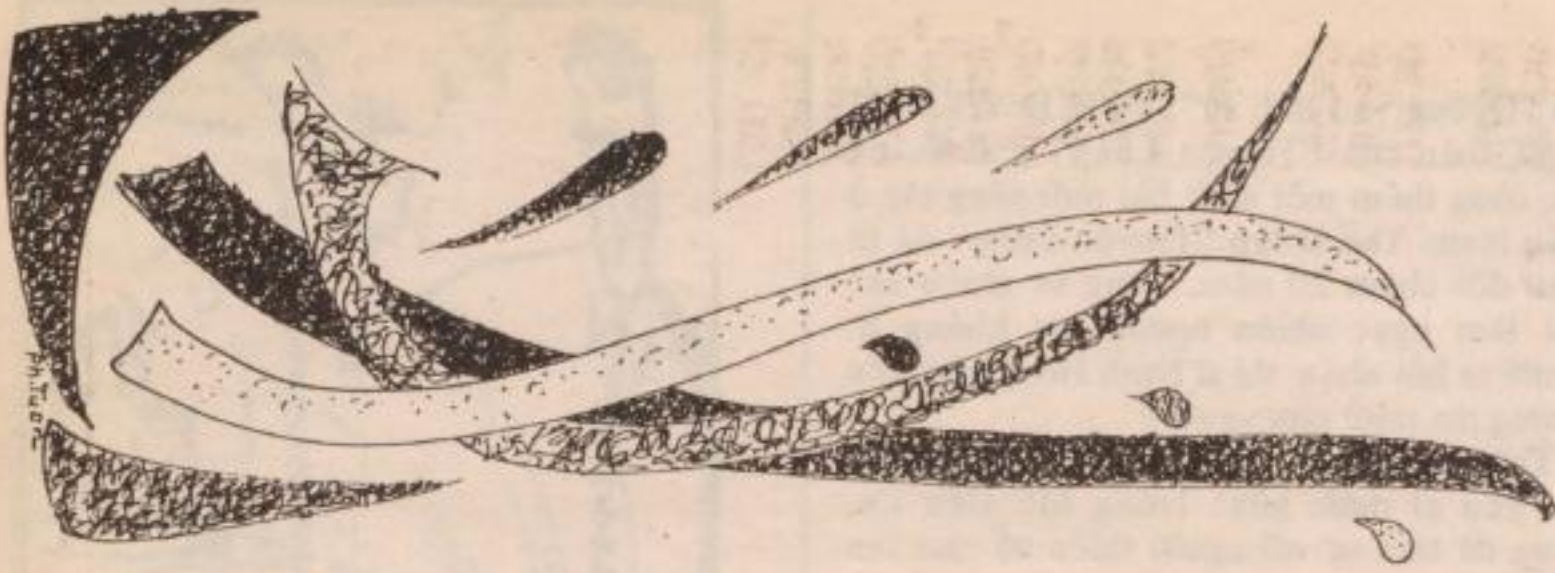
Có lần, anh đọc cho tôi nghe bài thơ "Hẹn về cố đô". Anh nói bài thơ đó anh làm thời gian tản cư, tại làng Quỳnh Ngọc, huyện Quỳnh Côi, tỉnh Thái Bình khi anh nhớ về Hà Nội. Bài thơ này, tôi nhớ có câu:

Chi Lăng vườn đỏ ven tuyến

Anh có chép bài thơ này tặng tôi. Chữ anh viết bay bướm rất đẹp. Bài thơ "Hẹn Về Cố Đô", anh viết cho tôi, tôi tặng lại nhà văn Thanh Nam, cả bài thơ "Nhà tôi" của Nguyễn Bính mà người tặng tôi nói là nét bút của Trúc Đường (tôi không biết có đúng không).

Ngày anh mất, tôi không có mặt ở Sài Gòn. Tôi chỉ được nghe kể lại về yêu cầu cuối cùng rất nghệ sĩ của anh lúc anh hấp hối.

Hôm nay, nơi xứ người, nắng Hạ chan hòa đầy đó. Tôi dừng lại ở ngã tư đường. Tôi như nhìn thấy bóng anh xây lưng lại đi ngược về phía tít đằng xa. Đó có phải là con đường tiếp nối với trần thế đi về cõi Hư Vô? ■



TRẦN TRỌNG SAN: DỊCH THƠ TIỂU THANH / PHẦN DƯ TẬP

ĐỘC MẪU-ĐƠN ĐÌNH TUYỆT CÚ

Lãnh vũ u song bất khả thính,
Khiêu dâng nhàn khán Mẫu-Đơn đình.
Nhân gian diệc hữu si vu ngã,
Khởi độc thương tâm thị Tiểu-Thanh.

BÀI TUYỆT CÚ ĐỘC MẪU-ĐƠN ĐÌNH

Mưa lạnh song nhàn, nghe chẳng nổi;
Khêu đèn, rảnh đọc Mẫu-Đơn Đình.
Đời còn có kẻ si hơn nữa,
Đau khổ riêng gì một Tiểu-Thanh?

—Mẫu-Đơn đình: tên vở kịch nổi tiếng của Thang Hiến Tổ, đời Minh; còn gọi là Hoàn Hồn Kỳ. Nội dung: nàng Đỗ Lệ-Nương năm mớ gặp gỡ chàng thư-sinh Liễu Mộng Mai ở đình Mẫu-Đơn. Khi tỉnh mộng, vì quá thương cảm, mắc bệnh rồi chết. Ba năm sau, Liễu sinh tình cờ phát hiện bức tranh Lệ-Nương do nàng tự vẽ, rất ái mộ. Lệ-Nương cảm động, sống lại, rồi kết hôn với Liễu sinh.

XUÂN THỦY CHIẾU ẢNH

Tân trang cánh dữ họa đồ tranh,
Tri tại Chiêu-Dương đệ kỷ danh.
Sấu ảnh tự lâm xuân thủy chiếu,
Khanh tu lân ngã lân khanh.

SOI BÓNG TRÊN NƯỚC XUÂN

Điểm trang ganh với bức tranh;
Chiêu-Dương cung ấy, biết mình có tên.
Bóng gầy đến nước soi lên,
Mình thương cho bóng, bóng nên thương mình.

—Từ Hồi đời Minh dựa vào truyện Tiểu-Thanh, viết vở kịch Xuân ba Ảnh (Bóng Sóng Xuân).
—Chiêu-Dương: tên cung đời Hán. Đời Hán Thành-đế, hai chị em Triệu Phi-Yến và Triệu Hợp-Đức rất ham trang điểm, đều được vua sủng ái tại cung này.
—Câu 2: Biết mình là người có tên hạng mấy ở cung Chiêu-Dương?

báo Ngôn Luận, đảm nhiệm Ban Tao Đàn của đài Bá Âm Sài Gòn, viết cho nguyệt san Sáng Dội Miền Nam, nguyệt san Vạn Hạnh, và gần đây nhất, đứng chủ nhiệm tuần báo Tao Đàn Thi Nhân. Đình Hùng cũng đã viết vở kịch thơ: TIỀN VÀ TỤC, CÁNH TAY HÀO KIẾT, PHAN THANH GIẢN, những truyện đã sử. KỶ NỮ GÒ ÔN KHẨU, NGƯỜI ĐẠO PHỦ THÀNH ĐẠI LA, ĐƯỜNG KIỂM HỌ HOÀNG v.v...

Viết như vậy kể cũng đã nhiều lắm. Cũng như trên bước đường đời, trong khoảng từ 1940 đến nay, ngót ba mươi năm, Hùng đã có dịp kể hương tựa phần với biết bao người đẹp, từ Bắc chí Nam. Như tôi vẫn không tin rằng tất cả tấm thân Hùng đã được đặt vào đó. Con người thật của Hùng đã cao ngạo ở khung trời ảo diệu của tuổi 20 có nàng Ý Liên và những tiếng ca bộ lạc rồi còn gì!

Khoảng tháng 7 vừa qua, Hùng đau nặng, các bạn phải đưa vào Bệnh Viện Cộng Hòa,

rồi chuyển về Bệnh Viện Bình Dân, nhưng chứng bệnh ung thư, có thuốc nào chữa nổi, kể cả Đông Y và Tây Y! Thế là Đình Hùng nhắm mắt buông tay đúng 5 giờ sáng ngày 24 tháng 8 Dương Lịch. Mặc dầu trong thời gian nằm bệnh viện, Hùng rất tha thiết với cuộc sống, muốn lành bệnh ngay để trở lại với ban Tao Đàn và tuần báo Tao Đàn Thi Nhân tờ báo được Hùng coi là "con ruột", chẳng khác chi Tần Đà âu yếm và hy sinh tất cả cho tờ An Nam Tạp Chí của ông. Mặc dầu trong thời gian nguy kịch Hùng vẫn rất tin tưởng và không nghĩ đến sự chết. Nhưng tôi dám chắc rằng một đêm khuya nào đó, rất có thể nhiều đêm khuya như vậy, Hùng khêu ngọn đèn tàn, đọc lại Mê Hồn Ca, đã thở dài não nuột, tự nhủ với chính con người đích thực của mình rằng:

Đi đi cho hết dương trần
Ngày mai tìm bóng Tử Thần mà yêu.

GHI CHÚ CỦA TÁC GIẢ:

(1) Những chữ đặt trước áo quan tức là câu đối Khóc Đình Hùng mỗi vế có 7 chữ:

- Hồn sáu đường mê tìm Phật độ
- Tình muôn trang sử mặc Trời ngâm

Và đây là những lời ai điếu bên cửa huyệt:

"Đình Hùng! Đình Hùng!
Hồn hơi hồn
Trời đất ngủ trong chiều khói lửa
Hồn chập chờn bên cửa phàm thai.
Mệnh mang một tiếng cười dài,
Hồn lay bốn vách dạ dài cho tan!
Đình Hùng!"

Từ một góc thế kỷ nay, Vũ Hoàng Chương với Đình Hùng đã hạnh ngộ. Hà Nội xưa. Hý trường thanh lịch. Hoàng Lang trong tiền kiếp đã gặp Vân Muội gái làng trên.

Rồi hai ta nửa bước không rời nhau. Có ngôi nhà cổ kính nơi ngõ hẻm, có con đường Mai Trắng, có 36 phố phường, và... có cả chị Oanh của Hùng nữa!

Nhưng rồi đất nước cháy rực... Nào tản cư, nào hồi cư, nào di cư. Chúng ta khởi sự lạc mất nhau trong cái mê hồn trận máu lửa ấy.

Từ lúc định cư tạm bợ (ở Sài Gòn) hai ta vẫn thời thường trông thấy nhau, nghe tiếng nói của nhau, ngâm cả thơ của nhau nữa. Nhưng, về phương diện tình cảm thuần túy, hơi ới, lắm sao được! đó chỉ như một cái bóng, chỉ là giả thân, là xác mượn, của Hùng thôi... Đau đớn biết chừng nào.

Phải đến hôm nay, nghĩa là sau 20 năm lạc lõng, Vũ Hoàng Chương mới đích thật tái ngộ Đình Hùng. Giữa phút mừng mừng tủi tủi, cũng muốn bắt chước Hùng... để:

Nhạc viết lên thành bản điệu tang dài
Lời thơ kinh dị
Nghệ thuật cười một tiếng bi ai!...

Họa may làm sống lại chẳng những buổi "Chiều Thăng Long sầu xuống băng khuâng, cửa để thành bỏ ngõ, cùng ngai khi đời lạnh sương bay; Hồn Do Thái gió lên bát ngát, niềm tâm ý đi xa, còn đợi lúc trời thanh sao mọc".

Tuy nhiên - Hùng đã thừa biết đấy! - tôi làm gì có đủ chữ; mà chị Oanh của Hùng cũng làm gì có đủ hơi!

Ấu là mượn ngay lời thơ của Hùng viết từ 30 năm trước.

Ba mươi năm? Vừa đúng một cuộc tang thương... Xa với lắm nhỉ!

Thế nhưng, Hùng ạ, cứ yên tâm. Dầu sao, cái ngày hai ta xum họp vĩnh viễn tôi có cảm tưởng là... cũng rất gần!

Chỉ trong gang tấc?

Và... bài thơ Chiêu Niệm (của chính Hùng) đây:

Trời đã vào thu, em ở đâu?
Nằm trong đất lạnh chắc em sầu.
Thu ơi, đánh thức hồn ma dậy
Ta muốn vào thăm năm năm mộ sâu...
Em mộng về đâu?
Em mất về đâu?
Từng đêm tôi nguyện tôi cầu,
Đây màu hương khói là màu mắt xưa!..."

(Bài nói tại Trung Tâm Văn Bút Việt Nam, lúc này Vũ Hoàng Chương đang là chủ tịch). ■

MỘT ĐỊNH MỆNH BI THƯƠNG

ĐÀM TRUNG PHÁP

Đinh Hùng qua đời vì bạo bệnh vào mùa thu 1967 tại Saigon trong một ngày gió mưa tầm tã, lúc mới 47 tuổi đời. Vài tuần sau đó, Vũ Hoàng Chương (người anh rể cũng là bạn thân nhất của Đinh Hùng) đã nói chuyện rất cảm động về cuộc đời của nhà thơ yếu tử tại Trung Tâm Văn Bút Việt Nam. Qua bài nói chuyện "Nhớ Đinh Hùng" đó (xin xem CÂU CHUYỆN VĂN CHƯƠNG, trang 35-37), chúng ta được biết vì đâu mà Đinh Hùng có cái "nguồn thi hứng âm đạm bi thương đến rừng rợn tê điếng cả tâm hồn".

Năm Đinh Hùng 11 tuổi, chị Tuyết Hồng, một hoa khôi mới 18 tuổi đời, vì buồn chuyện tình duyên đã tự trầm tại Hồ Trúc Bạch. Vài tháng sau, thân phụ thất lạc khi chưa đầy 50 tuổi. Và 3 năm sau nữa, chị lớn nhất mang tên Loan cũng qua đời trong tuổi thanh xuân! Trại Trung Phụng, sân nghiệp to lớn nhà họ Đinh, theo lời Vũ Hoàng Chương, "quả là một gia tài đầm lầy; bộ xương khô và lưỡi hái dài nanh ác lúc nào cũng như lẩn quất trong hàng cây khế, cây cam".

Đang học chương trình tú tài thì Đinh Hùng bỏ học để bắt đầu đi tìm những say mê của đời phóng khoáng:

*Ta ném bút, dầm lên Sầu một buổi,
Xa vở bài, mở rộng Sách Ham Mê,
Đã từng phen trèo cổng bỏ trường về,
Xếp đạo dức dưới bàn chân ngạo mạn.
Đời đổi mới từ ngày ta dấy loạn,
Sớm như chiều hút thực bóng hoa hương.
Ta ra đi tìm lớp học thiên đường,
Và khi đó thì mẹ yêu ngồi khóc.
(*"Khi Mới Nhờn"*)*

Cái "bóng hoa hương" quan trọng nhất đời Đinh Hùng là một người bà con có họ xa, mang tên Liên, mà nhà thơ đã yêu từ "độ em còn trèo cây khế, vin hai quả xanh bên tường". Nàng lớn lên, lộng lẫy như một tiên nga:

*Nắng vàng năm xưa đã tắt,
Cỏ bé ngày xưa lớn rồi.
Hoa hồng vừa nở trên môi
Và một trời thu trong mắt.*

*.....
Em là Tiên Nữ diễm kiều,
Vin hái hoa trong vườn quý.
Dò theo những bước thương yêu,
Còn tôi đi làm thi sĩ.
(*"Tiếc Bướm"*)*

Tiên Nữ diễm kiều và nhà thơ đã có nhiều kỷ niệm khó phai:

*Người đẹp ngày xưa tên giống hoa,
Mùa xuân cây cỏ biếc quanh nhà.
Thùy hương phảng phất sen đầu hạ,
Lén bước trang đài tới gặp ta.*

*.....
Yêu điệu phương đông lướt dưới đèn,
Ta nằm mộng đẹp đêm thần tiên.
Dáng xuân nghiêng mặt cười không tiếng,
Lừa hạ lên rồi -- ôi Ý Liên!
(*"Liên Tưởng"*)*

"Liên Tưởng" là một trong những bài thơ hay nhất của Đinh Hùng. Có người nghĩ rằng tên bài thơ nên được hiểu là "nghĩ đến người mang tên Liên", và điều này chỉ lý lắm. Bài thơ cũng phảng phất chất thơ Charles Baudelaire, một nhà thơ thuộc phái tượng trưng Pháp mà Đinh Hùng ngưỡng mộ và chịu ảnh hưởng không ít (xin xem ĐỐT LÒ HƯƠNG CŨ, trang 167-176). Thi phái tượng trưng yêu chuộng những biểu tượng riêng tư, giữa cả rừng biểu tượng trong thiên nhiên. Những từ ngữ trong hai đoạn thơ vừa trích dẫn ở trên chứa đựng ý nghĩ về "hoa sen" ("tên giống hoa", "sen đầu hạ", "lừa hạ", "Ý Liên") đều là những biểu tượng riêng tư giữa nhà thơ và người yêu trong thơ. Và người ta cũng thấy trong bài thơ này những "mạch nguồn giao cảm" (tương đương với ý niệm "correspondances" của Baudelaire), trong đó những mùi hương, những màu sắc và âm thanh cùng hòa điệu ("Les parfums, les couleurs et les sons se répondent").

Đinh Hùng và Ý Liên yêu nhau tha thiết trong tuyệt vọng. Nàng chết vì bệnh lao khi Đinh Hùng 20 tuổi (có lẽ lúc ấy nàng chưa đến 20). Mất nàng, nhà thơ đau khổ đến điên dại. Cái ác nghiệt của Thần Chết lần này thực quá sức! Nhà thơ đã tới lúc phải chấp nhận cái chết, như trong hai câu thơ thần sầu sau đây trong tập MÊ HỒN CA:

*Đi đi cho hết dương trần
Ngày mai tìm bóng Tử Thần mà yêu.*

Từ cái định mệnh nghiệt ngã đó, thi nhân đã viết lên những lời thơ đẹp nhất để nhấn vọng về thế giới bên kia, nơi có người yêu chàng hiện hữu:

*Trời cuối thu rồi -- Em ở đâu!
Nằm bên đất lạnh chắc em sầu?
Thu ơi! đánh thức hồn ma dậy,
Ta muốn vào thăm năm mộ sầu.*

*.....
Ta gửi bài thơ anh linh,
Hỏi người trong mộ có rừng mình?
Năm xương khô lạnh còn ăn ái?
Bộ ngực bi thương vẫn rợn tình?
(*"Gửi Người Dưới Mộ"*)*

Mối tình với Ý Liên là vĩnh cửu, là không thể có ai thay thế. Chứng cứ rõ rệt nhất, là chỉ một năm trước khi Đinh Hùng qua đời, người ta còn thấy bài thơ "Vết Thương Hồng Ngọc" đăng trên Nguyệt San Văn Hạnh số 13 năm 1966 (xin xem CÂU CHUYỆN VĂN CHƯƠNG, trang 53), trong đó nhà thơ tâm sự với Ý Liên đã chết cách đó 26 năm rồi:

*Anh vẫn là anh xưa của em,
Lặng sâu chiều máu hạt sao chìm.
Hỏi âm mỗi huyết cầu gieo lửa,
Thế chất còn rung khối hợp kim.*

Làm sao quên được những cái chết quá sớm trong gia đình, và nhất là cái chết quá phũ phàng của người tình thiên thu? Làm sao lẩn trốn được cái định mệnh nghiệt ngã phong tỏa đời mình, nếu không rút vào một thế giới siêu tưởng? Và đó chính là điều nhà thơ đã làm. Chàng từ nay sẽ xuất trần, sẽ vượt ra ngoài vòng vũ trụ, để được gần thiên đường, và nhìn xuống dương trần với đôi mắt dừng đứng. Con đường ngắn nhất để đi vào thế giới siêu tưởng của Đinh Hùng cũng là con đường Baudelaire đã chọn, và đó là làm

BÙI NGỌC TUẤN

MƯA KHUYA

Tôi có buổi mưa khuya ngồi hiền vắng
Để tâm hồn tan biến trong thình không
Mưa nhỏ giọt vàng phai đèn ngổ hềm
Sầu tương tư để thương nhớ vô cùng

Tôi có buổi mưa khuya ngồi hiền vắng
Nhớ thương em mắt liếc ngọt hương đời
Tôi ngồi lặng nghe mưa mù bốn phía
Nghe mơ hồ đôi giọt lệ sầu rơi

Tôi có buổi mưa khuya ngồi hiền vắng
Cuộn thân mình trong giọng nói của em
Mưa trở lạnh cho lòng thêm thao thức
Mở lòng ra để gió thoảng thâu đêm

Tôi có buổi mưa khuya ngồi hiền vắng
Yêu vô cùng để làm kẻ tình si
Thơ thương nhớ gửi mưa vào đêm lặng
Rồi suốt đời nghe gió gọi sầu về

Thời trẻ tuổi mưa khuya ngồi hiền vắng
Để bây giờ thả mộng nhớ cuồng điên
Thời trẻ tuổi yêu em tình say đắm
Để bây giờ tha thiết mãi không quên

Langley-BC, 1996



ĐÈO VĂN TRẤN

BÀI THƠ CHỜ SÁNG

tình xưa mờ mịt cuối đêm
cõi buồn có tiếng than mềm trở trần
mấy con suối một mùa trắng
lần trong nhật ký tìm trang ưu phiền

chiêm bao nào có để tên
tình si nào có gọi lên vùng trời
mắt xưa có ướt nụ cười
áo xưa có lộng gió người trong mơ?

chờ ai? Chờ đến bao giờ?
chờ cho đá ngủ bên bờ suy tư
nỗi đau trăm tuổi thì dư
cơn mê chốc lát còn ngơ ngẩn sầu

lá khô xào xạc ủa màu
con kinh nước mặn về đâu trong đời
một đời rong ruổi vui chơi
rượu tràn bọt nhớ đêm phơi hình hài

nửa hồn đau buốt lạc loài
nửa bài thơ viết cho ai còn chữa
ai về bên núi gom mưa
xin tay hạ gót hương thừa cho nhau

lời nào sỏi đá mai sau
kìa trông con nước xuôi mau bên ngoài
ta ngồi đó gọi tên ai
gọi sương mù xuống cho dài chiêm bao

ngựa già cất vó xông xao
chuyến đi về sáng dội vào biển khơi
chờ ai? chờ đến một đời
chờ cho sóng bủa vây lời dối gian

bạn với nha phiến. Tác giả của LES FLEURS DU MAL đã trốn hiện thực bằng cách cho hồn phách phi lạc về tiền kiếp trong bài "La vie antérieure", để thấy mình như vua chúa sống trong cung điện nguy nga, an nhàn hưởng lạc thú đầy hương sắc. Nếu cái nhựa đắng thoát trần đã giúp Baudelaire quên đi nỗi buồn thế sự và trở về với cái quá khứ uy nghi giả tưởng của mình, thì nàng tiên nâu đã giúp Đinh Hùng chuyển cái tê mê nha phiến sang khoái cảm ái tình:

Trong im lặng, tôi rùng mình nín thở,
Cắm tay em, nâng từng ngón tay hoa.
Tình yêu tràn trong thớ thịt, làn da,
Tình yêu rợn rợn đầu mây chân tóc.
(*"Giáp Mặt Phù Dung"*)

Trong thế giới siêu tưởng, Đinh Hùng đã từng đóng những vai trò rất lý thú, khi thì hiền lành lúc thì dữ tợn. Chàng đã gặp nhiều người đẹp mang những tên rất nên thơ như Em Huyền Diệu, Nữ Chúa Sáu, Công Chúa Si Mê, và Sáu Hoài Thương Nữ, thường là những nhan sắc liêu trai:

Ta thường có từng buổi sáu ghê gớm
Ở bên Em -- ôi biển sắc rừng hương!
Em lộng lẫy như một ngàn hoa sớm,
Em đến đây như đến tự thiên đường.
(*"Ký nữ"*)

Đối với những giai nhân giả tưởng ấy, thi nhân của chúng ta lãng mạn và tình tứ lắm, này nhé:

Em chẳng tìm đâu cũng sẵn thơ,
Nắng trong hoa, với gió bên hồ
Dành riêng em đấy. Khi tình tự,
Ta sẽ đi về những cảnh xưa.
(*"Tự Tình Dưới Hoa"*)

Nhưng đau sót thay, chàng thiết tha gắn bó bao nhiêu thì các nàng lơ là bấy nhiêu, không cưới với và cũng chẳng ngó tới chàng, khiến chàng phải nản nì:

Em hãy cười như thừa mối quen.
.....
Em hãy nhìn như thừa mối say.
(*"Hy Vọng Chiều Xuân"*)

Đóng vai hiền lành, nhà thơ bị các nàng chối bỏ, cho nên:

Khát vọng còn nguyên cháy lửa rừng.
(*"Lời Thề Trên Gối"*)

Nhà thơ đóng một vai rất dữ tợn trong "Bài Ca Man Rợ", trong đó chàng là một con người nguyên thủy với dáng vóc cổ quái, từ thiên nhiên huyền bí trở về đó thị để tìm người yêu:

Ta về đây, lạ hết các người rồi,
Lạ tình cảm, lạ đời chung, cách sống,
Trong bờ ngõ duy lòng còn chút mộng,
Ta đi tìm người thiếu nữ ngày xưa.
Nàng không mong, ta đi đến không ngờ,
Giây phút ấy thực mắt nhìn tận mắt,
Ta mỉm cười bỗng thấy nàng che mặt
Ta giờ tay, nàng khiếp sợ lùi xa.

Cũng lại bị nàng ruồng rẫy, thi nhân điên lên như một con thú dữ, giết nàng tàn bạo, phá tan thành quách, rồi bình tĩnh trở về cõi nguyên thủy:

Ta thân nhiên đi, trở lại núi rừng.
Một mặt trời đậm màu xuống sau lưng.

Phải chăng nỗi cô đơn bị thương trong cuộc sống trần thế đã lên cả vào cõi thơ siêu thực của Đinh Hùng, nơi mà nhà thơ chạy trốn cuộc đời? Chúng ta thương cảm cho định mệnh thâm thê của Đinh Hùng bao nhiêu thì chúng ta cũng biết ơn Đinh Hùng bấy nhiêu, vì chính nhờ vào cái định mệnh ấy mà chúng ta có được thêm những viên ngọc lộng lẫy trong nền thi ca Việt Nam cận đại. ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Đinh Hùng. ĐỐT LÒ HƯƠNG CŨ. Lửa Thiêng, Saigon, 1971.

Đinh Hùng. MỀ HÓN CA. Khai Trí, Saigon, 1972.

Đinh Hùng. ĐƯỜNG VÀO TÌNH SỬ. 1961. (NXB Đại Nam in lại tại Hoa Kỳ, không đề ngày tháng).

Trung Tâm Văn Bút Việt Nam. CÂU CHUYỆN VĂN CHUÔNG. Khai Trí, Saigon, 1969. (NXB Xuân Thu in lại tại Hoa Kỳ, không đề ngày tháng).

Thi Vũ. BỐN MƯƠI NĂM THƠ VIỆT NAM (1945-1985). Quê Mẹ, Paris, 1993.

Michel Quesnel. BAUDELAIRE, SOLAIRE ET CLANDESTIN. Presses Universitaires de France, Paris, 1987.

CHỦ ĐỀ UTOPIA

NG. PHƯƠNG TUẤN



VĂN HỌC

(Huck Finn goes down the river with Jim to seek freedom - a new home where the injustices of the old life will not exist. Holden too is seeking a new home a place where it will be possible for him to become involved with people and with life without the inevitable pain and disillusionment that seems to come with involvement").

Năm 1516, Thomas More, một nhà văn Anh, hoàn thành tác phẩm UTOPIA bằng tiếng Latinh. UTOPIA là một tiểu thuyết giả tưởng trong đó một nhân vật phiêu lãng giang hồ đã tình cờ đặt chân lên một hải đảo và khám phá ra đây là một vùng đất mà cộng đồng cư dân sinh sống đã tổ chức thành một nơi biệt lập với một nền tảng trật tự và một hệ thống luật pháp ở mức độ tốt đẹp nhất cho loài người. Hòn đảo được đặt tên là Utopia. Trên đảo Utopia, cư dân sống với nhau hòa đồng thân ái, không có tương tranh, không có thống khổ, tệ nạn xã hội, tội ác, tù đầy...

Và "Utopia" trở thành một chủ đề văn học. Người ta lần ngược lại dòng thời gian thì thấy thật ra truyền thống tiểu thuyết theo quan niệm "Utopia" có thể được xem đã xuất hiện từ hơn ba trăm năm trước Thiên Chúa Giáng Sinh, khi Plato (Platon) viết tác phẩm REPUBLIC (Nền Cộng Hòa) với nội dung mô tả một quốc gia lý tưởng được xây dựng trên nền công lý hoàn hảo và áp dụng guồng máy điều hành là một thể chế hợp lý hơn tất cả mọi chế độ đã có từ trước.

Kể từ khi đế quốc La Mã sụp đổ năm 476 cho đến năm 1492 lúc nhà hàng hải người Ý Christopher Columbus tìm ra Mỹ Châu, lịch sử nhân loại đã trải qua hơn một ngàn năm Thời Trung Cổ. Đó là thời đại đen tối ở Phương Tây (Dark Ages) thần trí con người bị vây hãm trong những hệ thống thần quyền ngự trị, nên người đọc đón nhận tác phẩm UTOPIA như một thể hiện những mộng tưởng không bao giờ thành của mình. UTOPIA được dịch ra Anh Ngữ năm 1551, và từ đó trở thành khuôn mẫu cho những nhà văn cùng chung ý hướng với Thomas More. Có thể kể sau đây một số tác phẩm theo đề tài Utopia ra đời trước thế kỷ 19:

"THE CITY OF THE SUN" (Đô Thị Mặt Trời, 1623) của Campanella.

"THE NEW ATLANTIS" (Tân đảo Atlantis, 1626) của Francis Bacon.

"OCEANA" (1656) của James Harrington.

Từng phần tập truyện "GULLIVER'S TRAVELS" (Những chuyến du hành của Gulliver, 1726 của Janathan Swift.

Vào thế kỷ 19, tư tưởng "Utopia" được đặc biệt chú trọng cả trong lãnh vực văn chương lẫn thực nghiệm ngoài đời sống. Những tác giả Anh đã lần lượt cho ra đời các văn phẩm:

"EREWON" (chữ Nowhere viết ngược lại, 1872), của Samuel Butler.

"A DREAM OF JOHN BALL" (Giấc Mộng của John Ball, 1891) của William Morris.

"NEWS FROM NOWHERE" (Tin từ hư không, 1891) cũng của William Morris.

Và Alfred Tennyson, một nhà thơ, trong tập "LOCKSLEY HALL" (1842) đã trình bày những dự kiến về một cõi Thiên Đàng hạ giới, nơi ta rũ bỏ hết mọi hệ lụy, con người an nhiên khởi từ chính tâm mình thanh thoát trong một thế giới hòa đồng.

T trong văn chương Mỹ, những cuốn "LOOKING BACKWARD" (Nhìn lại 1888) của Edward Bellamy, "TYPEE: A PEEP AT POLYNESIAN LIFE" (Nhìn qua đời sống của dân Polynesian, 1846) và "OMOO: A NARRATIVE OF ADVENTURES IN THE SOUTH SEAS" (Phiêu lưu ký trên vùng biển Nam, 1847) của cùng một tác giả Herman Melville là những tác phẩm tiêu biểu cho sức thôi thúc của lòng mơ tưởng cảnh sống thái bình an lạc ở đời này. Nỗi ước mơ này có thể phần nào cắt nghĩa hiện tượng dân chúng Mỹ từ miền Đông kéo nhau đi xuyên ngang một đất nước rộng lớn, hướng về những vùng đất xa xôi hoang dã trong lịch sử Hoa Kỳ thế kỷ 19. Miền Tây nước Mỹ là nơi người ta đã hy vọng thành lập, tổ chức một xã hội tốt đẹp, không phạm vào những sai lầm như trên lục địa Châu Âu.

Các nhà phê bình văn học nhận ra rằng khi viết "THE ADVENTURES OF TOM SAWYER" (Những cuộc phiêu lưu của TOM SAWYER, 1876) VÀ "THE ADVENTURES OF HUCKLEBERRY FINN" (Những cuộc phiêu lưu của Huckleberry Finn, 1884) không phải Mark Twain chỉ muốn kể những chuyện bỏ nhà đi hoang, những trò tình nghịch phá làng phá xóm của mấy chú nhỏ, gây hào hứng thích thú cho độc giả, mà ông còn một lần nữa trở về với đề tài Utopia.

Huckleberry Finn cùng gã bạn là Jim khi không còn được sống những ngày thỏa chí lênh đênh giữa trời nước mênh mông, trên chiếc bè gỗ, đã thất vọng, cùng quần tâm trí. Trong lòng Huck và Jim nảy ra cái ý muốn càng lúc càng thúc hối là phải bỏ làng ra đi, mong tìm đến một vùng đất mới, tự xây dựng một cuộc đời riêng, theo sở nguyện. Gần chúng ta hơn, năm 1951 Salinger cho ấn hành tập truyện "THE CATCHER IN THE RYE" (bản dịch Việt ngữ ở Sài Gòn lấy tựa đề "Bắt Trẻ Đồng Xanh"). Nhân vật Holden Caulfield trong "Catcher in the Rye" cũng mỗi một với cái thế giới đầy những giả dối mình đang sống. Gã cũng có cái mộng ước thiết lập một cộng đồng nhân loại lương hảo tại một nơi nào đó ở miền Tây Hoa Kỳ.

Giáo sư Robert B. Kaplan (University of Southern California) viết: "Huck Finn cùng gã bạn Jim đi xuôi dòng sông để tìm tự do - một quê nhà mới nơi không còn những bất công của cuộc đời cũ. Holden cũng thế, gã đi tìm một quê nhà mới - một nơi gã có thể giao du với người khác và tham dự vào đời mà không bị những khổ đau thất vọng thường xảy ra và có vẻ như vẫn đi dính với việc con người giao du, sinh sống ở đời."

Thế kỷ 19 con người vẫn giữ được lòng tin tưởng vào khả năng tự hoàn thiện của mình, vào sự có thể thực hiện được một xã hội công bằng

hợp lý, mở đầu một thời đại Hoàng kim mới. Nhân loại lúc bấy giờ sẽ cùng nhau chung sống trong một thế giới hợp nhất, giữa cảnh thanh bình. Nhưng thế kỷ 20, thế kỷ của nhiễu nhương với bao biến cố kinh tâm đã dần dà làm mất đi niềm tin nói trên. Những cuộc chiến dai dẳng nối tiếp nhau, những cuộc dấy loạn, tương tàn đẫm máu đã làm sụp đổ mọi hy vọng về một tương lai tốt đẹp tươi sáng của nhân loại. Do đó phát sinh một loại truyện được các phê bình gia mệnh danh là "Tiểu thuyết chống Utopia", trình bày cảnh huống con người bị phong tỏa trong vòng ảnh hưởng một quyền lực mà họ vô phương chống cưỡng lại.

Không còn là con người toàn thiện nữa mà biến thành con người suy đồi với ý lực tàn phá hung hãn. Đó là cách thế nhìn về tương lai của những tác giả trong trào lưu tư tưởng "chống Utopia".

Những cuốn "ANIMAL FARM" (Trại súc vật, 1946) và "NINETEEN EIGHTY FOUR" (Năm Một Ngàn Chín Trăm Tám Mươi Tư, 1949) của George Orwell được xếp vào loại những tiểu thuyết chống Utopia. Theo George Orwell, trên đời này làm gì có được một thế giới đại đồng, làm sao tổ chức nổi một xã hội lý tưởng kiểu Thomas Moore đã tả ra trong "Utopia". Toàn là chuyện hư tưởng chỉ gây khổ não thêm cho con người.

Nên Orwell viết "Trại Súc Vật" nhằm riếu cợt cuộc cách mạng vô sản và trong "1984" ông vẽ ra một xã hội bị đặt dưới một hệ thống cai trị độc đảng, cá nhân hoàn toàn phải khuất phục dưới mọi áp lực của nhà nước, một xã hội mất hẳn nhân tính (a dehumanizing totalitarian society).

Tiếp theo, Orwell cho ấn hành một tập tiểu luận bàn về hai tác phẩm "WE" (Chúng ta, 1924) của Eugene Zamiatin và "BRAVE NEW WORLD" (Tân thế giới dưng cảm, 1932) của Aldous Huxley mà ông cho rằng đều là những tác phẩm "chống Utopia". Và sự việc ba nhà văn cùng thời trong tiến bản thế kỷ 20 đều chuyển tâm vào tư tưởng "chống Utopia", viết sách có những điểm tương đồng, đã gợi chú ý của người đọc và gây ra nhiều cuộc tranh luận trong giới phê bình văn học thời bấy giờ.

Chúng ta đang ở vào cuối thập niên chót của thế kỷ 20. Làm gì, nghĩ gì, nói gì? Hay chẳng làm gì được, chẳng nghĩ gì thông suốt, chẳng nói được điều gì đáng để thiên hạ lắng nghe? "Utopia" hay "chống Utopia". Nói cách khác, trên cõi nhân gian này con người có bao giờ thực hiện được mọi lẽ công bằng nhân ái, cùng chung sống một đời thái bình thịnh trị, hay con người chỉ là một sinh vật suy thoái, vũ lực thường vẫn là cách giải quyết tối hậu những bất đồng, tranh chấp? Nghĩ coi kể từ ngày mở ra trang sử đầu tiên của loài người thì có lịch sử nào không là Lịch Sử Của Bạo Động. ■

SINH NHẬT TÔI

TRẦN HOÀI THƯ

Truyện

Khi tôi ló mặt vào phòng, thì tiếng hát *Happy birthday to you happy birthday to you* cùng tiếng vỗ tay đồng loạt trời dậy. Tôi nghe cả giọng ca ò ò của ông Bill xen lẫn giọng ca thánh thót của nàng Nancy, nàng Virginia...

Thì ra hôm nay là ngày tôi ra đời. Và cả nhóm đã dành cho tôi một kinh ngạc. Chiếc bánh kem màu trắng. Tên họ tôi màu xanh. Và năm ngọn đèn cầy chờ tôi đốt. Tôi ríu rít nói cảm ơn. Rồi bật lửa. Những ngón tay tôi run. Do từ vết thương cũ từ một chiến trường xa lắc xa lơ nào đó. Rồi tôi đốt từng ngọn nến. Rồi thổi phù phù cho một cơn phù du trong chớp mắt... Sau đó, tôi lấy dao cắt bánh. Bỏ từng miếng vào đĩa giấy rồi mời từng đứa. Thì ra hôm nay con người như tôi lại giá trị đến độ như vậy sao. *Happy birthday*. Họ bắt tay chúc mừng. Thêm một tuổi già hay thêm một năm bị thời gian cướp mất. Họ đâu có biết tận cùng sâu thẳm của tâm hồn tôi. Họ đâu có biết nguồn gốc lai lịch khai sinh căn cước của tôi. Họ chúc mừng bởi vì đời vui lắm, hạnh phúc lắm. Tôi cũng làm bộ cảm kích, vui lắm, hạnh phúc vô cùng. Thì cứ thử xem hôm nay là ngày tôi chào đời đi, để chào mừng cuộc đời. Cứ đóng kịch, cảm ơn lia lịa, làm bộ tỏ ra ngạc nhiên và xúc động trước những ân tình của người bản xứ.

Vâng. Cảm ơn. Cảm ơn xứ sở này cho ta một nơi dung thân. Cảm ơn hãng này đã mượn ta trên mười hai năm mà không gạt ta ra ngoài theo cái định luật cung cầu của business. Cảm ơn cái bằng cấp để ta còn viết vào hồ sơ xin việc. Và một lời cảm ơn cuối cùng. Cảm ơn Trời Đất đã gìn giữ ta, cho ta còn sống sót, để viên đạn xẹt vào đầu vú ta, thay vì trái tim ta, để trái lựu đạn nào đó mà thằng nhỏ mười một mười hai tuổi quăng vào chạy lẩn lóc, không nổ, hay cái lầy cò cứng ngắc khi ta chia mũi súng vào lưng thằng lính mà bóp cò khi nó không chịu tiến tới... Cảm ơn mấy chục lần ta chạy có cờ, kêu anh cảnh vệ ơi, tôi đi cầu. Đ. M. mày, đi ỉa thì đi, mắc mớ gì kêu ông. Cảm ơn biển mặn không đón ta, ôm ta, ru ta vào lòng, hay bão tố không búng ta lên cùng mây trắng. Cảm ơn hơi thở tiếp tục triệu ức tí tí tí lần, cho nhịp tim cứ đập tí tí tí lần... Cảm ơn đời sống này dù mắt đã bắt đầu mờ, da bắt đầu nhăn, trí nhớ đã bắt đầu kém, tay đã bắt đầu run...

Tôi trở lại phòng. Cái ghế dựa. Chiếc bàn. Những ngăn đựng hồ sơ, tài liệu, sách vở. Màn ảnh màu xanh. Máy computer. Điện thoại. Như vậy, tôi đã chia xẻ cùng chúng đã hơn 12 năm dài. Không buồn. Không vui. Không gì hết. Ngoài cửa kính, mùa đông xám xịt bầu trời, trơ trọi những thân cây đen thẫm. Xa xa là những ngọn đồi mờ nhạt. Những con quạ đen hiện ẩn trên nhánh khô. Đất trời đó, vũ trụ đó, nhân loại đó, hôm nay tôi lại được có mặt thêm một năm, cho vui của vui nhà,



HỌA CỦA DUY THANH

vui ngày vui tháng. Nhưng cố sao tôi lại nhắm mắt, lòng như thế rung rung...

Vâng, tôi vẫn còn sống, và sống vui, sống mạnh, sống như thể một cơn mơ. Còn đòi hỏi gì nữa khi tự dung có một tên trời sông lạc chợ từ bên kia bán cầu lại có mặt tại xứ thiên đàng này để người ta tổ chức ăn mừng. Còn đòi hỏi gì hơn khi một tên vô sản chánh gốc, không nhà, không cửa, đạp xe thồ, bán cà rem dạo, nay đang gia nhập vào trong một thế giới mà người ta gọi là chuyên gia. Đó có phải là giấc mơ mà bất cứ ai ai cũng ước, muốn hay sao. Nhưng tôi biết, tôi không thể nào quên. Bởi ngoài kia, ngọn đồi mỗi ngày tôi nhìn, để hiểu tại sao tôi lại vẫn còn sống đây, vẫn còn tiếp tục hưởng những đặc ân của Thượng Đế.

Khi chúng tôi chiếm được cao điểm, và báo cáo với đại bàng là hang đã quá nhiều không thể biết nơi nào

dịch trú ẩn, thì dịch bắt đầu đồng loạt khai hỏa. Hai khẩu đại liên ở hai bên sườn núi quạt xuống trung đội ba và trung đội chỉ huy đang bị mắc kẹt dưới thung lũng. Rồi ở dưới chân tôi, tự dung một quả lựu đạn được quăng lên. Người lính truyền tin hét lên: "Lựu đạn. Ông thầy!", rồi xô tôi xuống một vực sâu đầy bụi gai. Tôi té nhào. Những miếng gan đã găm đây vào thân thể tôi, cả hai ống chân, và cả mông. Thằng mang máy bị sức nổ làm bắn lên không và cũng rơi xuống vực cạnh tôi. Cả mặt mày nó nhuộm đầy máu.

Đó là một con thác khô, mà những hòn đá bóng đen chất chồng, lẫn trong gai, bụi um tùm. Thằng Tám còn đi được. Hẳn đi tôi từng bước. Hơi thở nó hỗn hển. Máy truyền tin đã không còn xử dụng được nữa. Trên vai hán vẫn còn tồn teng khẩu M16. Tôi nhắm mắt buông xuôi. Đau mà không dám rên. Hận mà không dám thét. Súng vẫn nổ loạn cuồng, chất chứa. Rồi chúng tôi xuống bãi đất trống ở trên đồi, nơi trung đội ba và bốn bị kẹt. Tám không còn đi tôi nữa. Hán công tôi chạy qua khoảng xạ trường. Chùng như trên đồi, sau lưng chúng tôi, địch chỉ

chờ bấy nhiêu. Đạn lại bắn xuống như mưa rào. Tôi cũng bị trúng đạn. Tám cũng bị trúng đạn. Hai thầy trò ngã quì xuống bãi. Tuy vậy, tôi có thể trườn tới một mô đất và nép mình. Còn Tám thì không thể cựa cựa. Hấn kêu tôi giúp. Nhưng mỗi lần ló ra là mỗi lần đạn từ trên cao trút xuống. Tôi đưa đầu súng về hướng hấn, kêu hấn cầm chắc, rồi kéo về phía mình. Thân thể hấn bị con nên tôi khốn khổ lắm mới nhích đi từng tấc một. Đạn sủi bọt, và toé lửa khi chạm vào những mô đất. Thêm một viên đạn nữa bắn trúng hấn. Hấn ngước đôi mắt nhìn tôi, nói tuyệt vọng: "Em lại bị thêm một viên nữa rồi ông thầy." Tôi gào lên: "Tám nghe lời tao, mày phải sống. Rắn bò tới chỗ này mà núp. Nghe không". Tôi vừa gào, vừa kéo. Nhưng tôi bất lực. Tôi cũng như hấn. Tuyệt vọng tột cùng. Bỗng nhiên hấn giục tôi: "Ông thầy gắng bò xuống đi. Em sẽ tự lo cho em cũng được. Rắn bò khỏi chỗ này. Mau lên ông thầy". Tôi nhìn hấn mà khóc. Hấn đã hy sinh cho tôi. Và giờ phút này, hấn lại thêm một lần muốn tôi được sống. Tôi lại hét trong nước mắt: "Tám, em nghe anh không, em phải sống. Phải gắng tìm chỗ ẩn, đừng nằm chỗ trống trải như vậy. Tám, anh thương em. Chúng mình đã sống chết bên nhau bao năm rồi." Hấn gật đầu. "Được, em sẽ cố. Ông thầy đừng bận tâm gì về em. Chúc ông thầy bình an..."

Tôi đã nghe lời thằng lính truyền tin của tôi. Tôi vẫn còn muốn sống, vẫn còn hèn nhát để nghĩ đến bản thân mình. Tôi đã dùng hai tay trườn, bươn qua những lùm gai, những bụi dứa. Cả hai bắp đùi tôi bị nát vì miếng đạn. Bà vai tôi thêm một viên đạn xuyên ngang. Tôi đã tự biện hộ cho mình. Rằng tôi đã bất lực. Như đại bàng đã bất lực. Trung đội ba, trung đội bốn đã bất lực. Nhưng lương tâm của tôi vẫn bất an. Cuối cùng, ai cũng muốn sống. Có nghĩa là tôi đã tìm mọi cách để xa bãi chiến. Càng xa càng tốt.

Vàng. Càng lúc tôi càng xa dần bãi chiến. Xa đến độ không thể ngờ. Nhưng chắc gì tôi lại xa ngọn đồi như một dấu tích một thời. Tôi nói với thế giới này là tôi được may mắn, được phép lạ. Qua cuộc chiến tranh. Qua tù tội. Qua vượt biển. Tôi nói là sau cơn bão cực đến hồi thối lại. Nhưng tôi biết tôi đã dối lòng mình. Nếu không có thằng Tám Đen hay một viên thuốc màu chocolate mà người bạn tù đã tặng tôi trong cơn dịch kinh hoàng trong trại khổ sai, thì làm gì tôi còn ngồi lại đây để má cá bánh, mà tung hô cuộc đời?

Ông thầy còn nhớ em không? Em là Nguyễn Văn Tám tự Tám Đen, hạ sĩ mang máy của trung đội ông thầy. Sau khi ông thầy rời khỏi đại đội, em được bổ sung về tiểu đoàn 2. Em bị thương tại Đức Cơ. Hai chân em bị cưa. Đến tháng tư 75 họ về dưới em ra khỏi quân y viện trong khi hai chân em đã vằn vện như da của cá mấu và mù. Em không được phép lấy bất cứ cái gì kể cả chiếc xe lăn. Em phải dùng hai tay để làm chân, lấy vải bao cát bó lên hai khúc chân chưa lành để về quê dưới Bình Định. May mà có nhiều người cảm thương hoàn cảnh nên em còn có một vé xe đò, nếu không em chắc bỏ xác dọc đường. Cả năm em không có thuốc men để điều trị. Cứ mỗi lần trở trời thì nó hành em chỉ biết cắn răng mà khóc. Hai đứa con em thì về Qui Nhơn đi bới rác tìm bao ny lông mà đắp đổi qua ngày. Em muốn chết mà không dám chết. Mỗi ngày em đi bằng hai cái đòn, ra ngoài chời nhìn về phía Bà Di mà nước mắt cứ chảy dài. Em nhớ đến lúc ông thầy ăn cơm chung với em với canh lá giang nấu với thịt quân tiếp vụ. Phải chỉ viên đạn trúng tim em thì em đỡ khổ như bây giờ. Suốt cả năm làng xã làm khó dễ, nhiều khi họ bắt em đi trình diện cả mấy cây số, mà em thì đi làm sao được. Ráng đến nơi thì em xỉu. Máu từ hai khúc chân lại chảy ra cả mù xanh thối không chịu nổi. Sau đó em đành phải bỏ quê mà đi ăn xin ở dọc theo đường xe lửa, ngủ nhờ ở mấy nhà ga xếp, ăn nhờ miếng cơm bố thí... Em gặp rất nhiều Việt kiều về thăm nhà. Một bữa ăn của họ có thể nuôi cuộc đời tàn phế của em suốt đời. Họ xài tiền như rác. Họ ngủ ở khách sạn, mỗi đêm cả trăm đô la. Họ đi nhảy đầm ở nhà hàng nổi giá cả trăm đô la. Phải chỉ họ thương hoàn cảnh một đồng đội cũ của họ, ban cho em một chiếc xe lăn, để em còn đi bán thuốc lá bán báo cho đỡ nhục nhã hơn cái nghề ăn mày ăn xin này...

Em xin gởi cho ông thầy tấm hình của em. Chiến tranh trang điểm sắc đẹp mà, ông thầy! ■



NGUYỄN SỸ TẾ

DẠ CẨM

Thành phố chìm sâu trong giấc ngủ
Trả về hư ảo chuyện bon chen
Ngó nghiêng khung cửa trời vô định
Có kẻ ngừng tay viết dưới đèn.

NGUYỄN CHÍ KHAM

BUỔI CHIỀU

Hôm ấy buổi chiều đi thăm bạn
Hàng cây hoa trắng mát tâm hồn
Gió thổi một ngày thơm chiếc bóng
Mùa xuân hoa cỏ mới tươi non

Thành phố bắt đầu xanh ánh nắng
Hồn nhiên nghe hát vọng trên đồi
Rải chút đậm đà quanh áo đỏ
Người về như một tuổi hai mươi

Khi bóng hình em vừa dịu lại
Giấc mơ theo áo lụa qua cầu
Nghe tiếng vu vơ cười gọi khẽ
Bao nhiêu xa xôi mong chờ nhau

Với nửa thời gian rộng cánh tay
Như năm nào tôi đến nơi này
Quen em nhớ gió mùa thơm ngát
Khói hoàng hôn theo chiếc lá bay

HOÀNG HUY KHÁNH

LÃNG DU

Sóng biếc trên sông kiếp lãng du
Em xa trong lớp áo sương mù
Ta quên từ thuở buồn vô hạn
Năm tháng cơ hồ cơn gió ru.

Nhưng buổi hôm nay bỗng chạnh lòng
Em về theo chiếc bóng thu phong
Ôi! ta sầu đã vàng tâm sự
Lòng đã đau hiu hắt nhớ mong

Lại nhớ hôm nao dưới nguyệt thiềm
Những màu hoa giấy rụng từ tim
Đôi tay em đã cùng ta giữ
Những nhánh hoa hồng trong gió êm

Mà xót xa chỉ cũng tội tình
Cỏ đùa trong nắng sớm phù sinh
Ta xin gọi tiếng em thương mến
Gửi tặng cho đời mộng tuổi xanh.

THÀNH TÔN

NIỀM RIÊNG

Ngắm ta dị tượng kỳ hình
Ngay thân thất lạc cong mình bơ vơ
Trăm năm xê dịch hằng giờ
Tình thâm nhòa nhạt từng tờ lá bay

Ngoài tầm mắt thịt, vòng tay
Sáng ra phiến trán đã đầy dấu nhai
Gương soi mặt nạ thường hằng
Ta trong ý kể đôi đăng loanh quanh

Máu nào trăm sợi phân ranh
Bóng chao tượng động hồn nhanh xác rù
Cuộc ta, một cõi biên khu
Thác thiêng ảo giác sống ngu đời đời

Khoanh tay chịu tiếng ngậm lời
Phàm thân linh thể đất trời hư không

NG. PHAN QUỲNH

RA ĐI

Chiều rơi hoàng hôn tím
Thuyền ta buồn đi hoang
Em bên bờ đũa tiễn
Thu tàn mây lang thang.

Nhớ Hoàng Chương ta hát
Thuyền ơi! Về muôn phương!
Trời quê sầu tan nát
Vẫy chào trăng cổ hương.

Trùng dương lời xanh thắm
Thuyền trắng vào khói sương
Ta khô lòng như cát
Xa bờ quê nhớ thương

Hoàng hôn chìm trong biển
Phương Đông trắng vẩn vương
Ta bây giờ lưu viễn
Dâng đời đời chút hương!

HUỲNH LIỄU NGẠN

KHÔNG MỘT LẦN

Không một lần được nói
cho sông sẽ đôi lời
bởi vì anh ngại lắm
cử cầu trời mưa rơi

tháng giêng rồi tháng bảy
tháng tám cũng tới rồi
anh đi qua đi lại
ngoài trời mưa vẫn rơi

lòng anh như nước chảy
đổ đầy một vại thôi
cứ ngỡ em mức uống
lưng hoài một vành môi

đời buồn như nước xối
đời buồn như mây trôi
mây làm mưa rơi xuống
nước làm đầy đơn côi

Không một lần được nói
cho sông sẽ đôi lời
bởi vì anh đã biết
nước làm mây bay rồi.

25.2.98

THỂ THƠ ĐỐI THOẠI

TRẦN VĂN NAM

Làm sao tránh được sự sơ sài khi viết về một tác giả nổi tiếng mà bài viết chỉ giới hạn trong một hai trang báo. Ngoài cách kể lại vài kỷ niệm hay vài giai thoại quen biết với tác giả để đóng góp một chút tư liệu liên quan đến cuộc đời, qua đó soi rọi sự hiểu biết về văn thi nghiệp - muốn giúp gì thêm thì chỉ còn cách là từ một bài thơ hay một đoạn văn của tác giả, nhân đó bàn về vấn đề văn chương có tính cách tổng quát.

Ví dụ viết về nhà thơ Thanh Tịnh thì không thể trong một bài báo quá ngắn nhìn được dù chỉ vài khía cạnh trong tổng thể thi nghiệp của Thanh Tịnh. Vì vậy nhân bài thơ "Mòn Mỏi" của ông, ta bàn về thể thơ đối thoại, một thể thơ tưởng đã lãng quên nhưng đôi khi còn thấy xuất hiện trong văn chương Việt Nam hải ngoại hiện nay.

Thể thơ đối thoại thường được áp dụng ở những thi phẩm trường thiên như Truyện Kiều hay Lục Vân Tiên, trong đó gồm nhiều nhân vật với nhiều dịp đối thoại với nhau qua diễn tiến của một câu chuyện dài, lăm tình tiết, làm nên thứ tiểu thuyết văn vần. Thể đối thoại ít khi dùng trong bài thơ ngắn, vì nhà thơ thường độc thoại, có khi còn làm đại diện nói giùm cảm nghĩ của người khác:

*Nếu anh còn trẻ như năm trước
Quyết đón em về sống với anh
Những khoảng chiều buồn phơ phất lại
Anh đàn em hát nỉu xuân xanh
(Hoàng Cầm)*

Khi làm thơ với cấu trúc gồm hai nhân vật thì có ba cách: Một là đặt câu nói nhân vật vào hai dấu ngoặc kép, như trong bài thơ "Đi Chùa Hương" với lời cô gái và lời của chàng trai thỉnh thoảng được ghi nguyên văn bằng thể thức trên, còn tất cả là lời tác giả như một kẻ thứ ba đứng ngoài cuộc. Hai là dùng một dấu gạch ngang ngắn, như trong bài "Tình già" của Phan Khôi: lời của người tình già 25 năm gặp lại thỉnh thoảng được chen vào, ngoài ra là lời của Phan Khôi như một kẻ đang chứng kiến câu chuyện. Bài thơ "Tình Sầu" của Huyền Kiều là điển hình của thể thơ đối thoại với cách áp dụng dấu gạch ngang ngắn dành cho lời của một người trong cuộc:

*Xuân hồng có chàng tới hỏi
Em thơ, chị đẹp em đâu?
- Chị tôi hoa thắm cài đầu
Đi đuổi bướm vàng ngoài nội.*

*Hạ đỏ có chàng tới hỏi
Em thơ, chị đẹp em đâu?
- Chị tôi tóc xỏa ngang đầu
Đi giặt tơ vàng bên suối.*

*Thu biếc có chàng tới hỏi
Em thơ, chị đẹp em đâu?
- Chị tôi khăn thắm quàng đầu
Đi hát tình sầu trong núi.*

*Đông xám có chàng tới hỏi
Em thơ, chị đẹp em đâu?
- Chị tôi hoa phủ đầy đầu
Đã ngủ trong lòng mộ tối.*

Đoạn cuối bài thơ của Huyền Kiều thật buồn nhưng không đến nỗi bất ngờ, vì ta có thể đoán trước điều gì tác giả muốn nói qua diễn tiến của thời gian bốn mùa, nằm trong chủ đề có tính cách siêu hình - Không phải thường hằng - nhưng thi nhân thường làm nguồn cảm hứng: chủ đề hồng nhan bạc mệnh.

Ta chợt nhớ đến một cuốn phim Thụy Điển, chiếu ở Việt Nam vào thập niên 1960: "Nàng Chỉ Ca Múa Trong Một Mùa Hè" (Elle n'a dansé qu' un seul été).

Không đến nỗi bất ngờ nên bài thơ của Huyền Kiều chưa mang vẻ kịch tính của thể đối thoại. Bài thơ "Mòn Mỏi" của Thanh Tịnh có được điều này. Và đến đây ta mới nói cách thức thứ ba trong thể thơ đối thoại: mỗi đoạn thơ dành cho lời nói của từng nhân vật, đối đáp nhau một cách thứ tự. Ngôn ngữ thơ của Thanh Tịnh trong bài này như thuộc về thời "Chinh Phụ Ngâm", lùi xa hơn giai đoạn thơ mới tiền chiến mà ông đang ở trong dòng, có lẽ vì ông muốn trở về ngôn ngữ xưa cho thích hợp với những hình ảnh cổ thời: ngựa hí sa trường, chinh phụ thềm rêu ngóng chồng, xưa nay chinh chiến mấy ai về... Đó là tất cả nội dung của bài thơ "Mòn Mỏi":

*Em ơi Nhẹ cuốn bức rèm tơ
Tìm thử chân mây khói tỏa mờ
Có bóng tình quân muốn dặm ruổi
Ngựa hồng tuôn bụi cỡi xa mờ.*

*Bên rừng ngọn gió rung cây
Chị ơi con ngựa lạc bấy kêu sương*

*Sóng chiều đưa chiếc thuyền lan
Chị ơi con sáo gọi ngàn bên sông
Ô kìa! Bên cội trời đông
Ngựa ai còn ruổi dặm hồng xa xa.*

*Này lặng em ơi, lặng lặng nhìn
Phải chăng mình ngựa sắc hồng in
Nhẹ nhàng em sẽ buông rèm xuống
Chị sợ trong sương bóng ngựa chìm.*

*Ngựa hồng đã đến bên hiên
Chị ơi trên ngựa chiếc yên... vắng người.*

Thể thơ đối thoại tưởng chừng đã lãng quên vì ít ai dùng, bỗng đi một thời gian dài, nay gặp lại, ta có cảm nghĩ như tìm được một cuốn sách cũ trong nhà kho không người lai vãng. Với thể cách đối thoại bằng từng đoạn bài thơ trên, ta lại thấy trong bài thơ "Tại sao": Những đối thoại giữa cô gái bán bar Việt Nam và anh lính Mỹ trước giờ lên đường về nước. (Xem tạp chí Khởi Hành số 12, bài thơ do Susan Wallace sưu tầm trong "250 Years Of Wartime Love Letters", không thấy ghi tên tác giả bài thơ).

Khởi điểm là bài thơ "Mòn Mỏi", nhân đó lại bàn về một vấn đề văn chương: Thể thơ đối thoại. Như vậy, muốn viết về Thanh Tịnh mà thật ít lời. * Không còn cách nào khác hơn khi ta chưa có ý định viết thành bài nghiên cứu hay nhận định tác giả, đành phải nương nhờ một cái cớ cho sự cảm nghĩ về văn chương. ■

* Xin trích lại vài ý nghĩ về đoạn văn mùa tựu trường của Thanh Tịnh: "Hàng năm cứ vào cuối thu, lá ngoài đường rụng nhiều, và trên không có những đám mây bàng bạc, lòng tôi lại nao nức những kỷ niệm hoang mang của buổi tựu trường..."

Bản văn trên có một ma lực gì mà mỗi khi nhắc đến buổi tựu trường, chúng ta đều nhớ lại? Không phải vì bài văn có những ý tứ hay như con đường đã quen đi lại nhiều lần bỗng trở nên thấy lạ đối với cậu học sinh mới cấp sách đến trường, cũng không phải vì bài văn nói quá đúng một kỷ niệm ai ai cũng có như cảm tưởng sợ sệt lạc lõng của một người học trò được mẹ đưa đi học lần đầu tiên. Những ý tứ ấy thì nhiều người đã nói rồi, có gì là mới lạ vang vọng mãi trong lòng ta... Vang vọng không phải do cái mới lạ, mà do cái man mác, xa xôi, vất vưởng... Chính là cái từ ngữ "trên không có những đám mây bàng bạc" tạo ra một ma lực làm ta nhớ mãi bản văn này. Tại sao những từ ngữ đó và không là những từ ngữ khác?...

Mỗi bài văn hình như có những từ ngữ quyết định, chính chúng làm nên giá trị cho một bản văn. Đó là những giá trị không lộ liễu vì bao giờ cũng là cái mơ hồ, không phải là những tình ý rõ ràng nhưng là cái gì thấp thoáng... Một nội dung hồi tưởng thì từ ngữ xa xôi là một giao hưởng mật thiết làm ta nhớ mãi. Thanh Tịnh với đám mây bàng bạc trôi trên nền trời của kỷ niệm ngày tựu trường, Mai Thảo với hồi còi man mác vọng vào những mái bếp tro than nguội lạnh lúc năm giờ sáng của kỷ niệm một "Chuyến Tàu Trên Sông Hồng", Võ Phiến với đám khói vất vưởng bay lên cao mãi trong kỷ ức của kỷ niệm một chuyến đi qua đồng ruộng mệnh mông của miền Tây trong mùa đốt cỏ. Toàn là những dư ảnh xa xôi, lảng đãng, hoặc dư âm trầm mà lại khó phai... (Trích bài "Những Từ Ngữ Quyết Định trong Một Bản Văn", đăng trong tạp chí Thời Tập tại Sài Gòn số 12 ngày 10/10/1974, T.V.N)

TỜ BÁO, BẠN ĐỌC TÂM THƯ

Sau khi phát hành Khởi Hành số 21, để ngày 15 tháng 7.98, chúng tôi có nhận được phiếu mua báo dài hạn của quý vị có tên dưới đây (thư nhận được giữa thời gian bán in số 21 đưa qua nhà in, ngày 8 tháng 7 tới thời gian bán in số này đưa qua nhà in, ngày 5 tháng 8.98).

—AUREFLAM CORP. (SJ, 3 năm)- NGUYEN TRUNG HOI (OR, 1 năm)- QUANG DUC NGUYEN (VA, 1 năm)- TIEN MINH PHUNG (CA, 1 năm) - TNT Narveaz Health Cter, SJ, 3 năm)- PHAM TRUY (TX, 1 năm)- HỒ CHUNG (COLO, 1 năm)- THÁI ANH TUẤN (Nebraska, 1 năm)- HÙNG TRẦN (Tennessee, 1 năm)- THÚY PHẠM (Wisconsin, 2 năm)- NGƯỜI NHÀ (ở Olympia, trả cho dân anh ở Ba Lê, 1 năm)- DIEU LE (CA, 2 năm)- John NGUYEN (NY, 1 năm)- MAN PHAM J.D. (CA, 2 năm)- NGUYỄN KIM HỒNG (OR, 2 năm)- DIEP NGUYEN (IL, 1 năm)- TUYEN PHAN (LA, 1 năm, gửi bởi Phụng Liên, SD)- TRẦN Y HÒA (CA, 1 năm)- TRAN H THU (NJ, 1 năm)- THANH NGUYEN (Ottawa, 1 năm)- SÁU NGUYỄN (IN- 2 năm)- LANG KIEM NG (CA- 2 năm)- HO CONG TAM (MA- 2 năm)- ĐÀO A HÙNG (TX 2 năm)- ĐÌNH QUÝ TRẮNG (WA- 1 năm)- TINH NGUYỄN (VA - 2 năm)- TQB (SD - 2 năm)- HỒ T NHẢ (2 năm)- GS NXV (1 năm)- Bà HKL (1 năm)- PH. KHÁNH (1 năm)- NG TUÊ (1 năm)- LVN (TX- 1 năm)- CỤ NG PHÚ NINH (CA- 2 năm) - HIỀN TRẦN (VA - 1 năm)- NINH P. LỤC (SD - 1 năm)- GS NKH (2 năm)- TRAN V PHÊ (MN - 1 năm).

Trân trọng cảm ơn quý vị và quý bạn. Nhiều vị, nhiều bạn để rõ mua một năm từ số 1, song cũng có bạn không ghi rõ. Với những bạn không ghi rõ, chúng tôi coi như chỉ gửi báo từ số mới nhất.

LƯU Ý BẠN ĐỌC DÀI HẠN:

Trong thông báo gửi kèm với tờ báo, (màu xanh lá cây, kèm trong báo số 20, hoặc màu vàng, trắng, kèm trong số 21) chúng tôi có ghi rõ những cuốn sách do Khởi Hành gửi tặng quý bạn, là những cuốn để giá dưới 12 mỹ kim, và cuốn nào đã in xong, cuốn nào chưa in. Xin nhắc lại ở đây, những cuốn sách có sẵn để tặng quý vị là:

—Tuyển Tập THƠ TÔ THÙY YÊN (giá để 12 mk, chúng tôi đã gửi một số cho các vị có ghi rõ muốn cuốn này).

—LỜI VIẾT HAI TAY, Thơ Cung Trầm Tưởng (giá để 12 mk, chúng tôi đã gửi

PHIẾU ĐẶT MUA DÀI HẠN tạp chí Khởi Hành

Tên.....Đ.th.....

Địa chỉ

Tôi muốn mua 1 năm 12 số từ số 1 đến số 12/ (hoặc 2 năm 24 số từ sốtới số)

1 năm: 24 mỹ kim/ 2 năm: \$45.00 mỹ kim. Ngoài Hoa Kỳ thêm \$1.50 MK một số cho cước phí bưu điện. [Giá dài hạn chỉ áp dụng cho bạn đọc mua từ 1 năm trở lên. Mua lẻ tính theo giá ngoài bìa, cộng thêm 78 xu cước phí một số.].

Kèm đây là ngân phiếu

Phiếu mua báo và ngân phiếu để tên Khởi Hành và gửi về:

Khởi Hành

P.O. BOX 670

MIDWAY CITY, CA. 92655

một số cho các vị có ghi rõ muốn cuốn này).

—THÚY MỘ QUAN, (giá để 12 mk, như trên).

Hai bộ sau đây, để rõ trong thông báo đã gửi cho quý vị là SẼ IN, là CHIỀU NIỆM VĂN CHUÔNG (một bộ 10 cuốn) và “45 NĂM THI NHÂN VIỆT NAM, 1954-1999”. Nghĩa là hai bộ này chưa xong. Một số bạn đọc không đọc rõ bản thông báo, muốn chúng tôi gửi một trong hai tác phẩm này ngay. Trong hai bộ, bộ CHIỀU NIỆM VĂN CHUÔNG, cuốn 1, sẽ in trước. Vậy xin vui lòng đọc lại.

NHẮ N TIN

—Ông Nguyễn Tuyên (FL)- Chúng tôi có nhận được 2 ngân phiếu của ông, mỗi cái 24 mỹ kim, gửi trước sau làm 2 lần. Trường hợp của ông nằm ở câu trả lời trên. Giá 45 mỹ kim (hai năm), là dành cho quý bạn đọc đặt mua 2 năm ngay trong lần đầu tiên mà thôi, ông không gửi dư 3 mk đâu. Ông có thể chọn một trong ba cuốn sách nói trên như sách tặng dành cho độc giả mua hai năm. Cảm ơn ông.

—Anh Trần Vịnh (SD)- Mong gặp Ông. Cái khoản máy móc vẫn minh như ông nói, chúng tôi kém lắm. Được lời như cởi tấm lòng, nhờ ông giúp cho. Kể từ tháng 8, tôi làm việc nửa ngày, buổi chiều, ở Tòa soạn.

Hai số nay, computer trục trặc (ông nhìn chữ Nhắ n Tin thì rõ, qua Bold hay Ital là nó nhảy dấu, chưa sửa được).

—NHẮ N TIN CHUNG:

Nhiều bạn đọc ưu ái, muốn chúng tôi trả lời bằng thư riêng. Bốn báo chủ nhiệm không có khả năng đó, chỉ vì thì giờ quá eo hẹp. Có bạn so bì, nói viết cho báo A, báo B, nhà văn A, nhà văn B trả lời ngay, mà sao bốn báo chủ nhiệm không trả lời, hay chỉ trả lời thư tình thôi? Hai số Khởi Hành mới nhất, chủ đề Hồ Hữu Tường, Đinh Hùng, bài còn không viết được, cũng vì không đủ thì giờ. Còn thư tình, thì cũng muốn viết lắm, nhưng “viết đưa ai, ai biết mà đưa”, đại khái như thơ Tần Đà vậy.

Ngoài ra, các văn hữu đã đóng góp bài vở về Mai Thảo, Hoàng văn Chí, Hồ Hữu Tường, Đinh Hùng, vì bài đến chậm, đành để in sau, khi tiếp dịp, không thể in ngay số kế tiếp. Những thư từ khác, hẹn trả lời số tới. Trân trọng.

Anh LỮ YÊN (OR) Đọc thư anh, cổ mừng tượng đáng một người bạn cao gầy, có phải chăng, thuở building Cửu Long. Anh gửi cho những bài thơ ngắn mới tiện chọn đăng. Khởi Hành còn mỏng quá, khó đăng thơ dài.

Phát hành trong tháng Tám:

Về Hướng Mặt Trời Lặn

tập truyện mới nhất của Trần Hoài Thư

Ngay vừa chiếm miền Nam, nhà cầm quyền CS đã tìm mọi cách triệt hủy văn học thời chiến, một nền văn học mà họ hãi sợ bởi tính nhân bản và tự do, trái với nền văn học đảng tính của CS.

Nhưng họ đã lầm.

Ra Biển Gọi Thăm và Ban Mê Thuột Ngày Đầu Ngày Cuối là một bằng chứng. Và bây giờ thêm Về Hướng Mặt Trời Lặn.

Để tìm lại một nền văn học thời chiến đã mất, để gờ lại danh dự một hàng ngũ thất thế qua những bài nhỏ. Để thương hơn những người vợ lính, những thương phế binh. Để nói với thế hệ trẻ. Để trả lại sự thật về lòng nhân hậu của tuổi trẻ miền Nam qua những bài văn tràn ngập nhân bản tính. Từ đêm phục kích ông thầy nguyên là một lãnh tụ trong biến cố thâm sát năm Mậu Thân đến đôi mắt của Ông Tư lệnh QĐ 4 trong giờ phút miền Nam hấp hối với những chi tiết không thể tìm gặp trong bất cứ một bài viết nào từ trước đến nay... Từ một hàng quán trong giờ phút tan hàng. Từ những cảnh sống vương giả, bất công, lợi dụng xương máu của người lính.

Được viết bởi một tác giả mà tên tuổi rất quen thuộc trên các tạp chí uy tín nhất của miền Nam trước 1975.

* Có những bài văn một thời làm rung động nền văn chương thời chiến như Vườn Thánh, Bệnh Xá Cuối Năm, Nụ Hoa vàng của Ngày Tình Si, Trưa địa ngục v.v.. đã được đi trên tạp chí Văn, Bách Khoa, Văn Đẻ, Khởi Hành v.v.. trước 1975. Cùng với bài giới thiệu hiếm hoi của nhà văn Mai Thảo trong một số chủ đề về Cây Bút Trẻ của tạp chí Văn.

Xin hỏi tiệm sách hay liên lạc:

Trần Hoài Thư

PO Box 58 S. Bound Brook NJ 08880

Phone: (908) 769-1718

Email: thi@saigonline.com hay sachtran@worldnet.att.net

Sách dày 278 trang, giá \$14. Ngoài Hoa Kỳ thêm \$2 cước phí.

Dạ Vũ • Mùa Hè

Nhân ghé thăm Las Vegas một dạ vũ huy hoàng
lộng lẫy không thể bỏ qua được.

thuý nga paris
trân trọng giới thiệu

Magnificent Night in Las Vegas

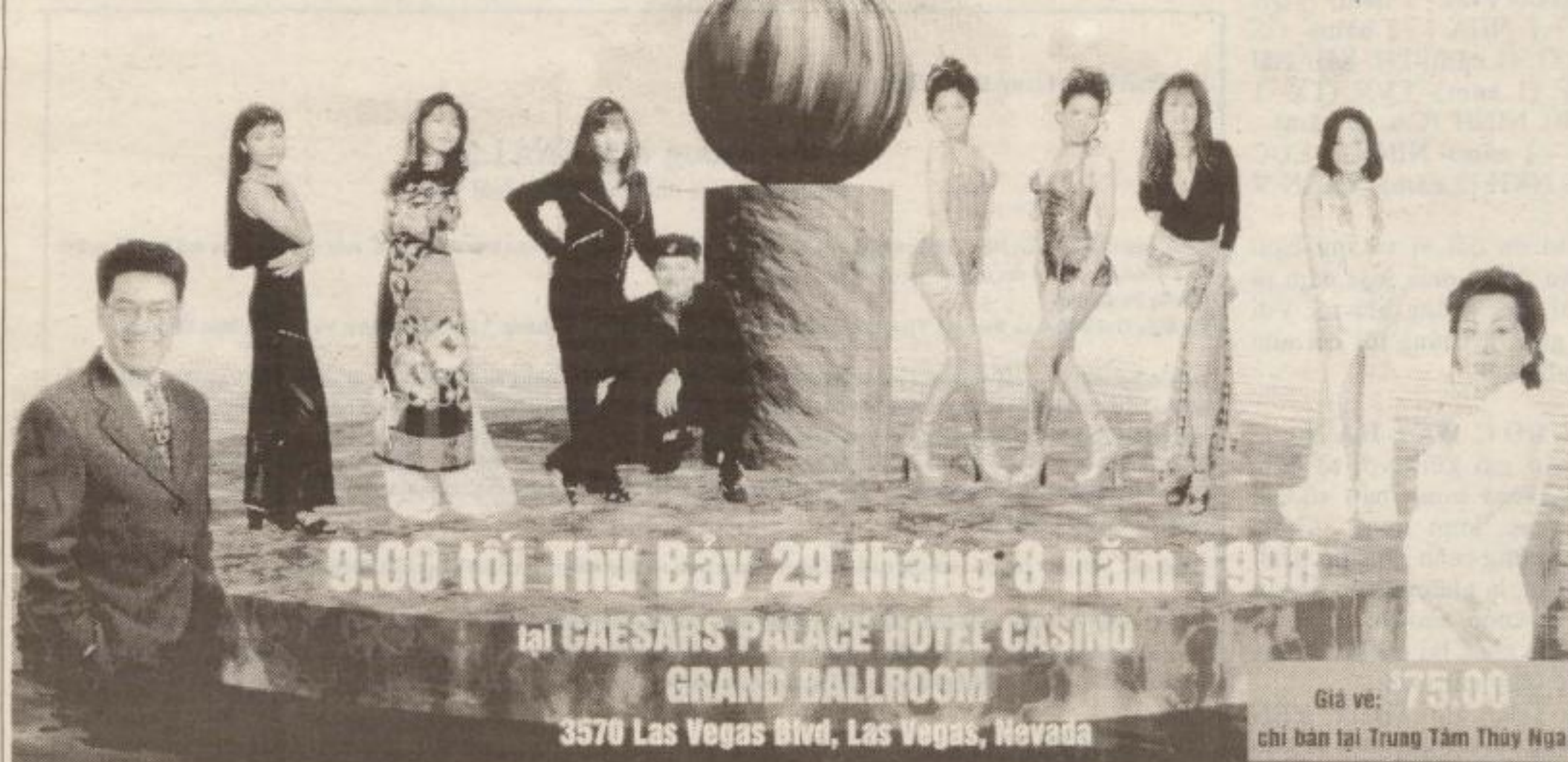
Điều Khiển Chương Trình
Nhà Văn Nguyễn Ngọc Ngạn
Nguyễn Cao Kỳ Duyên

Với sự góp mặt

Ái Vân, Ý Lan, Hương Lan, Hoàng Lan,
Lưu Bích, Bảo Ngọc, Trúc Lam, Trúc
Linh, Linda Trang Đài, Thiên Kim, Tuấn
Ngọc, Elvis Phương, Nguyễn Hưng, Don
Hồ, Thế Sơn, Tommy Ngô, Cùng đôi danh
hài Hồng Đào và Quang Minh, Hợp cùng
ban nhạc Chí Tài Brother.

Giá Vé
\$75

bán tại
Trung tâm
Thúy Nga
& tại
Caesars Palace.



9:00 tối Thứ Bảy 29 tháng 8 năm 1998

tại CAESARS PALACE HOTEL CASINO
GRAND BALLROOM

3570 Las Vegas Blvd, Las Vegas, Nevada

Giá vé: \$75.00

chỉ bán tại Trung Tâm Thúy Nga

Điện thoại (714) 893-2860 • Fax (714) 891-9673



Ánh Hồng

7 Courses of Beef Restaurant

10195 WESTMINSTER AVE. GARDEN GROVE, CA. 92643

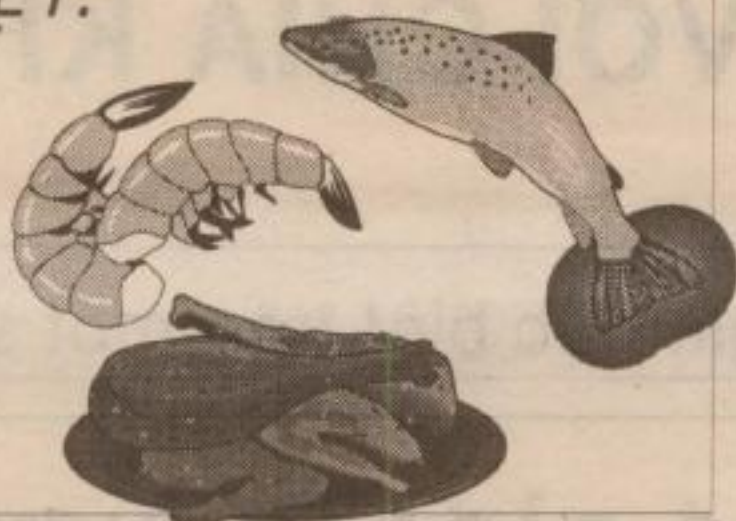
Điện thoại: (714) 537-5230

CHÁNH GỐC CỒNG XE LỬA SỐ 8 PHÚ NHUẬN
SÁNG LẬP TỪ NĂM 1954

Chuyên môn thức ăn thuần túy Việt Nam
do chính chủ nhân Bà **Lê Văn Khá** trực tiếp điều khiển

ĐẶC BIỆT:

- * TÔM
- * GÀ
- * CÁ
- * MỰC



BEER & WINE



GIỜ MỞ CỬA:

7 NGÀY TRONG TUẦN

THỨ HAI ĐẾN THỨ NĂM: 3:00PM-9:30PM

THỨ SÁU & THỨ BẢY: 11:00AM-10:30PM

CHỦ NHẬT: 11:00AM-9:30PM

Gia Đình **ÁNH HỒNG** kính mời

SAN JOSE

1818 Tully Road # 150
San Jose, CA. 95122
(408) 270-1096

ORANGE COUNTY

10195 Westminster Ave.
Garden Grove, CA. 92643
(714) 537-5230

SAN FRANCISCO

808 Geary Ave
San Francisco, CA. 94109
(415) 885-5180

LOS ANGELES

8748 E. Valley Blvd. # A
Rosemead, CA 91770
(818) 572-9805

VANCO FOODS

FOUNTAIN VALLEY

16042 MAGNOLIA AVE., FOUNTAIN VALLEY, CA 92708

Tel: (714) 843-1818 ■ Fax: (714) 843-1816



VANCO FOODS

10932 WESTMINSTER AVE., GARDEN GROVE, CA 92843

(714) 530 - 2999



LITTLE SAIGON

9822 BOLSA AVE., WESTMINSTER, CA 2683

(714) 531-7272

CHƯƠNG TRÌNH CHÌA KHÓA VÀNG TIẾT KIỆM

Your Golden Key To Savings

Thank you for shopping at
VANCO FOODS
LITTLE SAIGON SUPERMARKET

VANCO FOODS	VANCO FOODS	VANCO FOODS
16042 MAGNOLIA AVE., FOUNTAIN VALLEY, CA 92708	10932 WESTMINSTER AVE., GARDEN GROVE, CA 92843	10932 WESTMINSTER AVE., GARDEN GROVE, CA 92843
(714) 843 - 1818	(714) 530 - 2999	(714) 530 - 2999



ĐI CHỢ VỚI CHÌA KHÓA VÀNG:

■ Được giảm giá đặc biệt trên một số mặt

ĐẶC BIỆT: GẠO BAO BỐ HIỆU CON Ó, BẢO ĐẢM THƠM NGON

BÊN TRONG CHỢ CÒN CÓ:

PAGETEK:

Bán, sửa chữa, mở đường dây
các loại CELLULAR PHONES

714-843-0440

THUY'S FOOD TOGO:

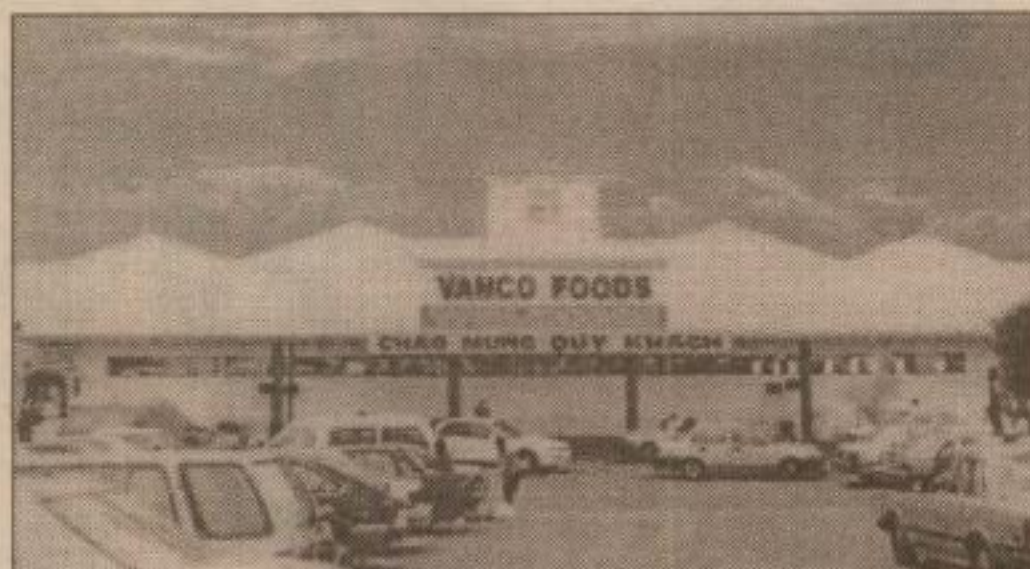
Bán café, bánh mì và trên 50
món ăn chay, mặn với giá chỉ \$1
mỗi món. **MUA \$5 TẶNG \$1**

9092 Edinger Ave, Fountain Valley
714-843-9926

BÁN LẺ RẺ NHƯ BÁN SỈ

NGÔI CHỢ LÝ TƯỞNG CỦA NGƯỜI VIỆT HẢI NGOẠI

VANCO SUPERMARKET



10932 WESTMINSTER AVE.,
GARDEN GROVE, CA 92843
TEL. (714) 530-2999

LITTLE SAIGON SUPERMARKET



9822 BOLSA AVE
WESTMINSTER, CA 92643
TEL. (714) 531-7272

*Quanh Năm Tận Tụy Phục Vụ
Đáp Ứng Đúng Nhu Cầu Bà Con
Nhiều Đợt Sale và Tặng Quà Liên Tiếp*

CHỢ CHÚNG TÔI CÓ 10 CÁI NHẤT

- Chợ lớn NHẤT
- Hàng nhiều NHẤT
- Thịt, cá, rau tươi NHẤT
- Đủ loại hàng thực dụng NHẤT
- Giá cả các loại hàng hạ NHẤT
- Có tặng phẩm nhiều NHẤT
- Tiếp đãi ân cần NHẤT
- Địa điểm thuận lợi NHẤT
- Bãi đậu xe an toàn NHẤT
- Và được mọi người ưa thích NHẤT



Chợ chúng tôi có nhận thẻ tín dụng để trả tiền hàng



Đời người chỉ có một lần

Nếu bạn muốn trở thành Cô Dâu xinh đẹp rực rỡ, sang trọng mà vẫn giữ được nét tự nhiên, duyên dáng. Muốn có vẻ đẹp long lanh, kiều sa mà không phấn son nặng nề, lòe loẹt.

Xin Mời Đến **Nhật Hạ** Studio Photo & Make-up

Do Ca Sĩ, Model, Make-up Artist Nhật Hạ phụ trách, đã trang điểm cho hầu hết các nghệ sĩ nổi tiếng như: Khánh Hà, Thanh Lan, Băng Châu, Lâm Thúy Vân, Trizzie Phương Trinh, Linda Trang Đài, Thúy Vi, Giáng Ngọc, Ngọc Huệ v.v... Trên các Video và Poster đã thực hiện.

Để Có Những Tấm Ảnh Để Đời, Xin Mời Tới:

Nhật Hạ

STUDIO • PHOTO & MAKE-UP • WEDDING

5421 W. First St. #5 • Santa Ana, CA 92704 (cạnh nhà hàng Thiên Thanh)

Phone: (714) 265-5353 • Pager: (714) 804-8478

Nhận Chụp Hình

- Wedding
- Portrait
- Fashion
- Model
- Family

Make-Up & Làm Tóc

- Cô Dâu
- Phụ Dâu
- Chú Rể

Xâm

- Long Mày, Mát, Môi
- Dạy Make-up

design by AT GRAPHICS • 408-308-2057

PHÁT HÀNH TRONG THÁNG 8 . 98 SAU 2 NĂM THỰC HIỆN CÔNG PHU



Nhật Hạ Video 7 Tuyệt Phẩm

Directed & Cinematographed: Howard Huệ

• Hương Lan • Thanh Hà • Nhật Hạ • Jimmy Joseph • Thanh Lan • Trịnh Nam Sơn • Duy Quang • Julie • Trizzie Phương Trinh • Sơn Tuyền • Linda Trang Đài • Lâm Nhật Tiến • Randy • Malina Nhã Lan •

© COPYRIGHT 1998 NHAT HA PRODUCTIONS • 5421 W. FIRST ST. #5 • SANTA ANA, CA 92703 • TEL: 714-265-5353

Khởi Hành

TẠP CHÍ SÁNG TÁC SINH HOẠT VĂN HỌC NGHỆ THUẬT



P.O. BOX 670 MIDWAY CITY, CA. 92655

BULK RATE
U.S. POSTAGE PAID
WESTMINSTER, CA
PERMIT NO. 49



Khởi Hành số 22 ■ Tháng 8.1998 ■ Giá Ba Mỹ Kim Rưỡi

ĐỒNG NAI PHARMACY

CÔNG TY CUNG CẤP DƯỢC PHẨM VÀ DỤNG CỤ

9081 Bolsa Avenue, Suite #108 * Westminster, California 92683
(Gần tiệm Hòa Bình Food To Go trong khu Guaranty Bank of California)

Dược sĩ TRẦN ĐỨC HIẾU - Dược sĩ TRẦN THỊ LƯU ÁI

Tel: (714) 397-5072 * Fax: (714) 379-5074

CUNG CẤP ĐẦY ĐỦ:

- * Các loại dược phẩm bán theo toa (Prescription Drugs) hay bán tự do (OTC Drugs)
- * Các loại sản phẩm nuôi dưỡng bệnh nhân qua ống truyền vào ruột hay truyền vào máu (Enteral & Parenteral Nutrition Products)
- * Các vật dụng dành cho bệnh nhân tiểu tiện bất thường (Incontinence Products).
- * Các vật dụng dành cho bệnh nhân giải phẫu lỗ thông qua thành bụng (Ostomy Products).
- * Túi dẫn lỗ thông đại tràng (Colostomy Products).

BÁN VÀ CHO THUÊ CÁC DỤNG CỤ Y KHOA:

- * Xe lăn - Nạng chống - Nạng tập đi (Walker)
- * Giường bệnh viện và các đồ dùng phụ thuộc (Hospital beds & Accessories).
- * Dụng cụ an toàn trong phòng tắm (Bathroom Safety Products).
- * Các loại máy đo đường trong máu (Blood Glucose Monitor), máy đo huyết áp (Blood Pressure Monitor).

NHẬN MEDICAL - MEDICARE - CTU VÀ CÁC LOẠI BẢO HIỂM:
PCS - BLUE CROSS - BLUE SHIELD - MEDIMET - PAID, V.V...

MỞ CỬA 6 NGÀY TRONG TUẦN

Thứ Hai - Thứ Sáu: 10:00AM - 7:00PM

Thứ Bảy: 10:00AM - 5:00PM